

Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
M-Oxytetracyclin ICI	Oxytetracyclin HCl	Gói	5;10;20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị các bệnh truyền nhiễm gây ra bởi các vi khuẩn Gr (+), Gr (-) và Mycoplasma	HCM-X20-79
M-Colistin sulfate	Colistin sulfate	Gói	5;10;20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy phân trắng do E.coli, bệnh thương hàn, PTH, bạch lỵ, THT.	HCM-X20-80
M-Tylosin tartrate	Tylosin tartrate	Gói	5;10;20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị CRD, C.CRD, viêm xoang mũi truyền nhiễm, viêm ruột tiêu chảy; viêm phổi phế, suyễn heo do Mycoplasma, lỵ do Vibrio.	HCM-X20-81
M-Spiramycin 10%	Spiramycin adipate	Gói	5;10;20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị CRD, viêm xoang mũi truyền nhiễm, viêm màng hoạt dịch; suyễn, viêm phế quản, khí quản.	HCM-X20-82
M-Flumequin 10%	Flumequin sodium	Gói	5;10;20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Phòng, trị tiêu chảy phân trắng, E.coli, bệnh phù thũng sau cai sữa, thương hàn, PTH, THT, viêm sở mũi truyền nhiễm.	HCM-X20-83
M-Sulfadiazin sodium 99%	Sulfadiazin sodium	Gói	5;10;20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị viêm phế quản, viêm phổi, phụ nhiễm vi trùng, nhiễm trùng sinh dục, tiêu hóa ở gia súc, gia cầm.	HCM-X20-85
M-Amoxicillin trihydrate 98%	Amoxicillin trihydrate	Gói	5;10;20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị bạch lỵ gà con, thương hàn, E.coli, viêm ruột, THT, tiêu chảy phân trắng ở lợn con, viêm khí quản, viêm màng phổi, hội chứng MMA ở heo nái	HCM-X20-86
M-Amoxycol	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulfate.	Ống, Lọ	5ml. 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin và Colistin gây ra trên bê, nghé, heo con, chó, mèo	HCM-X20-68
M-Feron 3.comp	Iron, Vitamin B1, B6, B12.	Ống, Lọ	5ml. 10; 20; 50; 100ml	Phòng thiếu máu do thiếu sắt, bổ sung vitamin cần thiết giúp thú tăng trọng nhanh.	HCM-X20-69
M-Colexin	Cephalexin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Cefalexin gây ra trên chó, mèo.	HCM-X20-70
M-Vita ADE	Vitamin A, D3, E	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Ngăn ngừa và trị các bệnh do thiếu vitamin A, D3, E gây ra.	HCM-X20-71
M-Colmycin	Kanamycin, Colistin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycin và Colistin gây ra.	HCM-X20-72
M-Amoxyl LA	Amoxicillin trihydrate.	Ống, Lọ	5ml. 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin gây ra trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo.	HCM-X20-73

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số
81.	QM-Vita C Fort	Vitamin C	Ông, Lọ	5ml; 10; 20; 50; 100ml	Tăng sức đề kháng, giảm và ngăn ngừa Stress, kích thích thú ăn nhiều, phục hồi nhanh sức khỏe sau điều trị trên trâu, bò, heo, chó, mèo.	HCH
82.	QM-Difloxyl	Difloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Difloxacin gây ra trên bê, nghé, chó.	HCH
83.	QM-Ivertin	Ivermectin	Ông, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, heo.	HCH
84.	QM-Atropin	Atropin	Ông, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Chống co thắt, co giật, giải độc trên bò, ngựa, cừu, chó, mèo.	HCH
85.	QM-Mafloxyl	Marbofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, heo.	HCH
86.	QM-Erycoltin	Erythromycin, Colistin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Erythromycin và Colistin gây ra trên bò, heo.	HCH
87.	QM-Propenkan	Kanamycin, B. penicilin proca	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp và tiết niệu, bệnh viêm khớp trên bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo.	HCH
88.	QM-Proopen	Benzyl penicilin procain	Ông, Lọ	5ml; 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh viêm phổi, viêm ruột, viêm vú, viêm tử cung, viêm đường tiết niệu trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo.	HCH
89.	QM-Calfen	Calcium gluconate,	Chai	10; 20; 50; 100ml	Chống thiếu Canxi, bại liệt, co cơ, tetanus, sốt sưa trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo.	HCH
90.	QM-Mequintacin	Flumequin	Ông, Lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequin trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, ngựa, gia cầm.	HCH
91.	QM-Metapron	Analgin	Ông, Lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, giảm co thắt, trị đau khớp và hạ sốt trên ngựa, trâu, bò, dê, cừu, heo, chó.	HCH
92.	QM-Ambiotec	Ampicillin trihydrate	Ông, Lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm màng não, hoại tử tai, viêm ruột, viêm khớp, viêm thận, viêm đường tiết niệu, viêm bàng quang trên bò, lợn, chó, mèo.	HCH
93.	QM-Baciacoli-F	Florfenicol	Gói, Bao, Xô	10; 20; 50; 100; 400; 500g; 1; 2; 3; 5; 10; 20kg	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo.	HCH
94.	QM-Ceftifur	Ceftiofur	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, heo	HCH

Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
QM-Flor- LA	Florfenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo.	HCM-X20- 74
QM-Spectol	Spectinomycin	Lọ	5:10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Spectinomycin gây ra trên dê, cừu và heo con.	HCM-X23- 08
QM-Toltracoc	Toltrazuril	Lọ	5:10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250;500ml; 1l	Trị cầu trùng trên gia cầm	HCM-X23- 09
QM-Neolin	Neomycin sulfate, Kaolin	Lọ	5:10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250;500ml; 1l	Trị bệnh tiêu chảy và viêm ruột trên bê, ngựa con, cừu non, heo con, chó, mèo.	HCM-X23- 11
QM-Colimax	Colistin sulfate	Lọ	5:10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250;500ml; 1l	Trị bệnh đường ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin gây ra trên heo con, dê non, cừu non.	HCM-X23- 27
QM- Spiraject	Spiramycine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hoá, viêm khớp, viêm vú trên trâu, bò, lợn, dê, gia cầm.	HCM-X20-101
QM- Penistrep suspension	Penicillin G procaine, Dihydrostreptomycin	Ống, Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng trên trâu, bò, ngựa, heo, dê.	HCM-X20-104
QM-Enro. O	Enrofloxacin HCL	Lọ	5:10; 20 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml;1;2; 4; 5 lít.	Trị nhiễm khuẩn hô hấp và dạ dày, ruột gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin	HCM-X20-105
QM-Nor. O	Norfloxacin HCl	Lọ	5:10;20;50;100;120; 150;200;250;500ml; 1; 2;4;5 lít.	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Norfloxacin trên gia cầm.	HCM-X20-106
QM-Mectin. P	Ivermectin	Gói, Xô Bao, Xô	50; 100; 400;500g; 1;2;3;4;5;10;20kg.	Trị bệnh do nội và ngoại ký sinh trùng trên heo	HCM-X20-107
QM- Teracol suspension	Colistin sulfate, Oxytetracyclin HCL	Ống, Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do VK nhạy cảm với Colistin và Oxytetracyclin cho bò,cừu,dê,ngựa,heo,chó,mèo.	HCM-X20-108
QM-Tiamulin.P 20	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, Bao, Xô	50; 100; 400; 500g; 1;2;3;4;5;10;20kg	Trị bệnh lý trên heo	HCM-X20-109
QM-Tylo DT	Thiamphenicol, Tylosin tartrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phế quản, viêm phổi, viêm vú, tử cung, nhiễm trùng huyết trên trâu, bò, heo, dê, cừu.	HCM-X20-110
QM-Sone	Florfenicol, Oxytetracyclin	Ống, Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hoá, viêm vú, viêm tử cung, tiết niệu trên trâu, bò, heo, dê, gia cầm.	HCM-X20-111

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng
109.	QM-Tylogenta sone	Tylosin tartrate, Gentamycin sulfate	Ông, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp và sinh sản do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin, Gentamycin gây ra trên trâu, bò, lợn	HCM-X2
110.	Peta-B.Thionin.C	Vitamin B ₁ , B ₂ , B ₆ , B ₁₂ , C, PP, DL- Methionin, Glucose, Taurin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Cần đối vitamin và acid amin thiết yếu cho thú nuôi kể cả động vật nhai lại.	HCM-X2
111.	Peta-Florson LA	Florfenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, heo.	HCM-X2
112.	Peta-Erycol inj	Erythromycin, Colistin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Erythromycin, Colistin gây ra.	HCM-X2
113.	Peta-C Vit inj	Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng sức đề kháng, ngăn ngừa stress, kích thích thú ăn nhiều, phục hồi nhanh sức khỏe sau mỗi lần điều trị trên bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	HCM-X2
114.	Peta-Neopensus	Benzyl penicillin procain, Neomycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Penicillin, Neomycin như: hô hấp, sinh dục, tiêu hóa, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp và phụ nhiễm trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn.	HCM-X2
115.	Peta-Gentacin.S	Gentamycin sulfate, Sulfadimidine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị cầu trùng, viêm phổi, viêm tử cung, tiêu chảy, viêm ruột, viêm vú.	HCM-X2
116.	Peta-Tolcox	Toltrazuil	Bình, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 2; 4; 5lit	Trị cầu trùng trên heo con, cừu và dê con.	HCM-X2
117.	Peta-Fosfan B ₁₂	Butafosfan, Vitamin B ₁₂	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Dùng bổ dưỡng cho thú khi cơ thể bị thiếu hụt dinh dưỡng, rối loạn hấp thu, thú bị thiếu phosphore, sinh sản kém, thú bị stress, kiệt sức, quá sức, giảm sức đề kháng, thiếu máu	HCM-X2
118.	Peta-Fer B ₁₂ inj	Iron (Iron dextran), Vitamin B ₁₂	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu trên bê, ngựa, lợn con	HCM-X2
119.	Peta-Tiamulin	Tiamulin (Fumarate)	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày, hô hấp, bệnh lý, viêm phổi phức hợp, viêm teo mũi truyền nhiễm trên lợn.	HCM-X2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
120.	Peta-Flu Oral	Flumequin	Bình, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml1; 2; 4; 5lít	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Flumequin như: E.coli, Samonella, Pasteurella trên bê, gà, vịt.	HCM-X20-123
121.	Peta-Tilcosin Oral	Tilmicosin	Bình, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml1; 2; 4; 5lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Tilmicosin trên bê, nghé, heo, gia cầm	HCM-X20-124
122.	PETA-OTC inj	Oxytetracyclin base	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin	HCM-X20-125
123.	PETA-Amox LA	Amoxicillin trihydrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp do vi khuẩn gram dương gây ra.	HCM-X20-126
124.	PETA-Tylo DT	Thiamphenicol Tylosin tartrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phế quản, thối móng, viêm vú, viêm tử cung, tụ huyết trùng, viêm phổi, nhiễm trùng huyết, tiêu chảy, viêm ruột, hội chứng MMA, sốt sữa, trên trâu, bò, dê, cừu, lợn.	HCM-X20-127
125.	PETA-Colistin inj	Colistin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin gây ra.	HCM-X20-128
126.	PETA-Sone	Florfenicol, Oxytetracyclin HCl	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị Tụ huyết trùng, viêm phổi, màng phổi, viêm teo mũi truyền nhiễm. tiêu chảy, viêm vú, viêm tử cung, viêm đường tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gai cầm.	HCM-X20-129
127.	PETA-Dexa inj	Dexamethasone sodium phosphate.	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm nhiễm, bệnh ngoài da viêm khớp, thấp khớp trâu, bò, heo	HCM-X20-130
128.	PETA-Mectin inj	Ivermectin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nội ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, heo, cừu.	HCM-X20-131
129.	PETA-Cepha sus	Cephalexin monohydrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng da, áp xe, nhiễm trùng hô hấp, nhiễm trùng đường tiết niệu	HCM-X20-132
130.	PETA-Genamox sus	Gentamycin sulfate Amoxicillin trihydrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm tử cung, tiêu chảy, viêm ruột, viêm vú trên ngựa bò, heo, dê, cừu.	HCM-X20-133
131.	PETA-Penstrep sus	Benzylpenicillin procain, Dihydrostreptomycine sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với penicillin và Dihydrostreptomycin.trên ngựa, trâu, bò, dê, heo.	HCM-X20-134

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
132.	PETA- Analgin	Analgin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, ngựa, heo.	HCM-X20-13.
133.	PETA-Calcium inj	Calcium gluconate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Cung cấp Calcium trong trường hợp thú bị thiếu khoáng, khẩu phần thức ăn không cân đối, bị stress..	HCM-X20-13
134.	PETA-Gentatyllo	Tylosin tartrate Gentamycin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Gentamycin chủ yếu trên đường hô hấp và sinh sản (hội chứng MMA).	HCM-X20-13
135.	PETA-Flumtacin sus	Flumequin base	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng tiêu hóa do E.coli, Salmonella, Pasteurella, bệnh đường hô hấp do Staphylococcus trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm.	HCM-X20-13
136.	PETA-Enro oral	Enrofloxacin base	Lọ, bình nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2; 4; 5 lít.	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa do E.coli trên gia cầm.	HCM-X20-13
137.	PETA-Cocci oral	Sulfadimidine sodium Sulfaginoxaline sodium	Lọ, bình nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2; 4; 5 lít.	Trị tiêu chảy, viêm ruột, tụ huyết trùng.	HCM-X20-14
138.	PETA- Antiecoli	Neomycin (sulfate) Colistin (sulfate)	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg.	Trị nhiễm khuẩn dạ dày, ruột trên bê, cừu non, ngựa non, heo, thỏ, gia cầm	HCM-X20-14
139.	PETA-CRD	Doxycyclin Hyclate Tylosin tartrate	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg.	Trị nhiễm khuẩn dạ dày, ruột trên bê, dê, cừu, heo và gia cầm.	HCM-X20-14
140.	PETA-Flor prenix	Florfenicol	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg.	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng.	HCM-X20-14
141.	PETA-Amoxcol	Amoxicillin trihydrate Colistin sulfate	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg.	Trị nhiễm trùng đường ruột trên bò, dê, cừu, heo, gia cầm.	HCM-X20-14
142.	Colamoxin	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói, Hộp	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 10kg	Trị bệnh đường ruột trên trâu bò, dê, cừu, heo và gia cầm.	HCM-X20-14.

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
143.	B complex C	Vitamin: B1, B2, B6, B12, PP, C, Methionine, glucose, taurine.	Ống, Lọ	5;10;20;50;100, 200, 500ml.	Trị bệnh do thiếu vitamin, tăng sức đề kháng cho gia súc, gia cầm.	HCM-X20-146
144.	Ampicol	Ampicillin trihydrate Colistin sulfate	Ống, Lọ	5;10;20;50;100, 200, 500ml.	Trị nhiễm trùng máu, viêm đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm phổi, viêm phế quản, viêm ruột, viêm dạ dày-ruột, viêm đa khớp, phù đầu, tụ huyết trùng, thương hàn.	HCM-X20-147
145.	Peta – Amcoli sus	Ampicillin trihydrate Colistin sulfate	Ống, Lọ	5;10;20;50;100, 200, 500ml.	Trị nhiễm trùng máu, viêm đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm phổi, viêm phế quản, viêm ruột, viêm dạ dày-ruột, viêm đa khớp, phù đầu, tụ huyết trùng, thương hàn	HCM-X20-148
146.	Dexaject	Dexamethasone sodium phosphate	Ống, Lọ	5;10;20;50;100, 200, 500ml.	Chống dị ứng, viêm da, viêm khớp, viêm bao khớp, bệnh acetone, keton huyết, shock và stress	HCM-X20-149
147.	Gentamoxyl	Gentamycin sulfate Amoxicillin trihydrate	Ống, Lọ	5;10;20;50;100, 200, 500ml.	Trị viêm phổi, bệnh Clostridia, viêm ruột, viêm khớp.	HCM-X20-150
148.	Fer B12 ject	Iron dextran, Vitamin B12.	Ống, Lọ	5;10;20;50;100, 200, 500ml.	Phòng thiếu máu do thiếu sắt, bổ sung vitamin cần thiết giúp thú tăng trọng nhanh.	HCM-X20-151
149.	AMOXyla	Amoxicillin trihydrate	Ống, Lọ	5;10;20;50;100, 200, 500ml.	Trị nhiễm trùng hô hấp do vi khuẩn Gam ⁺ , Pasteurella.	HCM-X20-152
150.	VITA C JECT	Vitamin C	Ống, Lọ	5;10;20;50;100, 200, 500ml.	Tăng sức đề kháng, giảm và ngăn ngừa stress, kích thích thú ăn nhiều, phục hồi nhanh sức khỏe sau điều trị trên trâu, bò heo, chó, mèo.	HCM-X20-153
151.	MECTINJECT	Ivermectin	Ống, Lọ	5;10;20;50;100, 200, 500ml.	Trị nội, ngoại, ký sinh trùng trên trâu, bò, heo.	HCM-X20-154
152.	Anagin ject	AnaIn	Ống, Lọ	5;10;20;50;100, 200, 500ml.	Giảm đau, giảm co thắt, trị đau khớp và hạ sốt trên ngựa, trâu, bò, dê, cừu, heo, chó.	HCM-X20-155
153.	Florcombisone	Florfenicol Oxytetracyclin HCl	Ống, Lọ	5;10;20;50;100, 200, 500ml.	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, viêm tử cung, viêm đường tiết niệu trên trâu bò, heo, dê, gia cầm.	HCM-X20-156

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
154.	Strepen inject	Benzylpenicillin procain Dihydrostreptomycin sulfate	Ống, Lọ 500ml.	5;10;20;50;100, 200, 500ml.	Trị nhiễm trùng trên trâu, bò, ngựa, heo, dê. Do vi khẩn nhạy cảm với Penicilline và streptomycine gây ra.	HCM-X20-157
155.	PETA- OTC Spray	Oxytetracycline HCl.	Lọ 500ml	5;10;20;50;100, 200, 500ml	Trị nhiễm trùng vết thương trên gia súc	HCM-X20-158
156.	LEVAJECT	Levamisol HCl	Ống, Lọ 500ml	5;10;20;50;100, 200, 500ml	Trị nhiễm giun trên đường tiêu hóa, giun móc, giun đuối, giun thận và giun phổi....	HCM-X20-159
157.	QM-FLOR . DOC	Florfenicol Doxycycline Hyclate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp tiêu hóa, viêm tử cung, viêm âm đạo, viêm màng não trên trâu, bò, heo.	HCM-X20-160
158.	PETA-ANALGIN .C	Analgin, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng sức đề kháng, phòng ngừa stress, phục hồi sức khỏe sau khi bị bệnh	HCM-X20-161
159.	PETA-ENRO 50 INJ	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, tiêu chảy trên trâu, bò, heo.	HCM-X20-162
160.	PETA- SPIRATREP	Spiramycin Adipate Streptomycin sulfate	Chai, lọ	10,20,50,100ml	Trị CRD, viêm túi khí, nhiễm trùng Staphylococcus, tiêu chảy do vi trùng, viêm phổi địa phương, dấu son, viêm phổi, viêm nội mạc tử cung, viêm khớp, áp xe, thương hàn.	HCM-X20-163
161.	PETA- TIACOLJECT	Tiamulin Fumarate, Colistin sulfate	Chai, lọ	10,20,50,100ml	Trị bệnh hồng ỉy, viêm phổi địa phương, Mycoplasma.	HCM-X20-164
162.	PETA-LEVA inj	Levamisol	Chai, Lọ	10,20,50,100ml	Phòng và trị giun, sản đường tiêu hóa, phổi trên heo.	HCM-X20-165
163.	QM-FOSFAN B ₁₂	Butafosfan; Vitamin B12	Lọ	5;10;20;50;100ml	Dùng bổ dưỡng cho thú khi cơ thể bị thiếu hụt dinh dưỡng, rối loạn hấp thu, thú bị thiếu phosphore, sinh sản kém, thú bị stress, kiệt sức, giảm sức đề kháng, thiếu máu.	HCM-X20-166
164.	QM-Tetra spray	Oxytetracyclin HCl	Bình xịt	100;200; 500ml.	Phòng và trị nhiễm trùng vết thương.	HCM-X20-168
165.	QM-Colamoxin	Amoxicillin trihydrate; Colistin sulfate	Gói, Bao, Xô	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột trên bò, dê, cừu, heo, gia cầm.	HCM-X20-169

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
166.	QM-Flor oral	Florfenicol	Chai, Bình	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2; 4; 5l	Trị nhiễm khuẩn tiêu hóa, hô hấp trên heo, gia cầm.	HCM-X20-170
167.	QM-Filmycosin Oral	Tilmicosin phosphate	Chai, Bình	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2; 4; 5l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bò, heo, gia cầm.	HCM-X20-171
168.	QM- Apracin	Apramycin sulfate	Gói, Bao, Xô	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị viêm ruột trên bò, heo, gia cầm.	HCM-X20-172
169.	PATROLYTE C	Paracetamol	Gói, Bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Giảm đau, hạ sốt trên heo, gia cầm.	HCM-X20-173
170.	ANALYTE C	Analgin, Vitamin C, Potassium chloride, Sodium chloride	Gói, Bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Giảm đau, hạ sốt, chống mất nước, chất điện giải trên gia súc, gia cầm.	HCM-X20-174
171.	BROMSOLON	Bromhexin HCl	Gói, Bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Làm loãng đàm, tan đàm.	HCM-X20-175
172.	TIADOXIN	Doxycyclin hyclate, Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, Bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị bệnh đường hô hấp trên heo, gia cầm.	HCM-X20-176
173.	GENDOXIN	Doxycyclin hyclate, Gentamycin sulfate	Gói, Bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng dạ dày-ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm.	HCM-X20-177
174.	NEODOX	Doxycyclin hyclate, Neomycin sulfate	Gói, Bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng dạ dày-ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm.	HCM-X20-178
175.	TYLOSULFA	Tylosin tartrate Sulfamethoxazol	Gói, Bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị hồng lỵ, viêm phổi, viêm ruột trên heo.	HCM-X20-179
176.	ERYTERCIN	Oxytetracyclin HCl Erythromycin thiocyanate	Gói, Bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị bệnh đường hô hấp trên bê, heo, gia cầm.	HCM-X20-180

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
177.	AMPI. E	Ampicillin trihydrate Erythromycin thioyanate	Gói, Bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg.	Trị nhiễm trùng dạ dày-truột trên gia cầm.	HCM-X20-181
178.	QM- TOLTRACOC pump	Toltrazuril	Chai, Bình	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500; 1; 2; 4; 5 lít.	Trị cầu trùng trên heo, dê non, cừu non.	HCM-X20-182
179.	TRACIL PUMP	Colistin sulfate, Spectinomycin	Chai, Bình	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500; 1; 2; 4; 5 lít.	Trị nhiễm khuẩn dạ dày-truột trên heo, dê non, cừu non.	HCM-X20-183
180.	VITA K INJ	Menadion sodium bisulfite	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh xuất huyết, cầm máu, giảm chảy máu trong phẫu thuật, tình trạng nghẽn mạch máu cấp tính hoặc mãn tính, nhiễm độc do tác nhân là chất chống đông máu.	HCM-X20-184
181.	CALTAPHOS	Calcium (gluconate) Calcium (glucoheptonate) Chlorure magnesium Butafostan.	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh hạ Canxi hoặc thiếu Magiê hoặc thiếu Phospho gây sốt sản trên thú sinh sản, cương cơ, đông kinh.	HCM-X20-185
182.	TOLFEN LA	Tolfenamic acid	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng hiệu quả trong điều trị bệnh viêm phổi, tiết dịch mũi, viêm vú cấp tính, viêm tử cung cấp tính, sốt sữa trên trâu, bò, heo.	HCM-X20-186
183.	OXYLIN LA	Oxytetracyclin base	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm vú, viêm tử cung, tiêu chảy, viêm móng, viêm rốn, bạch hầu, Lepto trên trâu, bò, heo.	HCM-X20-187

52. CÔNG TY TNHH T.M VÀ S.X DINH DƯỠNG THÚ Y NAM LONG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Dynatlin HF	Tiamulin hydrogen fumarat	Gói	5,10,20,50,100,200g, 250,500g; 1,2,5kg	Trị bệnh viêm đường hô hấp, viêm đa khớp, tiêu chảy, phù đầu do E.coli, xây thai truyền nhiễm, PTH; EIDL, hội chứng MMA	NL-01
2.	Erythromycin USP	Erythromycin thiocyanate	Gói	5,10,20,50,100,200g, 250,500g; 1,2kg	Trị các bệnh nhiễm khuẩn gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Erythromycin trên gia súc, gia cầm.	NL-02

3.	Doxycycline USP	Doxycycline HCL	Gói	5,10,20,50,100,200g, 250,500g; 1,2kg	Phòng trị nhiễm khuẩn gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin trên gia súc, gia cầm.	NL-03
4.	Neomycin USP	Neomycin sulfate	Gói, Thùng, xô	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg 2; 5kg; 10kg;	Trị nhiễm trùng đường ruột gây viêm ruột, tiêu chảy do E.coli, Salmonella; các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin.	NL-04
5.	Sultrim Plus	Sulfadimethoxine sodium, Trimethoprim	Gói, Thùng, xô	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg 2; 5kg; 10kg;	Phòng và trị các bệnh gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxin và Trimethoprim.	NL-05
6.	Tiamulin HF	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, Thùng, xô	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg 2; 5kg; 10kg;	Trị sưng, bệnh viêm phổi màng phổi trên lợn. Bệnh nhiễm trùng do Mycoplasma synoviae.	NL-06
7.	Coli- Ampi	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói, Thùng, xô	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg; 2; 5kg; 10kg	Trị phân trắng lợn con, PTH, ĐD trên heo. Đau đa khớp, nhiễm khuẩn ngoài da, viêm vú trên trâu, bò, ngựa. THT, bội nhiễm virus trên gia cầm.	NL-7
8.	Dyna-Coli	Tiamulin HF, Colistin sulfate	Gói, Thùng, Xô	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg; 2; 5kg; 10kg	Điều trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên gia súc, gia cầm.	NL-8
9.	Amoxigen	Amoxicillin, Gentamycin	Gói, Thùng, Xô	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, viêm khớp do vi khuẩn Gr(+) và Gr(-), nhiễm trùng máu trên trâu, bò, heo, gà, vịt.	NL-9

53. CÔNG TY TNHH TM & SX THUỐC THÚ Y NAPHA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Bcomplex -EC	Vitamin C, E, B ₁ , B ₂ , B ₅ , B ₆ , B ₁₂ , PP, K ₃ , Folic acid, Choline	Gói Xô	10;20;50;100;500g;1kg 500g; 1 kg	Phòng, trị các chứng bệnh thiếu vitamin E, C, K, nhóm B	HCM-X24-2
2.	Trị tiêu chảy heo con	Streptomycin, Neomycin, Vit B ₁ , B ₂ , B ₅ , B ₆ , B ₁₂ , PP	Gói Xô	10;20;50;100;500g;1kg 500g; 1 kg	Các bệnh tiêu chảy ở heo con do vi khuẩn gây ra.	HCM-X24-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3.	NP-Amcolifort	Ampicillin, Colistin, Vit A, B ₁ , B ₆ , C	Gói Xô	10;20;50;100;500g;1kg 500g; 1 kg	Trị viêm nhiễm hô hấp và tiêu hoá	HCM-X24-7
4.	NP-Biotolmin + B ₁₂	Sorbitol, Vitamin B ₁₂ , Methionin, L-Lysin	Gói Xô	10;20;50;100;500g;1kg 500g; 1 kg	Giải độc gan, lợi mật, trị táo bón, phân sống	HCM-X24-8
5.	NP-C.Vit plus	Vitamin C	Gói; Xô	10;20;50;100;500g;1kg	Tăng cường sức đề kháng, ngừa stress.	HCM-X24-9
6.	NP-Colixyvit	Oxytetracycline, Colistin, vit A,D ₃ ,K, E, B ₁₂ , Riboflavine, Niacinamide, Pantothenic	Gói Xô	10;20;50;100;500g;1kg 500g; 1kg	Các bệnh hô hấp mãn tính CRD, viêm xoang, tiêu chảy, viêm ruột	HCM-X24-11
7.	NP-Levasol 100	Levamisol HCL	Gói Xô	10;20;50;100;500g;1kg 500g; 1 kg	Trừ các loại giun sán trên gia súc, gia cầm	HCM-X24-13
8.	NP-Multivit	Vitamin A, D ₃ , K ₃ , E, B ₁ , B ₂ , B ₅ , B ₆ , B ₁₂ , Niacinamide, Biotin, Folic acid, Sodium bicarbonate, Sodium Chloride, Potassium Chloride	Gói Xô	10;20;50;100;500g;1kg 500g; 1 kg	Bổ sung vitamin và các chất điện giải	HCM-X24-14
9.	Olin-EGG	Oxytetracycline, Vitamin A, D ₃ , K, E, B ₂ , B ₆ , B ₁₂ , PP, Calcium pantothenate	Gói Xô	10;20;50;100;500g;1kg 500g; 1 kg	Tăng chất lượng, sản lượng trứng, tăng tỷ lệ nở	HCM-X24-16
10.	NP-Doxymulin	Tiamulin,Doxycycline HCL, VitA, D ₃ , E, K ₃ , B ₁ , B ₂ , B ₁₂ , C, Niacinamide, Calcium pantothenate, Folic a.	Gói Xô	10;20;50;100;500g;1kg 500g; 1 kg	Phòng và trị tiêu chảy, CRD, cảm cúm, bại liệt, đẻ non, đẻ ít, giúp gà, vịt, cút đẻ ổn định	HCM-X24-19
11.	Vitamin-A,D,E	Vitamin A, D ₃ , E	Gói Xô	10;20;50;100;500g;1kg 500g; 1 kg	Thiếu vitamin A,D,E. Sảy thai, chết phôi	HCM-X24-22
12.	NP-Trixine	Sulphadimidine, Trimethprim	Gói Xô	5;10; 20; 50; 100; 500g; 1kg; 500g; 1 kg	Trị viêm phổi, viêm phế quản, tiêu chảy,	HCM-X24-32

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
13.	NP-Antigum	Vitamin B ₁ , B ₂ , B ₆ , PP, C, K ₃ , Paracetamol, Methionin, Lysin, Sodium, Pota.chloride	Gói đóng gói	5; 10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng chống bệnh Gumboro, giảm tỷ lệ chết	HCM-X24-33
14.	NP-Enrocin 500	Enrofloxacin	Gói Xô	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg; 500g; 1 kg	Viêm phổi, phế quản, tụ huyết trùng, tiêu chảy, CRD	HCM-X24-36
15.	NP-Tetramisol	Levamisole	Gói Xô	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg; 500g; 1 kg	Trừ các loại giun sán trên gia súc, gia cầm	HCM-X24-37
16.	Oxolin 250	Oxolinic acid	Gói	5; 10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Thương hàn, tiêu chảy, tụ huyết trùng, sung phù đầu.	HCM-X24-38
17.	DIAR STOP-FORTE	Colistin sulfate, Oxytetracyclin	Gói, Lon, Xô	5; 10; 20; 50; 100; 250g; 500g; 1; 5; 10 kg	Trị tiêu chảy cấp tính và mãn tính, tiêu chảy do E.coli, Salmonella	HCM-X24-40
18.	DOXY-FLOXGEN	Doxycyclin HCl, Gentamycin sulfate	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg; 500g; 1 kg	Trị bệnh hô hấp mãn tính, viêm phổi, viêm xoang mũi trên gia cầm, gia súc.	HCM-X24-41
19.	NP-COLI-AMPI	Ampicillin, Colistin sulfate	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg; 500g; 1 kg	Phòng, trị tiêu chảy, viêm ruột do E.coli, Salmonella, viêm phổi, xoang, móng, viêm khớp,	HCM-X24-42
20.	NP-T.C.Spiravit	Spiramycin, Oxytetracyclin	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Spiramycin và Oxytetracyclin	HCM-X24-70
21.	NP-Coccin	Sulphadimidin, Diaveridin	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng, trị bệnh cầu trùng, ỉa chảy và thương hàn	HCM-X24-71
22.	Napha-TTS	Tetracyclin, Tylosin tartrate	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Điều trị bệnh viêm phổi do vi khuẩn nhạy cảm với Tetracyclin và Tylosin	HCM-X24-72
23.	NP-Neocoli	Neomycin, Colistin sulphate	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin và Colistin	HCM-X24-73
24.	Anti-CRD	Tylosin tartrate	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD trên gia cầm, viêm phổi, ỉa trên heo.	HCM-X24-6
25.	Anticoli	Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng dạ dày, ruột trên gia súc, gia cầm.	HCM-X24-10

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đồng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
26.	Flumet	Flumequine	Gói, Hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm trùng dạ dày- ruột, đường hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm.	HCM-X24-21
27.	Lincocin	Lincomycin HCL	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin trên trâu, bò, heo, gia cầm.	HCM-X24-39
28.	Noceral	Norfloxacin, Vit C	Gói, Hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1; 2; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên bê, gia cầm.	HCM-X24-43
29.	Mycosin	Tilimicosin (as phosphate)	Lọ, Hộp	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm.	HCM-X24-77
30.	NP-Kalix	Kanamycin sulfate, Colistin sulfate	Ông, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng máu, tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu- sinh dục trên trâu, bò, lợn con, chó, mèo.	HCM-X24-01
31.	NP- Diatop	Neomycin sulfate, Colistin sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 5l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên bê, nghé, cừu, dê, lợn, thỏ, gia cầm, cút.	HCM-X24-03
32.	NP- Linspec	Spectinomycin HCL, Lincomycin HCL	Ông, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng máu, tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu- sinh dục trên bê, nghé, cừu, dê, lợn, thỏ, gà, vịt, chó, mèo	HCM-X24-05
33.	Nabusal 10%	l- (butylamino)-l methyl-ethyl- phosphoric acid, Vit B12.	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Phòng, trị rối loạn chuyển hóa dinh dưỡng kém, chậm phát triển trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm.	HCM-X24-12
34.	NP- Sone	Oxytetracyclin HCL, Colistin sulfate, Dexamethasone	Ông, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin, Colistin gây ra trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo.	HCM-X24-15
35.	NP- Rolin	Oxytetracyclin HCL, Tylosin tartrate	Ông, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, viêm khớp, hô hấp mãn tính, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, lợn, dê, cừu.	HCM-X24-17
36.	Broncho inject	Bromhexin HCL	Ông, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Điều ho, làm lỏng dịch nhầy phế quản và làm dễ bài xuất đờm.	HCM-X24-18
37.	NP-Enroflox 5 %	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100 ml	Viêm phổi, phế quản, tụ huyết trùng, tiêu chảy, CRD	HCM-X24-23
38.	NP-Vit C 2000	Acid Ascorbic	Lọ	10; 20; 50; 100 ml	Tăng đề kháng, chống stress	HCM-X24-24

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
39.	NP-Norflex 10%	Norflexacin	Lọ	10; 20; 50; 100 ml	Trị chứng nhiễm trùng do Gr (-), Gr (+) và Mycoplasma	HCM-X24-25
40.	NP-Biseptol 240	Sulfamerazine, Trimethoprim	Lọ	10; 20; 50; 100 ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu, phù thũng	HCM-X24-26
41.	NP-Polyvit-Forte	Vit A,D ₃ , E, B ₁ , B ₂ , B ₆ , PP	Lọ	10; 20; 50; 100 ml	Bổ sung vitamin	HCM-X24-27
42.	NP-Polyvit B	Vitamin B ₁ , B ₂ , B ₆ , B ₁₂ , Nicotinamide, D-patenol	Lọ	10; 20; 50; 100 ml	Bổ sung vitamin Nhóm B	HCM-X24-28
43.	NP-Norfolx 10%	Norflexacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Trị nhiễm trùng do Gr (-), Gr(+) và Mycoplasma	HCM-X24-29
44.	NP-Enroflox 10 %	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Trị viêm phổi, phế quản, THT, tiêu chảy, CRD	HCM-X24-30
45.	NP-Marbocin	Marbofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	HCM-X24-31
46.	NP- B.Complex	Vitamin B ₁ , B ₂ , B ₆ , Nicotinamide,	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Phòng, trị bệnh do thiếu Vitamin nhóm B trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu.	HCM-X24-34
47.	NP- Norcotin	Norflexacin HCL	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml.	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn. Nhiễm trùng đường niệu trên chó.	HCM-X24-44
48.	NP-TIACOLISTIN	Tiamulin, Colistin sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Trị CRD, viêm xoang mũi truyền nhiễm, xoắn khuẩn; viêm phổi do Mycoplasma, viêm khớp ở gia cầm.	HCM-X24-45
49.	GENTA-COLIFLOX	Gentamycin sulfate, Colistin sulfate, Dexamethasone	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Trị CRD, viêm ruột, E. coli, viêm rốn, phân xanh-phân trắng, sung đầu vịt, THT, thương hàn, viêm xoang mũi,	HCM-X24-47
50.	Dexamethasone 0,1 %	Dexamethasone	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Chống viêm và chống dị ứng; Dùng kết hợp với kháng sinh trong điều trị	HCM-X24-48
51.	NP-AMOX-COLIS	Amoxicillin sodium, Colistin sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Trị viêm phổi, viêm khí quản, suyễn, viêm khớp, nhiễm trùng máu, hô hấp, viêm ruột tiêu chảy, bệnh do E.coli,	HCM-X24-49

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
52.	NP-AMPI-COLJS	Ampicillin trihydrate Colistin sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Trị THT, phân trắng, hồng ly, thương hàn, phó thương hàn, viêm phổi, viêm dạ dày, ruột, ỉa chảy do E.coli và Salmonella, CRD ở gia súc, gia cầm	HCM-X24-50
53.	NP-ANALGIN-C	Analgin, Vitamin C	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Hạ sốt, giảm đau và tăng sức đề kháng của thú	HCM-X24-51
54.	NP-ATROPIN sulfate 0,05%	Atropine sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị co thắt ruột, tiêu chảy nặng, co thắt khí-phế quản, phù phổi, giảm đau-tiền mê trong phẫu thuật, giải độc	HCM-X24-52
55.	NP-CALCIUM + B ₁₂	Calcium sluconate, Vitamin B ₁₂	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị các chứng sốt sữa, co giật, bại liệt, thú bị còi cọc, thiếu máu, chậm lớn.	HCM-X24-53
56.	Eco-500	Enrofloxacin HCL	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml.	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, khớp, đường tiết niệu trên trâu, bò, lợn, chó.	HCM-X24-54
57.	NP-BELCOTIN-S Colistine Sulfate 2%	Colistine sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Trị viêm ruột tiêu chảy, viêm dạ dày ruột, phù thũng, viêm thận, vú, tử cung, viêm đa khớp, viêm phổi	HCM-X24-55
58.	NP- Gentamycine Sulfate 4%	Gentamycine sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị viêm vú, viêm tử cung, viêm phổi ở gia súc, nhiễm trùng huyết, tiêu chảy	HCM-X24-56
59.	NP-LINCO 10%	Lincomycine HCl	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị thương hàn, viêm phổi, viêm khớp nhiễm trùng hô hấp, máu, sinh dục	HCM-X24-57
60.	NP-LEVASOL Levamisol HCl 7,5%	Levamisol HCl	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Trị sản giun trên gia súc, gia cầm	HCM-X24-58
61.	NP-OXYTETRA 10%	Oxytetracyclin	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn ở gia súc, gia cầm.	HCM-X24-59
62.	NP-D.O.C SONE	Thiamphenicol Oxytetracyclin HCl Dexamethasone	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Trị viêm ruột, tiêu chảy, phân trắng, PTH,THT, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, viêm khớp, thối móng.	HCM-X24-60
63.	Vitamin AD3E	Vitamin A, D3, E	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin, trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó,	HCM-X24-61

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
64.	NP-Tylosin 100	Tylosin tatrare	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Trị CRD, CCRD, viêm xoang mũi truyền nhiễm; viêm ruột, viêm vú, leptospirosis	HCM-X24-62
65.	NP-Analgin 25%	Analgin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Hạ sốt, giảm đau và tăng sức đề kháng của thú trong các bệnh nhiễm trùng	HCM-X24-65
66.	Vitamin B12	Vitamin B12	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu vitamin B12	HCM-X24-66
67.	NP-Vit C 1000	Vitamin C	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Phòng, trị thiếu máu do thiếu vit C, tăng sức đề kháng, chống stress	HCM-X24-67
68.	NP- Ivermectin	Ivermectin	Ống Lọ, chai	2ml 5; 10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Phòng và trị bệnh nội, ngoại ký sinh trùng ở Trâu, Bò và Lợn	HCM-X24-68
69.	NP-Rovam 2000	Spiramycin, Colistin sulphate	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Spiramycin và Colistin	HCM-X24-69
70.	Naflor L.A	Florphenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít.	Trị bệnh đường tiêu hoá và hô hấp trên heo	HCM-X24-75
71.	Nacosin	Tilmicosin (as phosphate)	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít.	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm.	HCM-X24-76
72.	Albenleva	Albendazol Levamisol HCl	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị nội ký sinh trùng trên trâu, bò, heo, gia cầm.	HCM-X24-78
73.	Albenzol	Albendazol	Lọ, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5lít	Trị giun, sán trên trâu, bò, dê, cừu, heo.	HCM-X24-79
74.	Amoxicol	Amoxicillin Colistin sulfate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, viêm khớp, viêm tử cung, viêm rốn trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm.	HCM-X24-80
75.	Diclazu	Diclazuril	Lọ, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5lít	Trị cầu trùng trên gia cầm, heo.	HCM-X24-81
76.	Spectilin	Lincomycin HCl Spectinomycine	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị hồng ly, E.coli, Salmonella spp, viêm phổi trên heo, gia cầm.	HCM-X24-82
77.	Tylobox	Tylosine tartrate Doxycycline HCl	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị viêm dạ dày-ruột, hô hấp trên bê, gia cầm, cừu, lợn.	HCM-X24-83
78.	Tylosul	Tylosine tartrate Sulfamethazine	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị viêm ruột tiêu chảy, Mycoplasma, hồng ly trên heo, gia cầm.	HCM-X24-84
79.	Wor-F	Ivermectin	Lọ, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5lít	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu, heo.	HCM-X24-85

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
80.	Cotrim-Fort	Sulfamethoxazol Trimethoprim	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột, tụ huyết trùng trên bê, heo, gia cầm.	HCM-X24-86
81.	E – Flox	Enrofloxacin	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, heo, gia cầm.	HCM-X24-87
82.	Amoxlav	Amoxicillin, Bromhexine HCl	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị bệnh đường hô hấp, sinh dục-tiết niệu, tiêu hóa trên gia cầm, heo.	HCM-X24-88
83.	F.M.T	Sulfamonomethoxine	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị cầu trùng, Coryza, viêm teo mũi truyền nhiễm, nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, viêm vú, viêm tử cung, mất sữa(MMA) trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm.	HCM-X24-89
84.	Florcol	Florfenicol	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên heo.	HCM-X24-90
85.	Tolacox	Toltrazuril	Lọ, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5lit	Trị cầu trùng trên heo con, gia cầm.	HCM-X24-91
86.	E-250	Enrofloxacin	Lọ, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5lit	Trị E.coli, thương hàn, Mycoplasma spp trên gia cầm.	HCM-X24-92
87.	Eco 500 Spray	Oxytetracycline HCL	Lọ, Chai	50; 100; 150; 250ml	Trị vết thương ngoài da, móng	HCM-X24-93
88.	NP- Tiadox	Doxycyclin HCL, Tiannulin fumarat acid	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị viêm phổi, viêm khớp, hô hấp mãn tính trên lợn, gà.	HCM-X24-94
89.	Flor-FS	Florfenicol	Chai, Can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1; 2; 5lit	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên gia cầm.	HCM- X24-95
90.	Floxin	Enrofloxacin	Chai, Can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1; 2; 5lit	Trị CRD, CCRD, Coryza, Colibacillosis, thương hàn, nhiễm trùng thứ phát trên gia cầm.	HCM- X24-96
91.	Maxflox-B	Enrofloxacin, Bromhexine	Chai, Can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1; 2; 5lit	Trị CRD, CCRD, Coryza, Colibacillosis, thương hàn, nhiễm trùng thứ phát trên gia cầm.	HCM- X24-97

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
92.	Doxylin	Doxycycline	Túi, Hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm.	HCM- X24-98
93.	Nystin	Nystatin	Túi, Hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nấm phổi, nấm miệng, nấm điều, viêm phổi bội nhiễm nấm trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm.	HCM- X24-99
94.	A.C.L	Acid lactic	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Trị Nosema, ỉa chảy, ấu trùng phần, chỉ lớn(Varoa), ve khí quản(tracheamites) trên ong mật	HCM- X24-100
95.	A.C.F	Acid formic	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Trị Nosema, ỉa chảy, ấu trùng phần, chỉ lớn(Varoa), ve khí quản(tracheamites) trên ong mật	HCM- X24-101
96.	Tilmicos	Tilmicosin phosphate	Túi, Hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn, gia cầm.	HCM- X24-102
97.	Amox-Colis	Amoxicillin trihydrate, Colistin Sulphate	Túi, Hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị viêm phổi, viêm khớp, tiêu chảy, viêm rốn trên gia súc, gia cầm non.	HCM- X24-103
98.	Ampi-Colis	Ampicillin trihydrate, Colistine Sulphate	Túi, Hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị tiêu chảy trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm.	HCM- X24-104
99.	NP-Belcotin- S	Colistin sulfate	Chai, Can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên bê, cừu, lợn, gia cầm.	HCM- X24-105
100.	PHARMALIN-C	Ampicillin trihydrate Colistin sulfate	Gói, Hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, heo, gia cầm.	HCM- X24-106
101.	ANTICOC	Toltrazuril	Chai, Can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5lít	Trị cầu trùng trên heo, gia cầm.	HCM- X24-107
102.	HEPAIN	Sorbitol, Methionine, Lysine, Betaine	Chai, Can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5lít	Tăng cường chức năng gan, lợi mật, trị táo bón, phân sống.	HCM- X24-109
103.	DOXYNEO	Doxycycline hyclate Neomycin sulfate	Gói, Hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, cừu, dê, heo, gia cầm.	HCM- X24-110
104.	DOXYCOL	Doxycycline hyclate Colistin sulfate	Gói, Hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, dạ dày-ruột trên bê, nghé, cừu, dê, heo, gia cầm.	HCM- X24-111
105.	COLITRIM	Colistin sulfate Trimethoprim	Gói, Hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị nhiễm trùng dạ dày-ruột trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm.	HCM- X24-112

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
106.	NACOX	Sulfadimidine Diaveridine	Gói, Hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Phòng và trị cầu trùng trên gia cầm.	HCM- X24-113
107.	CERPHAXIN	Cephalexin	Gói, Hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị E.coli, Salmonella, Coryza, viêm da trên gia cầm; Trị sốt không rõ nguyên nhân, nhiễm trùng vết thương, mô mềm trên cừu.	HCM- X24-114
108.	NP – ENROFLOX 10%	Enrofloxacin base	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, viêm khớp, nhiễm trùng đường tiết niệu trên trâu, bò, heo, chó.	HCM- X24-115

54. DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN PHÚC THỌ

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	C Vibrio F ₂	Vitamin A, B ₁ , B ₂ , B ₅ , B ₆ , C, D, E, PP, Acid Folic, Biotin	Gói-hộp	50, 100, 500g	Bổ sung các Vitamin. Chống Stress cho vật nuôi.	HCM-X23-01
2.	C Customer Stress	Vitamin C, Acid Citric	Gói-hộp	5, 10, 20, 50, 100g 500g, 1000g	Chống Stress, Bổ sung Vitamin C, nâng cao sức đề kháng cho vật nuôi	HCM-X23-03
3.	Giải độc gan	Methionin, Sorbitol Vitamin C	Gói-hộp	5, 10, 20, 50, 100g 500g, 1000g	Kích thích tiết mật, dịch vị. Trị đầy bụng, chướng tiêu hóa, viêm túi mật dị ứng	HCM-X23-04
4.	Flumegvizin	Flumeguin	Gói-hộp	5, 10, 20, 50, 100g 500g, 1000g	Điều trị tiêu chảy, sung mắt, phù đầu, thương hàn, THT, cúm phổi	HCM-X23-07

55. CÔNG TY TNHH KINH DOANH THUỐC THÚ Y MINH NGÂN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	MN Terra- Tiamulin	Tiamulin fumarate, Tetracyclin HCl	Gói Hộp	5, 50, 100, 1.000g 100, 1.000g	Phòng và trị CRD, THT, thương hàn, tiêu chảy viêm ruột, bệnh hồng lỵ ...	MNV-2
2.	A.C.G	Vitamin C	Gói, Hộp	100, 500g, 1kg, 10kg	Tăng cường sức đề kháng, chống stress do vận chuyển, chuyển đàn, chủng ngừa vaccin	MNV-5
3.	Vitamin E	Tocopherol	Gói Hộp	50, 500g, 1.000g 500g, 1kg, 5kg	Trị chứng vô sinh, suy tạo tinh trùng, viêm cơ, chống xơ cứng	MNV-6
4.	Ampi-Coli A.C	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói Hộp	3, 50, 100, 1.000g 500, 1.000g	Trị tiêu chảy phân trắng, viêm ruột do E.coli, thương hàn viêm phổi.	MNV-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
5.	Levamisole	Levamisole HCl	Gói	2, 20, 100g	Chuyên trị các loại giun đường hô hấp và đường tiêu hoá ở gia súc gia cầm	MNV-17
6.	Biotin (vitamin H)	Biotin, Vitamin A, B5	Gói Hộp	50, 100, 1.000g 500, 1.000g	Phòng và trị nứt móng, hư móng, viêm da, đau chân ở gia súc	MNV-23
7.	Vitamin BC complex (super)	Vitamin B1, B2, B5, B6, PP, C, K3, B12, Folic acid	Gói Hộp	5, 10, 50, 100g, 500, 1.000g	Chống bại liệt ở gia cầm, kích thích tăng trọng, tăng đề kháng gia cầm, tăng cường sức đề kháng, chống stress	MNV-24
8.	MN Terramycin	Oxytetracyclin HCl	Gói	5, 50, 100g	Phòng và trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, đường ruột	MNV-26
9.	Cottryl 480	Sulfadimidin, Trimethoprim	Gói Hộp	100g 500, 1.000g	Phòng trị nhiễm trùng đường ruột	MNV-29
10.	MN Ampicoli	Colistin sulfate, Vit A, C	Gói, Hộp	5; 20; 30; 50; 100; 500; 1000g	Trị thương hàn, viêm phổi, viêm ruột, tiêu chảy, phân trắng, E.coli ở gia súc, gia cầm	MNV-33
11.	Lou-Mix	Ampicillin trihydrate, Vitamin A, D3, E, B1, B2, B5	Gói, Hộp	30; 50; 100g 0,5; 1kg	Cung cấp các vitamin cần thiết, chống Stress, tăng cường sức đề kháng bệnh	MNV-34
12.	Strepto-Terra 150	Oxytetracyclin HCl, Streptomycin sulfate	Gói Hộp	5; 50; 100g	Phòng và trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, đường tiêu hoá của gia súc gia cầm.	MNV-35
13.	Spira-Colis	Spyramycine, Colistin sulfate, Vit A, C	Gói Hộp	5; 10; 30; 50; 100g 500; 1000g	Trị các bệnh do vi khuẩn Gr (-); tiêu chảy viêm ruột, hội chứng MMA.	MNV-36
14.	Enrofloxacin 10%	Enrofloxacin	Gói Hộp	5; 10; 30; 50; 100g 500; 1000g	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, THT, viêm phổi, viêm mù tử cung, viêm vú	MNV-44
15.	AD3E Bcomplex	Vitamin A, D3, E, B1, B2, B5, B6, B9, B12, PP, K3, C	Gói Hộp	5, 10, 30, 50, 100g 500, 1.000g	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin	MNV-46
16.	Coli-Tervit	Colistin sulfate, Vit A, D3, E, B1, B2, B5, B6, PP, K3, H, Oxytetracyclin	Gói Hộp	5, 10, 30, 50, 100g 500, 1.000g	Trị CRD, tiêu chảy và nhiễm trùng máu do E. coli, THT, PTH, viêm phổi, viêm màng phổi ở gà, vịt, heo, bò, chim, cút,	MNV-47
17.	MN Terra Egg	Oxytetracyclin, Vit A, D3, E, B1, B2, B3, B5, B9, B12, PP, K3, C	Gói Hộp	5, 10, 50, 100g 500g, 1kg, 5kg	Cung cấp các loại Vitamin thiết yếu, tăng sức đề kháng chống nhiễm khuẩn	MNV-51
18.	Tia-Colis	Tiamulin, Colistin sulfate	Gói Hộp	5, 10, 20, 30, 50, 100g; 500, 1.000g	Phòng, trị bệnh CRD ở gia cầm, suyễn lớn, viêm khớp, nhiễm trùng máu, bệnh đường ruột do E.coli, bệnh tiêu chảy, phân trắng, ,	MNV-52

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
19.	Tiamulin 10%	Tiamulin	Gói Hộp	5, 10, 20, 30, 50, 100g; 500, 1.000g	Trị viêm phổi, hồng ỉy, sảy thai, nhiễm trùng máu	MNV-53
20.	Aptysin 200	Apramycin sulphate, Tylosin tartrate	Hộp, gói	5; 20; 30; 50; 100; 500; 1000g	Trị CRD, bệnh do E.coli, bệnh viêm ruột tiêu chảy, phân trắng, bệnh bạch ỉy,	MNV-69
21.	Cocci-Clear	Sulfachloropyridazine, Sulfadimidine, Vita, K	Hộp, gói	5; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Phòng và trị các bệnh cầu trùng ở gia cầm, thỏ, heo con, bê nghé	MNV-71
22.	Gumborini	Potassium, Sodium citrate, Phenylbutazone, Vit B1, B2, C, PP, Menadione,	Hộp, gói	5; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Điều trị triệu chứng của bệnh Gumboro; Viêm thận (nephritis), xung huyết thận (renal congestion), sốt do virus	MNV-73
23.	Doxicin 200	Doxycycline hyclate salt, Tylosin tartrate salt	Gói, Hộp	10; 30; 50; 100; 250; 500, 100; 500; 1000g	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, dạ dày ruột do vi khuẩn nhạy cảm với tylosin và doxycycline ở bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	MNV-93
24.	MN Flumedin	Flumequin	Gói	5; 10; 30; 50; 100; 500; 1000g	Trị các bệnh đường ruột, dạ dày do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequin ở lợn và gia cầm	MNV-97
25.	MN Sorbitol-C	Sorbitol, acid ascorbic	Gói Hộp	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g 100, 200, 500, 1000g	Trị sốt, táo bón, khó tiêu, biếng ăn, dị ứng do thức ăn hoặc dị ứng thuốc	MNV-100
26.	MN-Colcin	Colistin sulfate	Gói	5; 10; 30; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm ruột truyền nhiễm; tiêu chảy do E.coli, bệnh nhiễm trùng máu ở gia súc non	MNV-102
27.	Apflu 200	Apramycin sulfate salt	Gói, Hộp	10; 30; 50; 100; 250; 500g 50; 100; 1kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày- ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Apramycin gây ra.	MNV-104
28.	Streptomycin Sulphate	Streptomycin sulphate	Lọ	10ml-1g	Trị lao, sảy thai truyền nhiễm, THT, nhiễm trùng đường ruột của gia súc, gia cầm,	MNV-76
29.	Penicillin	Penicillin	Lọ	1 MU; 2 MU; 3 MU; 4 MU	Trị dấu son ở heo, nhiệt thần, viêm đường hô hấp, viêm thần, bàng quang, màng bụng, viêm vú, nhiễm trùng, xoắn khuẩn,	MNV-77
30.	Scabex	Deltamethrin	Lọ	20; 30; 60; 100g	Trị ghẻ và ký sinh trùng ngoài da ở heo	MNV-105
31.	Ampicilin	Ampicillin sodium	Lọ	1g	Trị nhiễm trùng đường máu, tụ huyết trùng, thương hàn, bệnh do E.coli	MNV-106
32.	MN Pen-Strep	Penicillin G potassium, Streptomycin sulfate.	Lọ	1 triệu IU Penicillin 1g Streptomycin.	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	MNV-107

56. CÔNG TY TNHH TM&SX THUỐC THÚ Y THỊNH PHÁT

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Xô Lãi	Levamisol	Gói	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị giun tròn, giun phổi, giun tóc, giun lươn ở heo, trâu, bò.	HCM-X26-1
2.	Stopgum	KCl, NaCl, NaHCO ₃ , B.Complex	Gói	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Tăng cường sức đề kháng cho gà con phòng chống bệnh Gumboro.	HCM-X26-2
3.	Anagin C	Anagin, Vitamin C, Sorbitol	Gói	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Làm hạ nhiệt và giảm đau, chống suy nhược cơ thể sau khi bị bệnh; tác dụng kháng viêm	HCM-X26-3
4.	Ampicoli plus	Ampicillin	Gói	2;5;10;20;50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh phân trắng, phân vàng do Ecoli, CRD, THT, thương hàn,..	HCM-X26-5
5.	Anti-diarrhea	Norfloxacin	Gói	2;5;10;20;50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh phân trắng, phân vàng ở heo	HCM-X26-6
6.	Colibaci plus	Licomycine	Gói	2;5;10;20;50; 100; 500g; 1kg	Phòng ngừa hội chứng tiêu chảy ở heo, kích thích thêm ăn, tăng sức đề kháng	HCM-X26-7
7.	Hô hấp heo gà	Spiramycin, Sulfadimidin, Bromhexine, Paracetamol	Gói	2;5;10;20;50; 100; 500g; 1kg	Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn Gram (-) và Gram (+) gây ra như: CRD. Ecoli,...	HCM-X26-8
8.	Amfloxin Plus	Ampicilline, Vitamin B1, B2, B6, B12, C	Gói	5; 10; 50; 100; 500; 1000g	Phòng và trị bệnh tiêu chảy và hô hấp trên gia súc, gia cầm	HCM-X26-10
9.	Enrocoli Fort	Gentamycin	Gói	5; 10; 50; 100; 500; 1000g	Phòng và trị các bệnh đường hô hấp, sinh dục, tiết niệu	HCM-X26-13
10.	Coliampi Plus	Ampicilline, Vitamin C	Gói	5; 10; 50; 100; 500; 1000g	Phòng và trị bệnh tiêu chảy và hô hấp trên gia súc, gia cầm	HCM-X26-14
11.	Flucovit	Oxytetracyclin, Vitamin A, D, E	Gói	5; 10; 50; 100; 500; 1000g	Trị bệnh tụ huyết trùng ở gia cầm	HCM-X26-15

57. CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y QUỐC TẾ ĐÔNG NGHI (INVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	CEPHAGENTA	Cephalecin monohydrate, Gentamycin sulfate	Gói	5,10,20, 50, 100, 200,250,500g,1kg	Trị CRD, thương hàn, tiêu chảy phân trắng,cúm, viêm mũi, phù đầu vịt	HCM-X27-01
2.	INVET – COLI	Colistin sulfate	Gói	5,10,20, 50, 100, 200,250,500g, 1kg	Phòng và trị nhiễm trùng đường ruột trên heo, bò, gà, vịt, chim, cút	HCM-X27-02

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
3.	INVET – BACTRIM	Sulfadimidiin sodium, Trimethoprim.	Gói	5,10,20, 50, 100, 200,250,500g, 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên gia súc; THT, viêm phế quản, phổi trên gia cầm	HCM-X27-03
4.	TYLOMOX	Amoxycilline trihydrate, Tylosin tartrate, vitamin B ₁ , B ₂ , B ₅ , B ₆ , PP, C, K ₃ .	Gói	5,10,20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hoá và hô hấp như: sưng phù đầu vịt, viêm xoang mũi vịt, CRD	HCM-X27-04
5.	PARAVIL	Paracetamol HCl, Chlopheniramin.	Viên	8,10,16g	Hạ sốt nhanh; Trị chứng bỏ ăn do cảm, cúm. Trị chảy nước mũi trên gia súc, gia cầm	HCM-X27-06
6.	TÂY GIUN SÀN	Levamisol HCl.	Gói	5,10,20, 50, 100, 200,250, 500g, 1kg	Tẩy giun sán đường phổi và đường ruột của heo, bò, gà, vịt, ngan, ngỗng, chim, chó, mèo.	HCM-X27-07
7.	ÚM GÀ VỊT	Spiramycin adipic acid, Colistin sulfate, vitamin A, D ₃ , E, B ₁ , B ₂ , B ₅ , B ₆ , PP, B ₁₂ , K ₃ .	Gói	5,10,20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Dùng ủn gà, vịt, cút non; chống stress, phòng và trị bệnh đường hô hấp và đường ruột	HCM-X27-08
8.	INVET – COLITETRA	Oxytetracyclin HCl, Colistin sulfate, Vitamin A, D ₃ , E, B ₂ , B ₅ , PP, B ₁₂ , K ₃ .	Gói	5,10,20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	trị, viêm màng hoạt dịch truyền nhiễm, viêm ruột tiêu chảy trên heo con sơ sinh, bệnh phù, viêm ruột do vi khuẩn...	HCM-X27-10
9.	INVET – T.C.H	Apramycin sulfate, Colistin sulfate, Vitamin A, PP, K ₃ .	Gói	5,10,20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị các bệnh tiêu chảy phân trắng, phân vàng của heo con.	HCM-X27-12
10.	ENROFLOXACI N 10%	Enrofloxacin HCl	Gói	5,10,20, 50, 100, 200, 250,500g, 1kg	Trị hen (CRD), viêm phổi, THT, viêm phế quản, tiêu chảy do E.Coli, nhiễm trùng máu.	HCM-X27-13
11.	APRAMYCIN	Apramycin sulfate, vitamin A, B ₁ , B ₆ .	Gói	5,10,20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị phân trắng do E. Coli, phù , sưng mắt, phù mắt, bạch lý gia cầm	HCM-X27-16
12.	INVET – K.C.N	Kanamycin sulfate, Colistin sulfate .	Gói	5,10,20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng, phó thương hàn, tiêu chảy , viêm phổi, viêm đường tiết niệu,	HCM-X27-17
13.	INVET – DYNADOXY	Tiamulin hydrogen fumarate, Doxycilin HCl.	Gói	5,10,20, 50, 100, 200, 250,500g, 1kg	Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp và tiêu hoá.	HCM-X27-18
14.	ANALGIN + C	Analgin, vitamin C, acid citric.	Gói	5,10,20, 50, 100, 200,250, 500g, 1kg	Tăng sức đề kháng cơ thể, Phòng chống các hội chứng stress	HCM-X27-19
15.	TOI GIA CẨM	Erythromycin thiocyanate, Colistin sulfate, vitamin B ₁ , B ₅ , B ₆ , PP, C, K ₃ .	Gói	5,10,20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị bệnh toi gà vịt, cút, ngỗng, gà tây. phòng bệnh do thời tiết thay đổi hoặc khi điều kiện môi trường bất lợi làm giảm sức đề kháng của gia cầm.	HCM-X27-20

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
16.	INVET – AMPICOLI	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate.	Gói	5,10,20, 50, 100, 200,250,500g,1kg	Trị tiêu chảy phân trắng, phân vàng, viêm rốn, viêm xoang mũi, viêm ruột, CRD, THT, thương hàn trên gia súc, gia cầm	HCM-X27-22
17.	KHÁNG SINH VỊT	Tiamulin hydrogen fumarate, Colistin sulfate.	Gói	5,10,20, 50, 100, 200,250,500g,1kg	Trị tụ huyết trùng, thương hàn, tiêu chảy phân trắng, phân xanh, sưng phù đầu trên vịt	HCM-X27-23
18.	ANALGIN + C	Analgin, vitamin C, acid citric.	Viên	8,10,16g	Tăng sức đề kháng, Phòng chống các hội chứng stress	HCM-X27-24
19.	BROMHEXIN	Bromhexin HCl	Viên	8,10,16g	Giúp long đàm, trị viêm khí, phế quản, các tình trạng viêm mãn ở phổi, khô khè, ho;	HCM-X27-25
20.	INVET – ERY C	Erythromycin thiocyanate, Colistin sulfate, Vit B ₁ , B ₂ , C	Gói	5,10,20, 50, 100g, 200, 250,500g, 1kg	Chủ trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hoá trên gia cầm	HCM-X27-47
21.	DYNATYL	Tiamulin hydrogen fumarate, Tylosin tartrate	Lọ	0,5; 1; 5; 10; 20; 50; 100g	Trị hồng lỵ, tiêu chảy cho heo, trâu, bò.	HCM-X27-43
22.	TYLO – SC	Tylosin tartrate, Colistin sulfate	Lọ, Chai	0,5; 1; 5g 10; 20; 50; 100g	Trị tiêu chảy phân trắng, phân vàng cho heo con	HCM-X27-44
23.	PENSTREP	Penicillin G, Streptomycin sulfate	Lọ, Chai	0,5; 1; 5g 10; 20; 50; 100g	Trị viêm phổi, viêm phế quản, khí quản, tiêu chảy, viêm đường sinh dục, tiết niệu, tụ huyết trùng, thương hàn.	HCM-X27-45
24.	KAMPI	Kanamycin sulfate, Ampicillin trihydrate	Lọ, Chai	0,5; 1; 5g 10; 20; 50; 100g	Trị tiêu chảy phân trắng, viêm phổi, viêm đường sinh dục, thương hàn, THT.	HCM-X27-46

58. CÔNG TY TNHH KIẾN VƯƠNG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	KV- Vitamin C10	Ascorbic acid, acid citric	Gói, Hộp	100g; 1; 5kg	Chống stress, tăng sức đề kháng trên bò, cừu, heo, dê, gia cầm.	HCM-X28-3
2.	KV- Anagin-C	Analgin, Vitamin C	Gói, Hộp	10; 25; 50; 100; 150; 500g	Giảm đau, hạ sốt, tăng cường sức đề kháng	HCM-X28-4
3.	KV-Para-C	Paracetamol, Vitamin C	Gói, Hộp	10; 25; 50; 100; 150; 500g	Giảm đau, hạ sốt, tăng cường sức đề kháng	HCM-X28-5

59. CÔNG TY TNHH NOBEN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Tylo 400-crd	Tylosin(tartrate)	Gói, Hộp, Bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị bệnh CRD trên gia cầm, bệnh viêm phổi, bệnh lý trên heo.	HCM-X29-1
2.	Colistin 200	Colistin(sulfate)	Gói, Hộp, Bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị bệnh nhiễm trùng dạ dày, ruột trên gia súc, gia cầm	HCM-X29-2
3.	Fluvi- 500	Flumequine	Gói, Hộp, Bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị bệnh dạ dày-ruột, đường hô hấp gây ra ở gia súc, gia cầm .	HCM-X29-3
4.	Linco 200	Lincomycin	Gói, Hộp, Bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị nhiễm trùng đường sinh dục, viêm vú, viêm phổi, bệnh dấu son , bệnh lý viêm khớp, viêm da có mủ, tiêu chảy.	HCM-X29-4
5.	Noceral	Norfloxacin; Ascorbic acid	Gói, Hộp, Bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, đường hô hấp, đường sinh dục	HCM-X29-5

60. CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Hi-TYCO	Tylosin tartrate, Colistin sulfate	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị CRD, CCRD, E.Coli, thương hàn	HCM-X30-1
2.	Hi-Tetraty	Tetracycline, Tylosine tartrate	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 500g; 1, 2, 5kg	Trị nhiễm khuẩn ở phổi trên trâu, bò, heo.	HCM-X30-2
3.	Hi-AMPICO	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Túi, hộp	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường ruột ở gia súc, gia cầm	HCM-X30-3
4.	Hi-Doxy	Doxycycline	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm.	HCM-X30-4
5.	Hi-Levamyisol 7,5%	Levamyisol	Gói, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g; 1kg	Trị giun đũa, giun thận, giun phổi, giun lươn, giun mắt.	HCM-X30-5

61. CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TOBA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	ST – colis	Colistin sulfate	Bao; gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5 kg	Trị nhiễm trùng dạ dày, ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin gây ra trên trâu bò, dê, cừu, lợn, thỏ và gia cầm	HCM-X31-1

2.	ST-Nor	Norfloxacin	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1; 2; 5 kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do Mycoplasma, E.coli, Pasteurella gây ra trên bê và gia cầm	HCM-X31-3
3.	ST-Anagi	Dipyron; vitamin C	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5 kg	Hạ sốt, giảm đau nhanh chóng trong các bệnh nhiễm trùng cấp, chống mất nước, điện giải ở gia súc, gia cầm	HCM-X31-4
4.	ST-Flomen	Florphenicol	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5 kg	Trị bệnh hô hấp, tiêu hóa trên heo, gà	HCM-X31-5
5.	ST-Fluta	Flumequine	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5 kg	Trị nhiễm trùng dạ dày – ruột và hô hấp do vi khuẩn mẫn cảm với Flumequine gây ra trên trâu bò, bê nghé, dê cừu, lợn và gia cầm	HCM-X31-6
6.	ST-Linco	Lincomycin HCL	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5 kg	Trị nhiễm trùng đường sinh dục, viêm vú, viêm phổi, bệnh dấu son, bệnh lý viêm khớp, viêm da có mủ, tiêu chảy.	HCM-X31-7
7.	ST-Amcovi	Ampicillin; Colistin, Vitamin A, B1, B6, C	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1; 2; 5 kg	Trị viêm ruột tiêu chảy, viêm xoang mũi, viêm móng, viêm khớp, viêm rốn và nhiễm trùng máu ở gia súc, gia cầm	HCM-X31-9
8.	ST-Ivere	Ivermectin	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1; 2; 5 kg	Phòng ngừa và điều trị các bệnh nội – ngoại ký sinh trùng trên heo.	HCM-X31-10
9.	ST-Tylo	Tylosin tartrate	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5 kg	Trị bệnh CRD ở gia cầm và trị bệnh viêm phổi, bệnh lý trên bê và lợn	HCM-X31-11
10.	ST-Genta	Gentamycin sulfate	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5 kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Gentamycin gây ra ở gia súc, gia cầm.	HCM-X31-12
11.	ST-ATylo	Amoxycilline, Tylosin	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 g; 1; 2; 5 kg	Trị bệnh đường hô hấp, nhiễm trùng tiêu hoá, nhiễm trùng tiết niệu, sinh dục trên heo, gia cầm.	HCM-X31-13
12.	ST-Lorop	Sulfachloropyrazine, Diaveridine, Vitamin A	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5 kg	Trị cầu trùng, thương hàn, bạch lỵ, nhiễm trùng đường ruột trên bê, nghé, heo, gia cầm.	HCM-X31-14
13.	ST-Aspirin	Acetyl salicilic	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5 kg	Hạ sốt, giảm đau, chống mất nước và mất chất điện giải	HCM-X31-15
14.	ST-NECO	Neomycin sulfate Colistin sulfate	Gói, Bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg.	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa do khuẩn nhạy cảm với Neomycin và Colistin.	HCM-X31-16
15.	ST-OXYTY	Oxytetracycline, Tylosin	Gói, Bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg.	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn, gia cầm	HCM-X31-17

16.	VITAMIN C 10%	Vitamin C	Gói, Bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg.	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin C, tăng cường sức đề kháng	HCM-X31-18
-----	---------------	-----------	----------	--	--	------------

62. CÔNG TY TNHH UV

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Linspec	Spectinomycin sulfate Lincomycin hydrochloride	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị viêm ruột trên heo. Trị CRD trên gia cầm.	HCM-X32-1
2.	Decoci	Sulfachlozine sodium salt	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị cầu trùng, thương hàn, tụ huyết trùng trên gà.	HCM-X32-2
3.	Iverich	Ivermectin	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Phòng và trị bệnh nội, ngoại ký sinh trùng trên heo.	HCM-X32-3
4.	A-C	Amoxycillin trihydrate Colistin sulfate	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị viêm ruột, viêm phổi- màng phổi, nhiễm trùng tiết niệu trên bê, ngựa con, heo, cừu, dê, gia cầm.	HCM-X32-4
5.	Amoxin - 20	Amoxycillin trihydrate	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị tiêu chảy do E.coli, viêm phổi trên bê, nghe, heo, gia cầm.	HCM-X32-5
6.	F1	Amoxycillin trihydrate	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày- ruột trên bê, nghe, heo, gia cầm.	HCM-X32-6
7.	Ampicoli-UV	Ampicillin trihydrate Colistin sulfate	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm khuẩn tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm.	HCM-X32-7
8.	Bromox	Amoxycillin trihydrate, Bromhexine hydrochloride	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị viêm đường hô hấp, tụ huyết trùng, tiêu chảy, thương hàn, hồng li, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp trên trâu, bò dê, cừu, lợn, chó, mèo.	HCM-X32-8
9.	Colis- 100	Colistin sulfate	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị tiêu chảy do vi khuẩn nhày cảm gây ra như Salmonella, E.coli	HCM-X32-9
10.	Colis-500	Colistin sulfate	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị tiêu chảy, viêm dạ dày ruột trên bê, cừu, thỏ, gia cầm.	HCM-X32-10
11.	Rydoxyme	Doxycycline hyclate	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị viêm khớp, viêm phế quản phổi, sảy thai truyền nhiễm, viêm tử cung, hội chứng MMA, viêm dạ dày ruột trên heo. Trị hô hấp, viêm khớp, tụ huyết trùng trên gia cầm.	HCM-X32-11

12.	Enro-B	Enrofloxacin	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị lý, E. coli, Mycoplasma, thương hàn, viêm phổi trên gà	HCM-X32-12
13.	Thidoxin	Gentamycin sulfat Doxycycline hyclate	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị bệnh đường hô hấp, dạ dày-ruột trên bê, nghé, heo, gia cầm.	HCM-X32-13
14.	Sultrim 480	Trimethoprim Sulphadiazine natri	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, ruột, tiết niệu, da trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm.	HCM-X32-14
15.	FH-Guard	Doxycycline hyclate Tylosin tartrate	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hoá, hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X32-15
16.	Tylosol	Tylosin tartrate	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm khớp trên gia cầm.	HCM-X32-16
17.	Tysuzine	Tylosin Sulfamethazine	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị viêm ruột tiêu chảy, hồng lý, u loét ruột trên heo, gia cầm.	HCM-X32-17
18.	Myco-550	Spiramycin Trimethoprim	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, cừu non, dê con, heo, gia cầm, thỏ	HCM-X32-18
19.	Flor-UV	Florfenicol	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị bệnh đường hô hấp trên heo.	HCM-X32-19
20.	Wheezing	Josamycin Trimethoprim	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị bệnh hô hấp mãn tính (CRD), viêm khớp trên gia cầm.	HCM-X32-20
21.	Gentasin	Gentamicin sulfate Tylosin tartrate	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm trùng đường ruột, tiêu chảy, hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	HCM-X32-21
22.	Jentel	Levamisole HCL	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị giun trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm.	HCM-X32-22
23.	Tetrain	Tetracycline, Tylosine	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị bệnh ở phổi trên trâu, bò, heo	HCM-X32-23
24.	Thidomethy	Colistin sulfate Oxytetracyclin (HCl)	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp trên heo, gia cầm	HCM-X32-24
25.	Tyco	Tylosin tartrate Colistin sulfate	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị bệnh đường ruột, hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm.	HCM-X32-25

63. CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y-THUỖ SẢN HUƠNG HOÀNG NAM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Cảm cúm gia súc	Oxytetracyclin, Analgin, Vitamin C	Túi Hộp	5;10;50;100;200; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, hạ nhiệt, giảm đau, tăng cường sức đề kháng cho gia súc.	HHN - 2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
2.	Toi - Thương hàn	Sulfamethoxazol, Vitamin B6, B1, Riboflavin, Trimethoprim, Nicotinamid, Calcium pathothenate	Túi Hộp	5;10;50;100;200; 500g; 1kg	Đặc trị bệnh toi, thương hàn và đường ruột cho gia cầm	HHN -3
3.	Đặc trị tiêu chảy	Colistin sulfate, Berberin, Vitamin A, D3, E	Túi Hộp	5;10;50;100;200; 500g; 1kg	Phòng, trị viêm dạ dày-ruột, tiêu chảy do E.coli, viêm đường hô hấp cho Gà, Vịt, Heo	HHN - 4
4.	Terra trứng	Oxytetracycline, Vit A, D3, E, PP, B6, B2, B1, B12, Biotine	Túi Hộp	5;10;50;100, 200 g 500g; 1kg	Tăng sức đề kháng, Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin	HHN - 6
5.	Khệt mũi vịt	Tiamulin, Erythromycin	Túi Hộp	5;10;50;100;200; 500g; 1kg	Trị viêm phổi, viêm khí quản, viêm xoang, thương hàn, THT	HHN - 7
6.	Ampicotrine	Ampicillin, Paracetamol	Túi Hộp	5;10;50;100;200; 500g; 1kg	Trị viêm khớp, viêm tử cung, viêm phổi, CRD, viêm ruột, tiêu chảy	HHN - 8
7.	Tiamulin complex	Tiamulin, Vit A, D3	Túi Hộp	5;10;50;100;200; 500g; 1kg	Trị viêm dạ dày-ruột, tiêu chảy, phân trắng, thương hàn CRD ở gia súc, gia cầm	HHN - 9
8.	Kháng sinh tổng hợp	Thiamphenicol, Oxytetracycline	Túi Hộp	5;10;50;100;200; 500g; 1kg	Trị thương hàn, viêm ruột, viêm đường tiêu hoá, tiêu chảy.	HHN - 10
9.	Streptomycin - 1T	Streptomycin sulfate	Lọ	10,50,100, 250ml;	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm phổi, viêm niệu sinh dục, THT cho gia súc, gia cầm	HHN - 11
10.	Penicillin - 4 T	Penicillin G Procaine, Penicillin G Sodium	Lọ	10,50,100, 250ml;	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn Gr(+) gây nhiễm trùng vết thương, viêm loét da, nhiễm trùng sau phẫu thuật, viêm khớp	HHN - 12
11.	E.coli	Ampicilin trihydrate, sulfamethoxazone	Gói, Hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh đường tiêu hoá, hô hấp, nhiễm khuẩn máu, sinh dục, tiết niệu trên bề, ngứa, đẻ cùn non, ngứa non, lợn, gia cầm.	HHN - 13
12.	Leva-20%	Levamisol	Gói, Hộp, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 25kg	Xỏ giun trên gia súc, gia cầm.	HHN - 14
13.	CRD	Doxycyclin hyclat, Tiamulin fumarat acid	Gói, Hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin, Tiamulin gây ra trên lợn, gà.	HHN - 15
14.	Sulxalin- Plus	Sulfadimidin, Sulfaguinioxalin	Gói, Hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh cầu trùng ruột non và manh tràng trên gia cầm.	HHN - 16

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
15.	Cầu trùng -Stop	Sulfachlorpyridazin, Vitamin K3	Gói, Hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh cầu trùng, phân trắng, phân máu, ỉa ra máu tươi trên gia cầm, thỏ.	HHN - 17
16.	Sun- Tyloxox	Doxycycline, Tylosin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm.	HHN - 19
17.	Sun- Neosol	Neomycin, Oxytetracyclin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin và Oxytetracycline gây ra trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	HHN - 20
18.	Sun- Coliforte	Trimethoprim, Colistin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày- ruột trên bê, nghé, dê non, cừu con, lợn, gia cầm.	HHN - 21
19.	Sun-Norcín 2000	Norfloracin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp, dạ dày ruột, nhiễm trùng tiết niệu trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, gia cầm.	HHN - 22
20.	Sun-Spio	Spiramycin Oxytetracycline	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên trâu, bò, lợn, thỏ, gia cầm.	HHN - 23
21.	Sun-Coliery	Erythromycin, Colistin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột trên trâu, bò, dê, cừu, lợn.	HHN - 24
22.	Sun-Linspec	Spectinomycin, Lincomycin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày -ruột, hô hấp trên lợn, gia cầm	HHN - 25
23.	Sun-Colimox	Amoxycilline, Colistin sulfate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị các bệnh nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp, đường tiêu trên bê, nghé, dê non, cừu non, heo, gia cầm.	HHN - 26
24.	Sun-Neocoli	Neomycin, Colistin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị tiêu chảy, viêm phổi, viêm móng, viêm khớp; viêm vú, viêm tử cung trên lợn, bê, nghé, dê, cừu, thỏ, gia cầm	HHN - 27
25.	Sun-Colidox	Doxycycline, Colistin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm.	HHN - 28
26.	Sun-Enro 2000	Enrofloxacin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp, dạ dày ruột, nhiễm trùng tiết niệu trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, gia cầm.	HHN - 29
27.	Sun Amox 10	Amoxycilline	Túi, Lon	5; 10; 20; 50 100; 250; 500g; 1kg	Trị viêm phổi, viêm khớp, nhiễm trùng tiết niệu, nhiễm trùng huyết, thương hàn trên trâu, bò, heo, gia cầm.	HHN-31

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính		Số đăng ký
28.	Sun Gentadoxy	Gentamycine Doxycycline	Túi, Lon	5; 10; 20; 50 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hoá trên bê, ngựa, lợn và gia cầm.		HHN-32
29.	Sun Oxytylo	Oxytetracycline, Tylosin	Túi, Lon	5; 10; 20; 50 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn, gia cầm.		HHN-33
30.	Sun Flu 10	Flumequine	Túi, Lon	5; 10; 20; 50 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa , hô hấp và tiết niệu trên bê, ngựa, gia cầm.		HHN-34
31.	Sun Iver 6	Ivermectin	Túi, Lon	5; 10; 20; 50 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng trên heo.		HHN-35
32.	Sun Tylosin 20	Tylosin tartrate	Túi, Lon	5; 10; 20; 50 100; 250; 500g; 1kg	Trị viêm ruột, viêm vú, viêm khớp, đau móng, nhiễm trùng vết thương trên bê, ngựa, lợn, gia cầm.		HHN-36
33.	Sun Doxy 20	Doxycycline	Túi, Lon	5; 10; 20; 50 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, đường hô hấp trên trâu bò, dê, cừu, lợn, gia cầm.		HHN-42
34.	Sun-Brom 10%	Brohexime	Gói, Lọ	10; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2kg	Tan đờm, dịu ho trên bê, cừu non, dê, ngựa non, heo, chó, mèo, gia cầm.		HHN-57
35.	Sun-Marbo	Florfenicol	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn		HHN-62
36.	Sun-stop- hỏi Khuẩn phổi	Tetracycline, Tylosin	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh ở phổi do vi khuẩn nhạy cảm với Tetracycline, Tylosin gây ra trên trâu, bò.		HHN-63
37.	Sun- Ampic-colis	Ampicillin, Colistin	Túi, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, viêm ruột, viêm phổi, viêm phế quản trên bê, ngựa, dê non, cừu non, lợn, gia cầm.		HHN-64
38.	HCV-Armstrong-S	Ampicilline, Colistin	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị thương hàn do Salmonella, tiêu chảy, viêm ruột do E.coli, viêm phổi do Pasteurella,... trên trâu, bò, heo; Trị bệnh hô hấp do Mycoplasma, Hearnophilus, tiêu chảy do E.coli, Salmonella trên gia cầm.		HHN-71
39.	HCV-Octamic- A.C	Amoxycelline, Colistin sulfate	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường tiêu hoá do Salmonella và E.coli, nhiễm sinh dục trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm.		HHN-72

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
40.	HCV-Tylandox	Doxycycline, Tylosine	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp gây ra do các vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Doxycycline trên bê, nghé, lợn, gia cầm.	HHN-73
41.	HCV-Trym-S	Sulfadiazine, Trimethoprim	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn E.coli, Coryza, hô hấp mãn tính (CRD), Tụ huyết trùng, thương hàn trên gia cầm	HHN-74
42.	HCV-Doxycol	Doxycycline, Colistin sulfate	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị hô hấp mãn tính (CRD), tiêu chảy (Colibacillosis) trên gia cầm	HHN-75
43.	HCV-Ampicoli	Ampicilline, Colistin	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị hô hấp, tiêu hoá trên trâu, bò, lợn, gà.	HHN-76
44.	HCV-Coliflum	Trimethoprim, Colistin	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày- ruột trên bê, nghé, dê non, cừu con, lợn, gia cầm.	HHN-77
45.	HCV-Amox 20	Amoxycilline	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày ruột, hô hấp, nhiễm trùng tiết niệu trên bê, nghé, dê non, cừu non, heo, gia cầm	HHN-78
46.	HCV- Gentadox	Doxycycline, Gentamycine	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị viêm phổi, viêm ruột, CRD, E.coli, Salmonellosis, viêm da trên bê, nghé, lợn, gia cầm.	HHN-79
47.	HCV- Oxibendazol- HHN	Oxibendazol	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị giun dạ dày, giun đũa, giun kim, giun kết hạt, giun tóc trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, gia cầm.	HHN-80
48.	HCV-Anticoci	Sulfachlozine	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh cầu trùng, thương hàn, tụ huyết trùng trên gà	HHN-81
49.	HCV-Nấm phổi- HHN	Nystatin	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị tưa lưỡi, viêm họng, bệnh nấm Canida ở ruột, nhiễm nấm ở đường âm đạo trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	HHN-82
50.	HCV- Anticoc	Sulphaquinoxalin, Diaveridin	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị cầu trùng trên gia cầm	HHN-83
51.	HCV-Doxy 300	Doxycyclin hyclate, Bromhexine HCL	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, đường hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm.	HHN-84
52.	HCV- Albendazol-HHN	Albendazol	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị giun tròn, sán dây, sán lá trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, chó, gà.	HHN-85

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
53.	HCV-Doxytlo	Doxycycline, Tylosine	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày – ruột, đường hô hấp trên bề, nghệ, lợn, gia cầm	HHN-86
54.	HCV-Doxyneo	Doxycycline, Neomycin	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày – ruột, đường hô hấp trên bề, nghệ, dê, cừu, lợn, gia cầm.	HHN-87
55.	HCV-Doxycol WS	Doxycycline, Colistin sulfate	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bề, nghệ, lợn, gia cầm.	HHN-88
56.	HCV-Amstrong-S	Ampicilline, Colistin	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị thương hàn do Salmonella, tiêu chảy, viêm ruột do E.coli, viêm phổi do Pasteurella,... trên trâu, bò, heo; Trị bệnh hô hấp do Mycoplasma, Hemophilus, tiêu chảy do E.coli, Salmonella trên gia cầm.	HHN-71

64. CÔNG TY CỔ PHẦN CTCBIO VIỆT NAM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Fencol 100S	Florfenicol	Gói, bao	100; 500g; 1; 3; 5; 10; 20kg	Trị bệnh đường hô hấp gây ra bởi Actinobacillus pleuropneumoniae	CTC-16

TỈNH BÌNH DƯƠNG

65. CÔNG TY LIÊN DOANH TNHH ANOVA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	NOVA-AMPICOL	Ampicilline, Colistin	Gói, Túi, Hộp, Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg; 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Trị bạch ỉy, thương hàn, viêm ruột tiêu chảy do E.coli, Salmonella, Clostridium gây ra	LD-AB-1
2.	NOVA-BACTRIM 48%	Sulfadiazine, Trimethoprine.	Gói Túi, Hộp, Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Điều trị các bệnh đường ruột, hô hấp, sinh dục trên gia súc, gia cầm gây ra do vi trùng.	LD-AB-3
3.	NOVA-CRD STOP	Erythromycine, Sulfamethoxazole.	Gói Túi, Hộp, Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Phòng ngừa và điều trị CRD, CRD kết hợp E.coli, nhiễm trùng E.coli đường hô hấp, tụ huyết trùng, viêm khớp	LD-AB-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
4.	NOVA COC	Diaveridine, Sulfadimidine, Vitamin A.	Gói Túi, hộp,Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g; 1kg;10kg; 25kg	Phòng ngừa và điều trị bệnh cầu trùng ở gà, heo con, thỏ, bê, nghé.	LD-AB-5
5.	NOVA CLOZIN	Sulfaclozine, Vitamin A.	Gói Túi,Hộp, Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg; 100; 200; 500g; 1kg;10kg; 25kg	Trị bệnh cầu trùng, tiêu chảy trên gà, heo do nhiễm ghép cầu trùng với Salmonella.	LD-AB-6
6.	NOVA-COCI STOP	Sulfaquinoxaline, Diaveridine, Vitamin A.	Gói Túi,Hộp, Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg;100; 200; 500g; 1kg;10kg; 25kg	Trị bệnh cầu trùng trên gia cầm, heo, thỏ, bê, nghé, bệnh cầu trùng kết hợp với viêm ruột do các loại vi trùng khác.	LD-AB-7
7.	NOVA- DOXINE	Doxycycline, Bromhexine.	Gói Túi, Hộp,Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg; 100; 200; 500g; 1kg;10kg; 25kg	Trị Mycoplasma, Lepto và các vi trùng Gram (-), Gram(+)	LD-AB-9
8.	NOVA LEVASOL	Levamisol	Gói Túi,Hộp, Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg;100; 200; 500g; 1kg;10kg; 25kg	Thuốc tẩy các loại giun tròn trên gia súc, gia cầm.	LD-AB-11
9.	NOVA- METOGEN	Gentamycin, Trimethoprine.	Gói Túi,Hộp, Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg; 100; 200; 500g; 1kg;10kg; 25kg	Trị tiêu chảy phân trắng; phân vàng; phân xanh hoặc phân có máu trên gia cầm, heo, bê nghé.	LD-AB-12
10.	NOVA- MYCOPLASM A	Kitasamycin Amoxicilline	Gói Túi,Hộp, Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg; 100; 200; 500g; 1kg;10kg; 25kg	Trị bệnh do Mycoplasma kết hợp với các loại vi trùng khác.	LD-AB-13
11.	NOVA SULMIX	Sulfachloropyridazine, Trimethoprine	Gói Túi,Hộp, Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg; 100; 200; 500g; 1kg;10kg; 25kg	Trị nhiễm trùng đường ruột trên gia súc, gia cầm như: viêm ruột tiêu chảy, thương hàn, bạch ly, sưng phù đầu	LD-AB-14
12.	NOVA- TRIMEDOX	Trimethoprine, Doxycycline	Gói Túi, Hộp,Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g; 1kg;10kg; 25kg	Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp.	LD-AB-15
13.	NOVA- TRIMOXIN	Amoxicilline, Trimethoprine	Gói Túi, Hộp,Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g; 1kg;10kg; 25kg	Thuốc trị tụ huyết trùng, viêm phổi trên gia súc, gia cầm.	LD-AB-16

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
14.	NOVA LINCO-S	Lincomycin, Spectinomycine.	Gói Túi, Hộp, Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Điều trị các bệnh đường hô hấp, viêm khớp, viêm ruột trên gia súc, gia cầm do vi trùng gây ra	LD-AB-17
15.	NOVA LACTIC	Acid Lactic, Tartic, Malic, Vitamin A, D3, E, B1, B2, B12, Orthophosphoric, Acid Citricpyridoxine,	Gói Túi, Hộp, Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g; 1; 10; 25kg	Trị bệnh đường ruột, rối loạn tiêu hóa, tiêu chảy. Tăng tỷ lệ tiêu hóa. Tăng trọng nhanh, tăng khả năng sinh sản, đẻ trứng.	LD-AB-19
16.	NOVA-C PLUS	Vitamin C, Potassium chloride, sodium chloride.	Gói Túi, Hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 10kg; 25kg	Tăng sức kháng bệnh và chống xuất huyết. Chống stress khi trời nắng nóng hoặc lúc tiêm phòng, chuyển chuồng.	LD-AB-34
17.	NOVA-C COMPLEX	Vitamin A, C, B1 và D3, Sodium chloride, Potassium chloride.	Gói Túi, Hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 10kg; 25kg	Tăng sức kháng bệnh trong quá trình nuôi. Chống stress do tiêm phòng, vận chuyển hoặc do thời tiết thay đổi.	LD-AB-35
18.	NOVA-STRESS	VitA,D3,E,K3,C, B1, B2, B6, B12, nicotinic acid, calcium, pantothenate, lysine, potassium chloride, methionine	Gói Túi, Hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Nâng cao sức kháng bệnh, chống stress. Giúp gia súc, gia cầm giữ vững năng suất cao ngay trong điều kiện bị stress.	LD-AB-37
19.	NOVA-VITONIC	Vitamin A, D, E, K3, C, vitamin B1, B2, B6, B12, pantothenic acid, nicotinic acid, methionine	Gói Túi, Hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg 5kg 10kg; 25kg	Tăng sức kháng bệnh, chống stress lúc gia súc, gia cầm bị stress do tiêm phòng, thay đổi thời tiết, chuyển chuồng, cắt mổ...	LD-AB-38
20.	Nova ACB,Complex	Dipyrrone, Vitamin C, Vitamin B1, Vitamin B6, Vitamin B12	Ông Chai, lọ	2; 5; 10ml ; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1lt.	Hạ sốt, kết hợp chống xuất huyết và nâng cao sức khỏe trong các bệnh nhiễm trùng cấp tính	LD-AB-42
21.	Nova B,Complex	Thiamin, Pyridoxine, Riboflavin, Choline chloride, Niacinamide, Cyanocobalamin, D-Panthenol, ATP.	Ông Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trợ sức tăng lực, giúp mau hồi phục khi mắc bệnh. Tăng cường trao đổi chất, tăng khả năng sinh sản, sức kháng bệnh	LD-AB-43

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
22.	Nova-Calcium + B12	Ca. borogluconate, Magnesium chloride, Vit B12	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1lít.	Trị bệnh do thiếu Calcium và Magnesium như: còi xương, chậm lớn, sốt sưa, bại liệt, cơ giât, xuất huyết, phù	LD-AB-44
23.	Nova Fe + B12	Iron, Vitamin B12	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1lít	Phòng ngừa và điều trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt, thiếu máu do mất máu hoặc thiếu máu do nhiễm ký sinh trùng	LD-AB-45
24.	Nova Fer 100	Iron	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1lít.	Phòng ngừa và điều trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt ở heo con, bê, nghé, dê, cừu	LD-AB-46
25.	Nova-ADE	Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1lít	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin A, D, E. Nâng cao sức đề kháng	LD-AB-47
26.	Nova-ATP Complex	Adenosin triphosphate (ATP), Sodium selenite, Vit B12, B1	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1lít.	Suy nhược do mắc bệnh, hoặc do thiếu dinh dưỡng. Yếu cơ, đứng không vững. Bại liệt không đứng được.	LD-AB-48
27.	Nova-Ana C	Dipyrrone, Vitamin C	Ống Chai, Lọ	2; 5; 10ml; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1lít	Hạ sốt nhanh và hiệu quả kéo dài trong các bệnh nhiễm trùng cấp tính	LD-AB-49
28.	Nova-Bromhexine Plus	Bromhexine, Dipyrrone, Dexa.	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300ml;	Chống viêm, hạ sốt kết hợp với long đờm, giảm ho, giãn phế quản,	LD-AB-50
29.	Nova-C.VIT	Vitamin C	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1lít.	trị suy nhược, sốt cao, xuất huyết, tăng chức năng giải độc, tăng sức kháng bệnh lúc thú bị stress	LD-AB-51
30.	Nova-D.O.T	Thiamphenicol, Oxytetracycline, Dexamethasone	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1lít	Trị thương hàn, THT, đau son, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, tiêu chảy, đau móng, sưng phù đầu,	LD-AB-52
31.	Nova-Enrocin 10%	Enrofloxacin	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1lít.	Trị thương hàn, tiêu chảy phân trắng, phân xanh, phân có máu, viêm phổi cấp hoặc mãn tính, tụ huyết trùng, viêm vú, viêm tử cung, viêm đường tiết niệu.	LD-AB-53
32.	Nova-Gentasone 10%	Gentamycin, Dexamethasone	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1lít.	Trị nhiễm trùng đường sinh dục, hô hấp như: viêm phổi, viêm màng phổi, viêm đa khớp, viêm tử cung, viêm vú.	LD-AB-54

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
33.	Nova Leva	Levamisol	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1lit	Tẩy các loại giun đũa, giun phổi, giun thân, giun chỉ, giun tóc, giun xoắn dạ múi khế, giun kết hạt, giun phổi,	LD-AB-55
34.	Nova Mecin 0,25%	Ivermectin	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1lit.	Phòng và điều trị ghẻ, các loại giun tròn như giun đũa, giun thân, giun tim.	LD-AB-56
35.	Nova Mecin 1%	Ivermectin	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1lit	Phòng và điều trị ghẻ, các loại giun tròn như giun đũa, giun thân, giun tim	LD-AB-57
36.	Nova-Norcine	Norfloxacin, Bromhexine	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1lit.	Trị viêm phổi, viêm màng phổi, tụ huyết trùng, viêm tử cung, viêm khớp, đau móng, viêm ruột tiêu chảy, CRD,	LD-AB-58
37.	Nova-Ticogen	Tylosin, Gentamycin, Dexamethasone.	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1lit.	Trị viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy phân trắng, phân xanh, phân có máu, tụ huyết trùng, nhiễm trùng vết thương, viêm khớp, đau móng, CRD, CRD kết hợp E.coli, THT, thương hàn.	LD-AB-59
38.	Nova Tylo-D 10%	Tylosin, Dexamethasone.	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1lit.	Trị viêm khớp, đau móng, viêm tử cung, viêm vú, nhiễm trùng vết thương, viêm da có mủ, viêm phổi do Mycoplasma ở gia súc, gia cầm.	LD-AB-60
39.	Nova-Tylospec	Tylosin, Spectinomycin, Prednisolone.	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1lit.	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm khớp, đau móng, viêm tử cung, nhiễm trùng vết thương, CRD, CRD kết hợp E.coli, sung phù đầu, viêm xoang mũi.	LD-AB-61
40.	Novasone	Thiamphenicol, Oxytetracycline, Prednisolone, Bromhexine, Lindocai	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1lit.	Trị thương hàn, sốt bỏ ăn THT đầu son, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, tiêu chảy, đau móng, sung phù đầu, viêm vú, viêm tử cung,...	LD-AB-62
41.	Nova-Para C	Paracetamol, Vitamin C, Potassium chloride, Sodium chloride	Gói Túi, hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5 kg 100; 200; 500g; 1; 10; 25kg	Hạ sốt, chống mất nước và chất điện giải lúc gia súc, gia cầm sốt cao trong các bệnh nhiễm trùng hoặc lúc trời nắng nóng	LD-AB-63

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
42.	Nova-Paraxin	Paracetamol, Potassium chloride, Sodium chloride, Betaine, Bromhexine.	Gói Túi, hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5 kg 100; 200; 500g, 1; 10; 25kg	Hạ sốt, chống mất nước, cân bằng chất điện giải trong tế bào và trong máu; chống stress nhiệt lúc trời nắng nóng	LD-AB-64
43.	Nova-Electrovit	Vitamin E, Biotin, Inositol, Sodium bicarbonate, Betaine, Gluconate calcium ,	Gói Túi, hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5 kg 100; 200; 500g, 1; 10kg; 25kg	Tăng cường sức đề kháng, chống stress; Chống mất nước, cân bằng chất điện giải trong trường hợp mất nước do sốt cao, tiêu chảy.	LD-AB-66
44.	Nova E-Selen	Vitamin E, Selenium	Gói Túi, hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5 kg 100; 200; 500g, 1; 10kg; 25kg	Chống bệnh teo cơ, yếu cơ gây bại liệt ở thú sinh sản	LD-AB-67
45.	Nova-Biotine	Biotin, VitA,D3,E, Zinc .	Gói Túi, hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5 kg 100; 200; 500g, 1; 10kg; 25kg	Tăng cường sức đề kháng, tăng khả năng miễn dịch	LD-AB-68
46.	Nova-Growth	Beta - glucan , Zinc oxide, Biotin, Vitamin A, D3, Vit nhóm B	Gói Túi, hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5 kg; 100; 200; 500g, 1; 10kg; 25kg	Tăng cường sức đề kháng, tăng khả năng miễn dịch	LD-AB-69
47.	Nova-Hepavit	Sorbitol, Vitamin B12, Methionine, Betaine,	Chai Lọ, Can	50; 100; 300; 500ml; 1; 4lít 10ml. 20ml; 1lít, 4 lít, 20 lít	Bổ gan, lợi mật, giúp ăn ngon miệng	LD-AB-75
48.	Nova Enro 10%	Enrofloxacin	Chai Lọ Can	50; 100; 300; 500ml; 1; 4lít 10ml; 20ml 1lít, 4 lít, 20 lít	Đặc trị CRD ghép với E.coli, sung phù đầu do E.coli hoặc Mycoplasma, viêm ruột tiêu chảy, viêm rốn.	LD-AB-76
49.	Novazuril	Toltrazuril	Chai Lọ, Can	50; 100; 300; 500ml; 1; 4lít 10ml. 20ml; 1lít, 4 lít, 20 lít	Phòng và trị cầu trùng trên gà và thỏ	LD-AB-77
50.	Nova Flox 20%	Norfloxacin	Chai Lọ Can	50; 100; 300; 500ml; 1; 4lít 10ml. 20ml 1lít, 4 lít, 20 lít	Trị CRD, C-CRD, THT, nhiễm trùng máu, thương hàn, bạch ly; viêm ruột tiêu chảy, viêm phổi.	LD-AB-78
51.	Nova-Tetra LA	Oxytetracycline	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l.	Phòng và trị tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, đau móng, nhiễm trùng vết thương, viêm da trên trâu bò, dê, cừu, heo, chó, mèo.	LD-AB-79

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
52.	Nova- Aminovita	Cystine, Isoleucine, Leucin, Lysine, Methionine, Phenylalanin, Threonine, Tryptophan, Valin, D-Pantothenol, Nicotinamide, Pyridoxine, Riboflavin, Thiamin, Calci chloride, Magne Chloride, Potassium chloride	Ông, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l.	Bồi dưỡng, tăng lực, giúp mau hồi phục khi mắc bệnh hoặc bị Stress. Chống suy nhược, đặc biệt hiệu quả trên thú bị còi cọc, mất sức do làm việc nặng nhọc, lúc sinh đẻ, hoặc do mắc bệnh nặng	LD-AB-81
53.	Novasal	1-(n butylamino)-1 methylethyl phosphorous acid, Vitamin B12, Methyl hydroxybenzoate.	Ông, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l.	Kích thích tiết sữa trên heo nái, bò sữa, dê cừu. Tăng tỷ lệ đẻ trứng trên gà, vịt đẻ. Chống bại liệt, suy nhược, còi cọc do mắc bệnh hoặc suy dinh dưỡng.	LD-AB-82
54.	Nova- Flor	Florphenicol, Dexamethasone, Bromhexine,	Ông, Lọ, Chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l.	Điều trị viêm phổi, THT, thương hàn, viêm ruột tiêu chảy, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, dê, cừu, heo.	LD-AB-83
55.	Nova- Fe+B.Complex	Iron, Vitamin B1, B6, B12.	Ông, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l.	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt, mất máu hoặc do ký sinh trùng ở heo con, bê, nghé, dê, cừu.	LD-AB-84
56.	Nova- ADE Vita	Vitamin A, D3, E	Ông, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l.	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin A, D, E. Nâng cao sức đề kháng bệnh, sức tăng trưởng và khả năng sinh sản.	LD-AB-85
57.	Novalinco- spectin	Lincomycin HCL, Spectinomycin HCL, Propylene glycol.	Ông, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l.	Heo, trâu, bò, dê, cừu, chó, mèo: Trị hồng ỉy, tiêu ra máu, phân trắng, phân vàng, viêm phổi, THT. Gia cầm: Điều trị CRD, C-CRD, viêm khớp, viêm ruột tiêu chảy.	LD-AB-86
58.	Kanacin 10%	Kanamycine, Propylene glycol	Ông, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l.	Trị THT, viêm phổi, màng phổi, viêm khớp, đau móng, viêm tử cung, viêm vú.	LD-AB-87
59.	Nova-Polivit	Vitamin A, D3, E, B1, B6, B12, PP, glycol	Ông, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l.	Tăng sức kháng bệnh lúc gia súc đang mắc bệnh hoặc bị Stress. Giúp mau hồi phục sau khi mắc bệnh.	LD-AB-88

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
60.	Nova-AC Xanh	Prednisolone, Dipyron, Vit C, Propylene glycol	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l.	Chống viêm kết hợp với hạ sốt trong các bệnh nhiễm trùng cấp, các trường hợp sốt cao không rõ nguyên nhân.	LD-AB-89
61.	Nova- Para+C	Paracetamol, Vit C,	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l.	Hạ sốt, kháng viêm trong các bệnh nhiễm trùng gây sốt cao, giảm đau.	LD-AB-91
62.	Nova- Tylosin 20%	Tylosin,	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l.	Trị các nhiễm trùng do Mycoplasma và vi khuẩn Gram(+) nhiễm trùng vết thương, nhiễm trùng sau phẫu thuật.	LD-AB-92
63.	Tialin 10%	Tiamuline hydrogen fumarate, Dexamethasone,	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l.	Trị viêm phổi, THT, viêm màng phổi, viêm khớp trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, tiêu ra máu trên heo sau cai sữa.	LD-AB-93
64.	Novasal Complex	ATP, Vitamin B1, B6, 1-(Cyanocobalamin, n-Butylamino)l-methyletylphosphonou s acid	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l.	Tăng cường đề kháng trong các trường hợp kiệt sức, do làm việc quá mức hay thời tiết thay đổi, suy nhược do mắc bệnh, chậm lớn, còi cọc, chậm lên giống, không đậu thai, đẻ non, sảy thai.	LD-AB-94
65.	Nova- Erycol	Erythromycin, Colistin, Dexamethasone,	Ống, Lọ, Chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l.	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Erythromycin và Colistin cho trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	LD-AB-95
66.	Nova- Doxycol	Doxycycline, Colistin, Dexa	Ống, Lọ, Chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l.	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline và Colistin cho trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	LD-AB-96
67.	Nova- Enrocol	Enrofloxacin	Chai, Lọ, Can	20; 50; 100; 300; 500ml; 1l.	Đặc trị tiêu chảy phân trắng, phân xanh, phân vàng trên heo con, chó, mèo, dê, cừu con, bê, nghé.	LD-AB-97
68.	Nova- Coligen	Colistin, Gentamycin, Prednisolone.	Ống, Lọ, Chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l.	Điều trị thương hàn, tiêu chảy phân xanh, phù đầu, viêm phổi, THT, trên trâu, bò, heo, gia cầm.	LD-AB-98
69.	Nova- Tiasone	Tiamulin, Dexa, Oxytetracycline, Bromhexine	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1;5;10;15;20;25kg	Điều trị các bệnh đường hô hấp trên heo, gà, vịt, cút.	LD-AB-99

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
70.	Nova- Thiasul	Thiamphenicol, Sulfadimethoxine	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg.	Trị TH, bạch lý, viêm phổi, viêm khớp, THT trên gia cầm; viêm phổi, tiêu chảy, sung phù đầu trên heo, bê, nghé.	LD-AB-100
71.	Nova- Tylosone	Thiamphenicol, Tylosine, Prednisolone, Bromhexine	Ông, Lọ, Chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l.	Điều trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Thiamphenicol và Tylosine cho trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo.	LD-AB-101
72.	Nitronil	Nitroxinil, Propylene glycol	Ông, Lọ, Chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l.	Tẩy sán lá gan, giun xoắn, giun móc, giun kết hạt trên trâu, bò, dê, cừu, ngựa.	LD-AB-103
73.	Nova- Tylomix	Tylosin, Bromhexine Sulfadimidine,	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1,5; 10; 15; 20; 25kg	Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp trên heo, gà, vịt, cút.	LD-AB-104
74.	Nova- Lincodox	Doxycycline, Lincomycine, Bromhexine	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1,5; 10; 15; 20; 25kg	Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp trên heo, gà, vịt, cút.	LD-AB-105
75.	Nova- Spiracol	Spiramycin, Colistin, Bromhexine	Ông, Lọ, Chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l.	Trị viêm phế quản, viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung, THT, nhiễm trùng vết thương trên heo, bê, nghé, dê, cừu non.	LD-AB-108
76.	Nova-Fer + Tylogen	Iron, Gentamycin, Tylosin	Ông, Lọ, Chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l.	Điều trị thiếu máu do thiếu sắt kết hợp với tiêu chảy hoặc viêm phổi trên heo.	LD-AB-109
77.	Nova- CRD	Tylosin, Dexamethoprim, Bromhexine,	Gói, Hộp, Túi, Bao	10; 20; 50; 100; 300; 500g; 1; 2; 5; 10; 25kg.	Điều trị bệnh đường hô hấp trên heo, trâu, bò, dê, cừu, gia cầm	LD-AB-110
78.	Nova- Anti CRD	Tylosin, Amoxicillin, Bromhexine, Paracetamol, Dexamethoprim,	Gói, Hộp, Túi, Bao	10; 20; 50; 100; 300; 500g; 1; 2; 5; 10; 25kg.	trị bệnh CRD, CRD ghép E.coli, viêm xoang mũi, sung phù đầu, viêm khớp, tụ huyết trùng, viêm ruột trên gia cầm.	LD-AB-111
79.	Nova- Gentabactim	Gentamycin, Sulfadimidine	Gói, hộp, Túi, Bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg.	Điều trị viêm ruột- tiêu chảy, thương hàn, bạch lý trên gia súc, gia cầm.	LD-AB-112
80.	Nova- Tylogen	Tylosin, Gentamycin, P. chloride, S. chloride.	Gói, Hộp, Túi, Bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg.	Điều trị bệnh nhiễm trùng đường ruột trên gia súc, gia cầm.	LD-AB-113
81.	Nova- Cocci	Sulfachloropyridazine, Diaveridine	Gói, hộp, Túi, Bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg.	Phòng và trị các bệnh cầu trùng trên gà, thỏ, heo con, bê, nghé.	LD-AB-114

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
82.	Nova-Spirasul	Spiramycine, Sulfadimidine, Bromhexine,	Gói, Hộp, Túi, Bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg.	Điều trị nhiễm trùng đường hô hấp trên bé, nghe, heo, gà, vịt, cút.	LD-AB-115
83.	Nova-Ampisul	Ampicilline, Sulfachloropyridazine	Gói, hộp, Túi, Bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg.	Điều trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên heo, gà, vịt, cút.	LD-AB-116
84.	Nova- Quinococ	Pyrimethamine, Sulfadoxine, Vitamin K3	Gói, Hộp, Túi, Bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg.	Phòng và trị các bệnh cầu trùng trên gà, thỏ, heo con, bê, nghe.	LD-AB-117
85.	Nova- Trimacol	Colistin sulfate, Trimethoprim	Gói, hộp, Túi, Bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg.	Điều trị các bệnh viêm ruột trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gà, vịt, cút.	LD-AB-118
86.	Nova- Kanacol	Kanamycin, Colistin, Desamethasone,	Ống, Chai, Lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị viêm phổi cấp tính, viêm mắt, viêm khớp, đau móng, viêm ruột, thương hàn, viêm tử cung trên gia súc.	LD-AB-119
87.	Nova- Septryl 24%	Sulfamethoxypyridazine, Trimethoprim	Ống, Lọ, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục, viêm khớp, móng trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, heo, chó mèo, gia cầm.	LD-AB-126
88.	Nova-Fe+B12 20%	Sắt (Dextran complex), Vit B12	Ống, Lọ, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Phòng và trị thiếu máu do thiếu sắt trên heo con	LD-AB-127
89.	Nova- Amdecol	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate, Dexamethasone	Ống, Lọ, Chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị sung phù đầu, viêm ruột tiêu chảy, viêm phổi, THT, thương hàn, viêm tử cung, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm.	LD-AB-128
90.	Nova Pen- Strep	Penicillin G Procain, Streptomycin sulfate	Lọ	1,65g	Trị THT, viêm phổi, viêm tử cung, khớp, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo, gia cầm.	LD-AB-129
91.	Nova-Penicillin	Penicillin G Procain, Penicillin G sodium	Lọ	3,7g	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn gr(+) gây ra trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo.	LD-AB-130
92.	Nova- Ampi	Ampicillin sodium	Lọ	1g	Trị viêm phổi, viêm vú, tử cung, viêm ruột tiêu chảy, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, gia cầm.	LD-AB-131

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
93.	Nova- Gemmox	Gentamycin sulfate, Amoxicillin trihydrate	Lọ	0,75g	Trị viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy, thương hàn, viêm vú, viêm tử cung, nhiễm trùng vết thương, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm.	LD-AB-132
94.	Nova-Marlox 25	Marbofloxacin	Ông, Lọ, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l.	Trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm.	LD-AB-133
95.	Nova-Anazine 20%	Dipyrrone	Ông, Chai, Lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Hạ sốt, giảm đau, an thần trên trâu, bò, heo, dê, cừu.	LD-AB-135
96.	Nova-Dexa 20	Dexamethasone	Ông, Chai, Lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml	Kháng viêm	LD-AB-136
97.	Nova- Atropin	Atropin sulfate	Ông, Chai, Lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị đau bụng do co thắt ruột, khó thở do phế quản co thắt, trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo.	LD-AB-137
98.	ADE-B.Complex inj	VitaminA, D3, E, B1, B2, B6, B12, Nicotinamid,	Ông, Chai, Lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh thiếu Vitamin, tăng cường sức đề kháng trên trâu, bò, heo, chó, mèo.	LD-AB-138
99.	Nova-Doxyl 10%	Doxycycline	Ông, Chai, Lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, nhiễm trùng vết thương, trên trâu, bò, heo, chó, mèo, gia cầm.	LD-AB-139
100.	Nova-Gentylo	Gentamycin, Tylosin.	Ông, Chai, Lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml	Trị viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy, THT, viêm khớp, móng, viêm tử cung, viêm vú trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm.	LD-AB-140
101.	Nova-Hepat B12	Sorbitol, Methionine, Vitamin B12, B6, B2	Ông, Chai, Lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Tăng khả năng tiết mật, tăng cường chức năng giải độc gan trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo.	LD-AB-141
102.	Nova-B.Complex C	Vitamin B1, B2, B6, B12, C, Nicotinamid, Dextrantenol	Ông, Chai, Lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh thiếu Vitamin nhóm B và C, tăng cường sức đề kháng trên trâu, bò, heo, gia cầm.	LD-AB-142
103.	Nova-Colispec	Colistin sulfate, Spectinomycine	Chai	20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị tiêu chảy, phân vàng, phân trắng, phân xanh, phân có máu trên heo con	LD-AB-143
104.	Nova-Coc 5%	Toltrazuril	Chai	20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị cầu trùng trên heo con.	LD-AB-144

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
105.	Nova-Colistop	Colistin, Gentamycin	Chai, Lọ, Can	20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị tiêu chảy phân trắng, phân vàng, trên heo con, bê, nghé, dê con, cừu con.	LD-AB-145
106.	Nova- Gentasul	Gentamycin, Sulfamethoxazol	Chai, Lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị viêm ruột tiêu chảy phân trắng, phân xanh, phân vàng, phân có máu trên heo con, bê, nghé, dê con, cừu con.	LD-AB-146
107.	Nova-B1+B6+B12	Vitamin B1, B6, B12	Ống, Lọ, Chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị kém ăn, còi cọc, suy nhược cơ thể. Tăng sức đề kháng trong trường hợp stress hoặc mắc các bệnh nhiễm trùng.	LD-AB-147
108.	Nova-Peni Strepto	Penicillin G Procain, Dihydro streptomycin	Ống, Lọ, Chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng vết thương, viêm phổi, THT, Lepto, viêm tử cung, móng trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm.	LD-AB-149
109.	Nova-Vitamin Oral	Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, B12, C, K3, Folic acid, Nicotinamide, D- panthenol, Methionin, Tryptophan, Cysteine, Threonine, Isoleucine, Phenylalanine, Valine, Lysine, Leucine	Chai, Lọ, Can	20; 50; 100; 300; 500ml; 1; 5l	Nâng cao đề kháng, giúp mau hồi phục sau khi mắc bệnh. Chống còi cọc, suy nhược. Tăng khả năng sinh sản.	LD-AB-150
110.	Nova-Enrofloxacin 50	Enrofloxacin	Ống, Lọ, Chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị THT, TH viêm phổi, viêm khớp, tiêu chảy, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, heo, gà, vịt	LD-AB-151
111.	Nova Coli.Coli	Colistin Trimethoprim	Gói, Túi, Hộp	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm trùng do vi VK nhạy cảm với Colistin và Trimethoprim trên bê, nghé, heo, dê non, cừu non, gia cầm, thỏ.	LD-AB-152
112.	Nova Ampic.col	Ampicillin, Colistin	Gói, Túi, Hộp	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hoá trên gia cầm.	LD-AB-153
113.	Nova-coc 2,5%	Toltrazuril	Chai	20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị cầu trùng trên gia cầm.	LD-AB-154
114.	Nova-Doxy 300WSP	Doxycycline	Gói, Túi, Hộp	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hoá, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm.	LD-AB-155
115.	Nova-Amox LA	Amoxicillin trihydrate	Ống, Lọ, Chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1lit	Trị nhiễm trùng tiêu hoá, hô hấp, nhiễm trùng tiết niệu, viêm da, viêm mô mềm trên trâu, bò, heo, cừu, chó, mèo.	LD-AB-156

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
116.	Nova-Flor 10%	Florfenicol	Chai, Can	20; 50; 100; 300; 500ml; 1lit	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra trên gia cầm.	LD-AB-157
117.	Nova- Genta.Amox	Gentamycine, Amoxicillin	Ông, Chai, Lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1lit	Trị viêm phổi, tiêu chảy, viêm tử cung, viêm ruột do vi khuẩn, viêm vú trên ngựa, trâu, bò, dê, cừu, heo.	LD-AB-158
118.	Nova-Linco Inj	Lincomycin	Ông, Chai, Lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1lit	Trị viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy, viêm khớp, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm.	LD-AB-159
119.	Nova-Cefur	Ceftiofur	Ông, Chai, Lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1lit	Trị nhiễm trùng hô hấp trên heo.	LD-AB-160
120.	Nova-Amox 50%	Amoxicillin	Gói,Hộp, Túi, Bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hoá, nhiễm trùng sinh dục-tiết niệu trên gia cầm, heo.	LD-AB-161
121.	Nova-Sulfa- Linco premix	Lincomycin, Sulfamethazine	Gói, Hộp,Bao	50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25 kg	Phòng và trị viêm phổi do Mycoplasma, lỵ, viêm ruột, viêm teo mũi trên heo.	LD-AB-162
122.	Nova-D.O.C	Thiamphenicol, Oxytetracyclin.	Ông, Lọ, Chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1lit	Trị PTH, THT, viêm phổi, viêm ruột, viêm đường sinh dục, tiết niệu, viêm khớp, thối móng trên trâu, bò, heo, dê, chó, mèo, gia cầm.	LD-AB-163
123.	Nova-Colistin 80	Colistin sulfate	Ông, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lit	Trị bệnh đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin	LD-AB-164
124.	Nova-Amoxicol	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulfate	Hộp, túi, bao	10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp, viêm vú, viêm khớp, nhiễm trùng rốn trên heo, gia cầm.	LD-AB-165
125.	Nova Neocoli	Neomycin sulfate, Colistin sulfate, Vit K, Vit D3	Hộp, túi, bao	10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 5kg	Trị bệnh đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin, Neomycin trên gia cầm, thỏ, heo, bê nghé, dê con.	LD-AB-166
126.	Nova- Florphenicol 2%	Florphenicol	Gói, hộp, túi	50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm khuẩn Actinobacillus pleuropneumociae, Pasteurella multocida, Hemophilus parasuis, Streptococcus suis, Mycoplasma hyopneumoniacae trên heo.	LD-AB-167

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
127.	Nova-Flor 40 LA	Florfenicol	Ông, Chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1lít	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol như: Actinobacillus pleuronemoniae, Pasteurella multocida, Mycoplasma hyopneumoniae.	LD-AB-169
128.	Nova-Amcoli Fort	Ampicillin, Colistin sulfate	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị CRD, C-CRD trên gia cầm; Trị tiêu chảy do E.coli, viêm phổi và hội chứng MMA trên heo	LD-AB-170
129.	Nova-Bromhexine	Bromhexine	Gói, túi; hộp; bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25 kg	Giảm ho, long đờm, hỗ trợ điều trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, chó, mèo.	LD-AB-171
130.	Nova-Doxal	Florphenicol, Doxycycline HCL	Ông; lọ; chai, can	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm tuyến vú, viêm tử cung, viêm âm đạo, viêm màng não, sốt hậu sản, viêm tắt sữa do vi khuẩn gây ra trên trâu, bò, ngựa, dê, lợn, chó, mèo.	LD-AB-172
131.	Nova-Doxine 500	Doxycycline HCl	Gói, Hộp, Bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25 kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm phổi trên heo, gia cầm	LD-AB-174
132.	Nova-Tulacin	Tulathromycin	Ông, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn.	LD-AB-175
133.	Nova-Apracin	Apramycin	Gói, Hộp, Bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g 1; 5; 10; 25 kg	Trị viêm ruột ỉa chảy do vi khuẩn E. coli, Salmonella gây ra trên lợn, gia cầm.	LD-AB-176
134.	Nova-Tilmicosin 250	Tilmicosin phosphate	Ông, Chai, Can	10; 20; 50; 100; 300; 500ml 1; 5; 10 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm.	LD-AB-177
135.	Novasal Complex	1-(n-Butylamino)-1-methylethyl phosphorus acid (Butaphosphan), Adenosin triphosphate, Cyanocobalamin, Vitamin B6	Ông, Chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Tăng cường miễn dịch trên gia súc, gia cầm trong trường hợp kiệt sức, mệt mỏi, suy nhược, chlamydia.	LD-AB-178
136.	NOVA-ANTI COLI	Spectinomycin, Colistin sulfate	Ông, Chai, Can	2; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1; 4; 10lít	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên dê, cừu, heo con.	LD-AB-179

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
137.	NOVA-TIA.DC	Tiamulin, Colistin	Ông, Chai, 1; 4; 10l Can	2; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1; 4; 10l	Trị viêm phổi, viêm ruột, tiêu chảy trên trâu, bò, heo.	LD-AB-180
138.	NOVA- CLAMOX	Amoxicilline trihydrate, Clavulanic acid	Ông, Chai, Can	2; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1; 4; 10l	Trị viêm phổi cấp, THT, viêm ruột tiêu chảy, tiết niệu, viêm tử cung, viêm vú, sưng phù đầu trên trên trâu, bò, heo, chó, mèo.	LD-AB-181
139.	Nova-Bactal	Cefquinome (as sulfate)	Ông, Chai	2; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, nhiễm trùng da, thối móng, viêm ruột, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, nhiễm trùng huyết trên trâu, bò, dê, cừu, heo.	LD-AB-182
140.	CP Toltrazuril 5%	Toltrazuril	Ông, Chai, Can 10l	50; 100; 300; 500ml; 1; 2; 5;	Trị cầu trùng trên bê nghé, dê non và lợn con	LD-AB-183
141.	Nova-Tilcomix 200	Tilmicosin (as phosphate)	Gói, Hộp, Túi, Bao	50; 100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị bệnh đường hô hấp trên heo	LD-AB-184
142.	CP-Enrofloxacin 50%	Enrofloxacin	Gói, Hộp, Túi, Bao	50; 100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, đường tiểu, tiết niệu, da trên heo, gia cầm	LD-AB-185
143.	CP-Norfloxacin 50%	Norfloxacin	Gói, Hộp, Túi, Bao	50; 100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị viêm phổi, viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm khớp, viêm đường sinh dục, viêm vú, viêm tử cung, viêm đường tiết niệu, viêm ruột tiêu chảy trên heo, gia cầm.	LD-AB-186

66. CÔNG TY TNHH BAYER VIỆT NAM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	A-T 101 Vitamin E	Vitamin E	Gói Xô 2,5kg; 5kg; 7,5 kg Bao 10kg; 25kg	100g; 1kg 2,5kg; 5kg; 7,5 kg 10kg; 25kg	Chống thoái hóa cơ, nâng cao khả năng sinh sản cho gia súc, gia cầm	BAS-20
2.	A-T 104 Vitamin ADE	Vitamin A; D; E	Gói Xô, Bao	100g; 1kg 2,5; 5; 7,5; 10kg; 5kg	Tăng tỉ lệ thụ thai ở heo tăng năng suất đẻ trứng	BAS-22

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
3.	A-T 105 Biotin	Biotin	Gói, Xô Bao	100g; 1,2,5; 5,7,5 kg 10kg; 25kg	Phòng và trị bệnh nứt loét móng và da hóa sừng ở heo	BAS-23
4.	Pikuten-HF	Vitamin A; D3; E; K3; Fe; Cu; Mn; Zn; I; Co; Se; P; Mg; Amonium; molybdate	Bao bao	25kg	Cung cấp vitamin và khoáng cho vật nuôi	BAS-51
5.	3-Nitro 1%	Roxasone	Gói Xô, Bao	100g; 1kg 2,5; 5, 10kg; 25kg	Phòng bệnh cầu trùng và nâng cao năng suất ở gà	BAS-52
6.	3-Nitro 10%	Roxasone	Gói Xô, Bao	100g; 1kg 2,5; 5, 10kg; 25kg	Phòng bệnh cầu trùng và nâng cao năng suất ở gà	BAS-53
7.	BMD 0,75%	Bacitracin methylene disalicylate, Caldium carbonate	Gói Xô, Bao	100g; 1kg 2,5; 5, 10kg; 25kg	Kích thích tăng trọng sử dụng trong chăn nuôi heo	BAS-55
8.	A-T 111 Vitamin C Antistress	Vitamin C; Citric acid	Gói, Xô; Thùng	100; 250g; 500g; 1kg 2,5; 5; 10; 25kg	Chống stress cho gia súc	BAS-63
9.	A-T 112 Multivitamin Water Soluble	Vitamin A; D3; E; K3; B1; B2; B6; B12; H2; Niacin; Calpan	Gói Xô Thùng	100g; 250g 500g; 1kg 2,5; 5; 10kg; 25kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin, giảm stress.	BAS-64
10.	A-T 113 Vitamin C + Oxytetracycline Water Soluble	Vitamin C; Oxytetracycline	Gói Xô Thùng	100g; 250g 500g; 1kg 2,5; 5; 10; 25kg	Phòng và trị các bệnh do nhiễm khuẩn, tăng sức đề kháng cho gia súc	BAS-65
11.	A-T 206 Tylo-Sulfa-C	Tylosin; Sulphadimidine; Vit C	Gói	100g; 1,5; 10; 25kg	Phòng, trị bệnh do khuẩn gr (-), gr(+), Mycoplasma	BAS-70
12.	A-T 207 Avatec	Lasalocid Sodium	Gói Xô, Bao	100g; 1kg 2,5kg; 5, 10; 25kg		BAS-71
13.	Grosol M	Vitamin A; D3; E; K3; B1; B2; B6; B12; H2; Niacin; Calpan; Folic acid Fe; Cu; Mn; Zn; I; Co; Se; Vit C; Amino acid, Amoxycycline	Gói Xô Bao	40g; 50g; 100g 250g; 500g; 1kg 2; 2,5; 4; 5; 7,5kg 10kg; 25kg	Cung cấp vitamin, khoáng cho vật nuôi.	BAS-77

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
14.	Saigo-Nox 10 New	Kitasamyacin, Sulfadimidin	Gói Xô Bao	10,20,100,400,500g; 1kg;2,5, 5,7,5kg 10kg;25kg	Phòng và trị tiêu chảy cho heo, gà, tăng khả năng chuyển hóa thức ăn.	BAS-79
15.	Saigo-Nox 100 New	Kitasamyacin, Sulfadimidin	Gói Xô Bao	10,20,100,400,500g; 1kg;2,5kg;5 kg, 7,5kg 10kg;25kg	Phòng và trị tiêu chảy cho heo, gà, tăng khả năng chuyển hóa thức ăn.	BAS-80
16.	Supastock Power Pig Pack	Choline, Mn, Co, Vit A, B2, E, Saigo-Nox 100 New	Gói Xô Bao	500g; 1kg 2,5kg; 5kg 10kg; 25kg	Cung cấp vitamin và khoáng cho heo con, phòng tiêu chảy	BAS-83
17.	Saigo-Nox Poultry	Kitasamyacin tartrate, Thiamphenicol	Gói Xô Bao	20,100;200;400;500g; 1kg; 2, 5; 5; 7, 5kg 10; 25kg	Phòng CRD, Coryza, viêm ruột tiêu chảy do E.coli và Salmonella ở gia cầm	BAS-84
18.	Helipyrin	Acetylsalicylic Acid	Bao Xô Bao	100g; 200g, 400g; 500g, 1kg 2, 5; 5;7,5; 10; 5kg	Làm giảm đau, hạ sốt, kháng viêm.Giúp gia súc nhanh phục hồi sức khỏe	BAS-85
19.	Mycosal	Kitasamyacin base	Bao Xô Bao	100g; 200g, 400g; 500g, 1kg 2, 5kg; 5kg;7,5kg 10kg; 25kg	Phòng ngừa bệnh CRD, Coryza, E.Coli, Samonella ở gia cầm. Phòng ngừa bệnh viêm phổi trên heo	BAS-87
20.	Mycosal S	Kitasamyacin tartrate	Bao Xô, Bao	100g; 200g, 400g; 500g, 1;2,5; 5; 7,5kg; 10kg; 25kg	Phòng ngừa bệnh CRD, Coryza, E.Coli, Samonella ở gia cầm. Phòng ngừa bệnh viêm phổi trên heo	BAS-88
21.	Colisal	Thiamphenicol	Bao Xô; Bao	100g; 200g, 400g; 500g, 1kg 2, 5kg; 5kg;7,5kg 10kg; 25kg	Phòng ngừa bệnh CRD, Coryza, E.Coli, Samonella ở gia cầm. Phòng ngừa bệnh viêm phổi trên heo	BAS-89
22.	Bacisol	Sulphadimidine	Bao Xô Bao	100g; 200g, 400g; 500g, 1kg 2, 5kg; 5kg;7,5kg 10kg; 25kg	Phòng ngừa bệnh nhiễm khuẩn cho gia súc, gia cầm. Phòng bệnh viêm ruột, tiêu chảy viêm teo mũi trên heo.	BAS-90

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
23.	Rintal 1%	Febante 110g	Bao Xô Bao	100g, 200g, 400g, 500g, 1kg 2, 5kg; 5kg; 7.5kg 10kg; 25kg	Trị bệnh giun tròn ở ruột và giun phổi ở gia súc	BAS-91
24.	Rintal 1.9 %	Febantel 19g	Bao Xô Bao	100g, 200g, 400g, 500g, 1kg 2, 5kg; 5kg; 7.5kg 10kg; 25kg	Trị bệnh giun tròn ở ruột và giun phổi ở gia súc	BAS-92
25.	Tetravit E	Chlortetracycline	Bao; Xô	1; 5; 10; 20; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột trên trâu, bò, heo, gà.	BAS-93

67. CÔNG TY TNHH TM VÀ SẢN XUẤT THUỐC THÚ Y MINH DŨNG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	MD B ₁₂	Vitamin B ₁₂	Ống, Lọ, Chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Bổ sung vitamin B ₁₂ , trị thiếu máu do suy dinh dưỡng, nhiễm ký sinh trùng.	HCM-X21-02
2.	MD B.Complex	Vit B ₁ , B ₂ , B ₆ , B ₁₂ ; D.Panthenol; Nicotinamide	Ống, Lọ, Chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Bổ sung vitamin nhóm B, tăng cường sức đề kháng, chống stress, chống nhiễm trùng. Kích thích tiêu hoá tốt, tăng trọng nhanh mau hồi phục sau khi mắc bệnh	HCM-X21-03
3.	MD B ₁ B ₆ B ₁₂	Vit B ₁ , B ₆ , B ₁₂	Ống, Lọ, Chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị các bệnh thiếu máu, suy nhược, biếng ăn, bại liệt, viêm dây thần kinh, tăng sức đề kháng.	HCM-X21-04
4.	MD-C 1000	Ascorbic acid	Ống, Lọ, Chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị chứng suy nhược, xuất huyết, chảy máu cam, hoại huyết, sốt cao, trúng độc, stress, tăng sức đề kháng.	HCM-X21-05
5.	MD Calcium	Calcium gluconate; Boric acid	Ống, Lọ, Chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị các trường hợp sốt sữa, bại liệt trước và sau khi sinh, còi xương, xốp xương.	HCM-X21-06

6.	MD Selen-E	Vitamin E; Sodium Selenite	Ông, Lọ, Chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị các bệnh cơ trắng, teo cơ, thoái hoá cơ tim, tăng cường khả năng sinh sản, tăng tỉ lệ thụ thai.	HCM-X21-07
7.	MD Sorbitol + B ₁₂	Sorbitol; Methionine; Vit B ₂ , B ₆ , B ₁₂	Ông, Lọ, Chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Tăng cường chức năng giải độc của gan, tăng tiết mật, kích thích tiêu hóa, chống táo bón, kích thích tạo máu.	HCM-X21-08
8.	MD Fer 10%	Iron; Dextran	Ông, Lọ, Chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị thiếu máu do thiếu sắt, thiếu máu do nhiễm trùng, KST, hoặc do mất máu.	HCM-X21-09
9.	MD Fer + B ₁₂	Iron; Dextran; Vit B ₁₂	Ông, Lọ, Chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị thiếu máu do thiếu sắt, nhiễm trùng, ký sinh trùng, mất máu, kích thích tăng trưởng nhanh.	HCM-X21-10
10.	MD Fer + Tylogen	Iron; Tylosin; Gentamycin	Ông, Lọ, Chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị thiếu máu do thiếu sắt, nhiễm trùng, thiếu máu kết hợp viêm ruột tiêu chảy và viêm phổi.	HCM-X21-11
11.	MD Leva 100	Levamisole	Ông, Lọ, Chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị bệnh ký sinh trùng : giun đũa, giun phổi, giun thận, giun chì, giun tóc, giun dĩa dầy.	HCM-X21-12
12.	MD Analgin	Analgin	Ông, Lọ, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Hạ sốt, giảm đau, an thần, kháng viêm, chống stress.	HCM-X21-13
13.	MD Analgin-C	Analgin; Vitamin C	Ông, Lọ, Chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Hạ sốt, giảm đau, an thần, kháng viêm, chống stress, tăng sức đề kháng, chống xuất huyết, chảy máu cam.	HCM-X21-14
14.	MD Bromhexine	Bromhexine HCl	Ông, Lọ, Chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Giảm ho, long đờm, chống co thắt phế quản, giảm tiết dịch.	HCM-X21-15
15.	MD DEXA	Dexamethasone	Ông, Lọ, Chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Chống viêm do nhiễm trùng hoặc không nhiễm trùng, chống dị ứng, giảm đau, tăng phân giải glucose chống stress.	HCM-X21-16
16.	MD Atropine	Atropine sulfate	Ông, Lọ, Chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Chống co thắt ruột, khí quản, phế quản, tiêu chảy nặng, giảm đau, giải độc trong các trường hợp ngộ độc Diptere, Pilocarpin.	HCM-X21-17

17.	MD Divermectine	Ivermectin	Óng, Lọ, Chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị các bệnh nội ngoại ký sinh trùng: Cái ghê, chỉ rận, giun đũa, giun phổi, giun thận.	HCM-X21-18
18.	MD Tylosin 100	Tylosine tartrate	Óng, Lọ, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị các bệnh viêm phổi, viêm xoang mũi, CRD, viêm khớp.	HCM-X21-19
19.	MD Genta 100	Gentamycin	Óng, Lọ, Chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị viêm ruột tiêu chảy, E.Coli, phó thương hàn, viêm phổi, Tụ huyết trùng, bệnh đường sinh dục, tiết niệu.	HCM-X21-20
20.	MD Colistin	Colistin sulfate	Óng, Lọ, Chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Điều trị các bệnh viêm ruột tiêu chảy, phù thũng do E.coli, thương hàn.	HCM-X21-21
21.	MD Enro 50	Enrofloxacin	Óng, Lọ, Chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1lit	Điều trị các bệnh nhiễm trùng, thương hàn, tụ huyết trùng, phù thũng, viêm phổi, tiêu chảy, viêm khớp.	HCM-X21-22
22.	MD Nor 100	Norfloxacin	Óng, Lọ, Chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị các bệnh nhiễm trùng, thương hàn, tụ huyết trùng, tiêu chảy, E.coli, viêm phổi, viêm vú, viêm từ cung.	HCM-X21-23
23.	MD DOC SONE	Oxytetracycline, Colistin, Dexamethasone, Magnesium chloride	Chai, Lọ	1,2,5,10; 20; 50; 100ml, 250ml, 500ml, 1lit	Trị các bệnh viêm ruột, tiêu chảy phân trắng, phó thương hàn, viêm phổi, viêm từ cung, viêm vú, tụ huyết trùng, viêm khớp, thối móng, viêm đường tiết niệu	HCM-X21-24
24.	MD Tiacolistin	Tiamulin; Colistin; Bromhexine HCl	Óng, Lọ, Chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị bệnh hồng lỵ ở heo, viêm ruột tiêu chảy, viêm phổi, CRD kết hợp E.coli, viêm khớp.	HCM-X21-26
25.	MD Septryl 240	Trimethoprim; Sulfamethoxi- pyridazine	Óng, Lọ, Chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị các bệnh viêm ruột tiêu chảy, phân trắng, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm vú, viêm từ cung.	HCM-X21-27
26.	MD Tylocosone	Tylosin; Colistin; Dexamethasone	Óng, Lọ, Chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1lit	Điều trị các bệnh viêm ruột tiêu chảy, phân trắng, thương hàn	HCM-X21-28
27.	MD Coli-Spira	Colistin; Spiramycine; Bromhexine	Óng, Lọ, Chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị viêm phổi, tụ huyết trùng, thương hàn, viêm ruột tiêu chảy, viêm khớp, viêm vú, viêm từ cung.	HCM-X21-29
28.	MD Lincospec	Lincomycin; Spectinomycin	Óng, Lọ, Chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1lit	Điều trị tiêu chảy hồng lỵ, viêm ruột tiêu chảy, viêm phổi, viêm khớp.	HCM-X21-31

29.	MD Tylogenta	Tylosin; Gentamycin	Ông, Lọ, Chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Trị viêm phổi, CRD, tụ huyết trùng, viêm ruột tiêu chảy, tiêu chảy phân trắng, phó thương hàn, viêm vú, viêm tử cung.	HCM-X21-32
30.	MD K.N.CD	Kanamycine; Neomycine	Ông, Lọ, Chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Điều trị viêm ruột tiêu chảy, tiêu chảy phân trắng, THT, phó thương hàn.	HCM-X21-33
31.	MD Peni 1T	Peniciline G procaine; Peniciline G sodium	Lọ, Chai	10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị nhiễm trùng do vi khuẩn Gram + , viêm nhiễm trùng da, bệnh đóng dấu.	HCM-X21-34
32.	MD Peni 4T	Peniciline G procaine; Peniciline G sodium	Lọ, Chai	10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị nhiễm trùng do vi khuẩn Gram +, viêm nhiễm trùng da, đóng dấu son.	HCM-X21-35
33.	MD Streptomycine	Streptomycin sulfate	Lọ, Chai	10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị bệnh tụ huyết trùng, viêm phổi, bệnh Lepto, viêm vú, viêm thận.	HCM-X21-36
34.	MD Amoxiciline	Amoxicilin trihydrate	Lọ, Chai	10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị các bệnh do vi khuẩn Gr (-) và Gr (+), viêm vú, viêm phổi, viêm khớp.	HCM-X21-37
35.	MD Ampì	Ampiciline sodium	Lọ, Chai	10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị các bệnh do vi khuẩn Gr (-) và Gr (+), viêm vú, viêm phổi, viêm khớp.	HCM-X21-38
36.	MD Amkana	Ampicillin; Kanamysin	Lọ, Chai	10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị viêm phổi, THT, viêm ruột tiêu chảy ra máu, viêm vú, viêm tử cung.	HCM-X21-39
37.	MD Peni-Strep	Peniciline G sodium; Kanamycin sulfate	Lọ, Chai	10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Trị THT, bệnh dấu son, viêm phổi, viêm tử cung, bệnh Lepto, viêm khớp.	HCM-X21-40
38.	MD ANALGIN C	Analgin, Kali clorid, Vitamin C, Natri clorid	Gói, Bao	5g, 10g, 20g, 30g, 50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 10kg	Hạ sốt, chống mất nước, mất chất điện giải.	HCM-X21-42
39.	MD LEVASOL	Levamisol	Gói, Bao	5, 10, 20, 30gr, 50; 100gr, 200gr, 500gr, 1kg, 10kg.	Chuyên số các loại giun cho heo con, trâu, bò, dê, cừu: giun đũa, giun kết hạt, giun phổi, giun thận, giun chỉ...	HCM-X21-44
40.	MD E.COLI	Spiramycin, Sulfadiazine, Bromhexine, Vit C	Bao, gói	5, 10, 50, 100g, 250g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg.	Sung phù đầu, tiêu chảy phân trắng, phân vàng, phó thương hàn, viêm phổi.	HCM-X21-46
41.	MD SEPTRYL 48%	Trimethoprine, S. methoxyxypyridazine	Lọ, Chai.	10, 20, 30, 50, 60cc, 100, 250, 500cc, 1l, 2l, 4l, 5l.	Trị tiêu chảy phân trắng ở gà vịt, heo con, tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm khớp, viêm vú.	HCM-X21-47

42.	MD SPIRAMYCIN 1000	Spiramycin, Bromhexine	Chai, Lọ	1,2,5,10; 20; 50; 100ml, 250ml,500ml, 1lít	Chuyên Trị viêm phổi, viêm khớp,viêm vú, viêm tử cung, tụ huyết trùng, đau móng, thối móng.	HCM-X21-50
43.	MD ENRO 10%	Enrofloxacin	Lọ,Chai.	10,20,30, 50, 60cc, 100cc, 250cc, 500cc, 1l, 2l, 4l, 5l.	CRD, thương hàn, THT, tiêu chảy do E.coli, viêm xoang mũi, tiêu chảy do E.coli, samonella, viêm phổi, tụ huyết trùng.	HCM-X21-52
44.	MD NORFLOX 200	Norfloxacin	Lọ, Chai.	10, 20, 30, 50, 60cc, 100cc, 250cc, 500cc, 1l, 2l, 4l, 5l.	Phòng trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hoá, CRD, tụ huyết trùng, viêm ruột...	HCM-X21-53
45.	MD FLUM 20%	Flumequine; Vit A, C, B ₁ , B ₆	Lọ, Chai.	10, 20, 30, 50, 60cc, 100cc, 250cc, 500cc, 1l, 2l, 4l, 5l.	Trị viêm ruột, tiêu chảy, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm rốn trên gia súc, gia cầm	HCM-X21-55
46.	MD ENRO ORAL	Enrofloxacin	Lọ, Chai.	10, 20, 30, 50, 60cc, 100cc, 250cc, 500cc, 1l, 2l, 4l, 5l.	Trị CRD, thương hàn, tụ huyết trùng, tiêu chảy do E.coli, viêm xoang mũi, tiêu chảy do E.coli, samonella, viêm phổi .	HCM-X21-56
47.	MD DEXA 100	Dexamethasone	Chai, Lọ	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml, 1lít	Chống dị ứng, chống viêm trong các trường hợp nhiễm trùng hoặc viêm không do nhiễm trùng	HCM-X21-58
48.	MD LEVA 75	Levamisole	Chai, Lọ	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml, 1lít	Điều trị giun đũa, giun đường ruột, giun tóc, giun kết hạt, giun dạ dày, giun phổi, giun thân	HCM-X21-60
49.	MD SPIRACOLI	Spiramycin, Colistin Bromhexine, Vitamin C, E	Bao, gói	5,10,50,100g, 250g,5005, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg	Trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp cho gia cầm, CRD, E.coli, viêm xoang mũi, viêm phổi, sưng phù đầu.	HCM-X21-62
50.	MD VITAMIN K	Menadione sodium, Bisulphite	Bao, gói	5,10,50,100g, 250g,5005, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg	Tăng hoạt tính của Prothrombin làm mau đông máu, chống xuất huyết, cầm máu nhẹ, sử dụng trước khi phẫu thuật.	HCM-X21-63
51.	MD GLUCOZA 5%	Dextrose	Chai, Lọ,cạn	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100;250; 500ml, 1lít	Giúp bù lại nước và cung cấp thêm năng lượng, giúp giải độc cơ thể.	HCM-X21-65
52.	MD B1+B2+B6	Vitamin B1,B2,B6, Niacinamide	Chai, lọ	10,20,50,100, 250,500ml,1lít	Bổ sung Vit nhóm B, tăng sức đề kháng, ngăn ngừa stress, chống nhiễm trùng.	HCM-X21-71

53.	MD ENDOCOLI 120	Vitamin B ₁ , B ₂ , B ₆ , Niacinamide, Bromhexine	Chai, Lọ	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml, 1lit	Dùng pha thuốc bột MD ENDOCOLI 120	HCM-X21-72
54.	MD Ampicoli plus	Ampicilin; Colistin; VitA, C, B ₁ , B ₆	Gói, Bao	5;10;30;50;100;200;250;390g;1;10kg	Phòng và trị bệnh tiêu chảy, phù thũng do E. coli, phổ thương hàn, viêm phổi, viêm xoang, viêm khớp, viêm rốn.	HCM-X22-01
55.	MD Anvicoc	Sulfadimidine sodium; Diaveridine; Vit A, K ₃	Gói, Bao	5;10;30;50;100; 200; 250; 500g; 1; 10kg	Phòng và trị hữu hiệu các loại cầu trùng, bảo vệ niêm mạc ruột, chống xuất huyết	HCM-X22-02
56.	MD Cefalexin 10%	Cephalexin; Paracetamol; Bromhexine HCl	Gói, Bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg	Phòng và trị các bệnh đường hô hấp, viêm xoang mũi, CRD, viêm phổi, tụ huyết trùng.	HCM-X22-03
57.	MD Colfalexin	Cephalexin; Colistin Sulfate	Gói, Bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg	Phòng và trị các bệnh nhiễm trùng đường ruột và hô hấp, viêm xoang mũi, sung phù đầu do E.coli.	HCM-X22-07
58.	MD Colineocin	Colistin sulfate; Neomycin sulfate; Vit A, D ₃	Gói, Bao	1; 5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg	Trị các bệnh viêm ruột tiêu chảy, tiêu chảy phân trắng, bệnh bạch lý, viêm rốn, bệnh phù thũng, phổ thương hàn.	HCM-X22-09
59.	MD Colivit	Colistin; Potassium; Sodium chloride; Vit A, B ₁ , B ₆	Gói, Bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Phòng và trị bệnh tiêu chảy, tiêu chảy phân trắng, phù thũng do E. coli.	HCM-X22-10
60.	MD CRD Vit	Oxytetracycline; Spiramycine; Bromhexine; Vit A, C, B ₁ , B ₆	Gói, Bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg	Phòng và trị các bệnh đường hô hấp, CRD, CRD kết hợp E. coli, viêm xoang mũi trên gáy, vệt, củ, giúp phục hồi bệnh nhanh.	HCM-X22-11
61.	MD Flum 100	Flumequine; Vit A, C, B ₁ , B ₆	Gói, Bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Phòng và điều trị các bệnh đường tiêu hoá, hô hấp của gia cầm.	HCM-X22-13
62.	MD Gencotrim	Gentamycin; Trimethoprim; Niacin	Gói, Bao	5; 10; 30; 50; 100; 200;250;500g;1;10kg	Trị viêm xoang mũi, tụ huyết trùng, viêm ruột do E.coli, phổ thương hàn, viêm rốn.	HCM-X22-14
63.	MD Biotin Calcium	Vit A, D ₃ ; Biotin; Calcium Panthothenate; Calcium gluconate;	Gói, Bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Điều trị các trường hợp bại liệt trước và sau khi sinh, còi xương, xốp xương.	HCM-X22-18
64.	MD ADE-C	Vit A, C, D ₃ , E,	Gói, Bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Nâng cao sức đề kháng, kích thích sinh trưởng nhanh, tăng khả năng sinh sản,	HCM-X22-19

65.	MD Vita Electrolytes	Vit A, B ₁ , B ₂ , B ₆ , B ₁₂ , D ₃ , E, K ₃ ; Potassium, Sodium chloride, Folic acid, Biotin, Niacin, Sodium bicarbonate	Gói, Bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Cung cấp Vitamin và chất điện giải, tăng sức kháng bệnh, chống mất nước trong trường hợp tiêu chảy, sốt cao, thời tiết nóng bức, thay đổi chuồng trại.	HCM-X22-20
66.	MD Selen E	Vit E; Sodium Selenite	Gói, Bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Điều trị các bệnh cơ trắng, teo cơ, thoái hoá cơ tim, tăng cường khả năng sinh sản, tăng tỉ lệ thụ thai.	HCM-X22-24
67.	MD Vitamin C 5%	Vitamin C	Gói, Bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Điều trị suy nhược cơ thể, chảy máu cam, hoại huyết, chống stress khi vận chuyển.	HCM-X22-25
68.	MD Vita C Premix	Vitamin C	Gói, Bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Điều trị chứng suy nhược, xuất huyết, hoại huyết, sốt cao, stress, tăng sức đề kháng.	HCM-X22-26
69.	MD Vitacalcium	Vit A, D ₃ , E; Biotin; Photpho; Canxi; Kẽm	Gói, Bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Bổ sung photpho; canxi, phòng nứt móng, rụng lông, da hoá sừng, còi xương, xốp xương, vỏ trứng mỏng, kích thích lột vỏ	HCM-X22-28
70.	MD Super Egg	Vit A, B ₁ , B ₂ , B ₆ , B ₁₂ , D ₃ , E, C, K ₃ ; Lysin; Methionin; Niacin; Oxytetra; Calcium - Pantothenate	Gói, Bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Cung cấp đầy đủ vitamin và các acid amin cho gà, vịt, cút đẻ, giúp tăng tỷ lệ đẻ trứng, ngừa các bệnh đường sinh sản.	HCM-X22-29
71.	MD Amino-C Vit	Vit C; Methionin; Lysin	Gói, Bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Nâng cao sức đề kháng, chống stress . Phục hồi nhanh sau khi bệnh.	HCM-X22-32
72.	MD Vita C Soluble	Vit C	Gói, Bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Trị suy nhược, hoại huyết, sốt cao, tăng sức kháng bệnh, chống stress do vận chuyển, tiêm phòng, thay đổi thời tiết.	HCM-X22-33
73.	MD Vitalyte	Vit A, B ₁ , B ₂ , B ₃ , B ₆ , B ₁₂ , C, D ₃ , E, K ₃ ; Phosphate Chloride; Carbonate	Gói, Bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Trị mất nước do tiêu chảy, sốt cao, thời tiết nóng, nâng cao sức đề kháng, chống stress .	HCM-X22-35
74.	MD Spiratylocol	Vit A, B ₁ , B ₂ , B ₃ , B ₅ , B ₆ , B ₁₂ , D ₃ , E; Niacin; Piramycin; Tylosin	Gói, Bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Phòng ngừa và điều trị các bệnh đường hô hấp, viêm ruột, nhiễm E.coli trên gà, vịt, cút mới nở, giảm tỷ lệ tử vong trong giai đoạn ươm. Nâng cao sức đề kháng.	HCM-X22-36

75.	MD ADEC Complex	Vit A, B ₁ , B ₂ , B ₅ , B ₆ , B ₁₂ , D ₃ , E, Folic acid;	Gói, Bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Cung cấp đầy đủ Vitamin, kích thích tăng trọng nhanh, tăng sức đề kháng.	HCM-X22-37
76.	MD Super Calcivit	Vit A, B ₅ , B ₆ , D ₃ ; Biotin; Kẽm; canxi photphat	Gói, Bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Bổ sung calcium hoà tan ngừa bệnh còi cọc, đau móng, yếu chân, vỏ trứng mỏng, kích thích tăng trưởng nhanh.	HCM-X22-40
77.	MD B.COMPLEX ADEC	Vit A, B ₁ , B ₂ , B ₅ , B ₆ , B ₁₂ , D ₃ , C, E; Folic acid	Gói, Bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Cung cấp đầy đủ Vitamin, kích thích tăng trọng nhanh, tăng sức đề kháng.	HCM-X22-50
78.	MD ANTIGUMBORO	A, D ₃ , E, C, B ₁ , B ₆ , Niacine, K ₃ , Biotine, B ₁₂ , Lysine	Gói, bao	5gr, 10gr, 20gr, 30gr, 50gr, 100gr, 250gr, 400gr, 500gr, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg.	Tăng cường sức đề kháng cho gà, cung cấp vitamin và chất điện giải Axitamin giúp ngăn ngừa và điều trị bệnh Gumboro tốt	HCM-X22-51
79.	MD SOBITOL+ B ₁₂	Sorbitol, Vitamin B ₁₂ , L-Lysin, DL-Methionine	Gói, bao	5gr, 10gr, 20gr, 30gr, 50gr, 100gr, 250gr, 400gr, 500gr, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg.	Giúp tiết mật tốt ở gia súc, gia cầm, kích thích thêm ăn, trị chứng khó tiêu, táo bón phân sống nâng hiệu quả sử dụng thức ăn.	HCM-X22-52
80.	MD DOC SONE MOST	Oxytetracycline, Thiamphenicol Dexamethasone,	Chai, lọ	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml, 1lit	Chuyên trị các bệnh viêm ruột, tiêu chảy phân trắng, phó thương hàn, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, tụ huyết trùng...	HCM-X22-73
81.	MD COLIMYCIN	Colistin	Chai, lọ	10,20,50,100, 250,500ml, 1lit	Trị viêm ruột, viêm dạ dày ruột, phù thũng ở heo con, tiêu chảy, viêm phổi, viêm thận, viêm tử cung, viêm bàng quang, viêm khớp	HCM-X22-79
82.	MD-Sulfacoc 33	Tylosin, Sulfaginoxalin	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 250; 500;1000g;5kg;10kg	Phòng trị các bệnh cầu trùng ở gà, vịt, cút, ngan, thỏ; bệnh đường tiêu hóa	HCM-X22-81
83.	MD TYLO 300+COLISTIN	Tylosin, Colistin	Chai, lọ	10,20,50,100, 250,500ml, 1lit	Trị viêm ruột, tiêu chảy phân trắng, phân vàng, tiêu ra máu, bệnh phù thũng, sưng phù đầu, viêm phổi, viêm đường tiết niệu, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp.	HCM-X22-84
84.	MD AMOX-GENTA	Gentamycin, Amoxicilline	Chai, lọ	10,20,50,100, 250,500ml, 1lit	Trị bệnh viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy, thương hàn, THT, nhiễm trùng vết thương, nhiễm trùng máu, viêm khớp.	HCM-X22-90
85.	MD-Linco 100	Lincomycin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	trị viêm ruột, nhiễm trùng huyết, nhiễm trùng ngoài da, viêm xoang mũi, viêm vú, viêm tử cung, suyễn, sưng phù đầu vảy,	HCM-X22-100

86.	MD-Tylan 100	Tylosin tartrate	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Điều trị bệnh viêm phổi, viêm xoang mũi, CRD, viêm khớp, thối móng, viêm vú, viêm tử cung, viêm đường tiết niệu	HCM-X22-111
87.	MD Analdexa-C	Anagil, Vitamin C, Dexamethasone,	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1lít	Giảm đau, hạ sốt, trị cảm cúm	HCM-X22-113
88.	MD- Calcimost+B12	Calcium, Boric acid, Vitamin B12	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1lít	Phòng, trị bệnh do thiếu Calcium, xuất huyết, co giật, bại liệt	HCM-X22-114
89.	MD Redmin	Vitamin A, D3, E, K3, B2, B6, B12, D.Panthenol	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1lít	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin	HCM-X22-115
90.	MD Polyvitamin	Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, B12, Nicotine amid, D.Panthenol	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 5; 10lít	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin, tăng sức đề kháng	HCM-X22-117
91.	MD Sone	Thiamphenicol, Prednisolone	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml.	Đặc trị viêm ruột, tiêu chảy phân trắng, phó thương hàn, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, thối móng, viêm đường tiết niệu, hội chứng MMA trên chó, mèo,	HCM-X21-01
92.	MD Super feed	Calcium, phosphorous, methionine, CuSO ₄ , FeSO ₄ , Vitamin A, Protein, L-Lysin	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Chống còi cọc, mau lớn, ngăn ngừa các chứng tiêu chảy	HCM-X22-118
93.	MD Spiratico	Spiramycin Adipate, Colistin sulfate	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị sung phù đầu, THT, viêm hô hấp mãn tính, CRD, C- CRD, viêm khớp gây liệt, viêm ruột tiêu chảy, viêm tử cung.	HCM-X22-98
94.	MD Catamin	2- Amino- 4- (methylthio) butyric acid, Vitamin B12.	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Giúp phục hồi nhanh sau bệnh, chống suy nhược, còi cọc, bại liệt, kém ăn, chống thiếu máu, chống rối loạn dinh dưỡng, chống co giật, liệt.	HCM-X22-143
95.	MD B.Complex + C	Vitamin B1, B2, B6, B12, Nicotinamide, Vitamin C	Chai, Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Bổ sung vitamin nhóm B, tăng cường sức đề kháng, chống Stress, chống nhiễm trùng, kích thích tiêu hóa	HCM-X22-144
96.	MD Supermix N°1	Lysin, Methionine, Threonine, Calcium, Phosphorous	Gói, Hộp, Bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g, 1; 5; 10kg	Phòng và trị bệnh do thiếu Calcium, bổ sung đầy đủ các chất dinh dưỡng quan trọng cho heo con sau cai sữa, heo thịt.	HCM-X22-146

97.	MD Sowmilk	Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, B5, Lysin, Tryptophan, Ca ₂ P, Methionine, Threonine,	Gói, Hộp, Bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin, cung cấp các chất dinh dưỡng cần thiết giúp cho heo con hồng hào mau lớn, và tạo sữa cho heo nái.	HCM-X22-147
98.	MD Amcodex	Ampicillin trihydrate, Colistin sulphate	Chai, Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin và Colistin.	HCM-X22-148
99.	MD Oxyetra 200	Oxytetracycline	Chai, Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Đặc trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline gây ra.	HCM-X22-149
100.	MD Ampic gentacol	Ampicillin trihydrate	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng do VK nhạy cảm với Ampicillin trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm.	HCM-X22-150
101.	MD Colamox	Amoxicilline trihydrate, Colistin sulfate	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Điều trị các bệnh nhiễm trùng máu, bệnh đường hô hấp, viêm rốn trên bò, heo, chó, mèo.	HCM-X22-151
102.	MD Tylo DB	Tylosin tartrate, Thiamphenicol, Prednisolone acetate	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Điều trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Thiamphenicol gây ra trên trâu, bò, heo, cừu, dê.	HCM-X22-152
103.	MD Antimulin	Neomycine sulfate, Chlorotetracycline HCL	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Điều trị các bệnh đường tiêu hóa, CRD ghép E.coli, khéc mũi trên gà, vịt.	HCM-X22-153
104.	MD EDT 115	Erythromycin, Doxycycline HCL	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Điều trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa trên gà, vịt, cút, ngan.	HCM-X22-154
105.	MD Kanagencosone	Kanamycine sulfate, Gentamycin sulfate	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường ruột, sinh dục trên gia súc, gia cầm.	HCM-X22-155
106.	MD Marbocine 200	Marbofloxacin	Chai, Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	HCM-X21-25
107.	MD Colistin 200	Colistin sulfate	Gói, Hộp, Bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Điều trị các bệnh đường tiêu hoá trên trâu, bò, heo, cừu, thỏ, gà, vịt.	HCM-X22-06
108.	MD Florfenicol	Florfenicol	Chai, Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra trên trâu, bò.	HCM-X22-104
109.	MD Norfloxacin 200	Norfloxacin	Gói, Hộp, Bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Điều trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục trên trâu, bò, heo, gà, vịt	HCM-X22-05
110.	MD Chlorotetracycline 200	Chlorotetracycline	Gói, Hộp, Bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Điều trị các bệnh đường hô hấp tiêu chảy, viêm ruột, tụ huyết trùng trên heo, gà, vịt.	HCM-X22-04

111.	MD Vitamin K	Vitamin K3	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1l.	Cầm máu trong các trường hợp: Xuất huyết, phẫu thuật, tiêu ra máu trên bò, ngựa, heo, chó, mèo, gà.	HCM-X22-161
112.	MD ADE B. Complex	Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, B12, C, Nicotinamide, D-Nicotinamide, D-Pantothenol.	Chai, Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin trên trâu, bò, lạc đà, cừu, heo, chó, mèo	HCM-X22-162
113.	MD Vita Bovin	Vitamin A, D3, E, K, B2, B5, B12, B6, PP, C, Nicotinamide, Lysin, Methionin, Threonine, Tryptophan, Ca,P	Gói, Hộp, Bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg.	Phòng và trị còi xương, kích thích tăng trưởng, tăng sức đề kháng	HCM-X22-163
114.	MD-CRD Spect	Doxycycline hyclate, Tylosin tartrate	Gói, hộp, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg.	Trị bệnh đường hô hấp, nhiễm trùng dạ dày- ruột trên bò, dê, cừu, heo, gia cầm.	HCM-X22-8
115.	MD Acofin 3315	Amoxycillin, Colistin	Gói, hộp, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg.	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm.	HCM-X22-12
116.	MD Kanacolis	Kanamycine, Colistin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên bò. Nhiễm trùng tiết niệu trên chó, mèo.	HCM-X22-16
117.	MD Tiamulin 100	Tiamulin hydrogen fumarate	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh lý, viêm phổi địa phương, viêm khớp trên heo.	HCM-X22-78
118.	MD Losulfamid 444	Chlortetracyclin, Sulfamethoxypyridazin	Gói, hộp, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg.	Trị nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Chlortetracyclin, S.methoxypyridazin gây ra trên heo, bê, cừu.	HCM-X22-96
119.	MD Cefalexine 150	Cefalexine	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu, sinh dục trên chó, mèo.	HCM-X22-164
120.	MD Divermectin 1%	Ivermectin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nội ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, heo, cừu.	HCM-X22-165
121.	MD Spectinomycine 200	Spectinomycin	Chai, Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo.	HCM-X22-17
122.	MD Tylo 200	Tylosin tartrate	Gói, Hộp, Bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg	Trị nhiễm trùng đường ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin gây ra trên heo.	HCM-X22-77

123.	MD AD3E	Vitamin A, D3, E	Chai, Lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu Vitamin A, D3, E, tăng sức đề kháng.	HCM-X22-167
124.	MD-Tylospect	Tylosin, Spectinomycine	Chai, Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, THT, viêm khớp, móng, viêm tử cung, nhiễm trùng, sưng phù đầu trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo.	HCM-X22-168
125.	MD Bromhexine B	Bromhexine	Gói, bao, hộp	50; 100; 250; 500g, 1; 5; 10kg.	Giảm ho, long đờm, chống co thắt phế quản,	HCM-X22-169
126.	MD Analgin -C V	Analgin, Vitamin C	Tuýp, vi	10 viên/tuýp, 10viên/vi	Giảm đau, hạ sốt, tăng cường sức đề kháng	HCM-X22-170
127.	MD Aspirin V	Aspirin, Chlorpheniramine	Tuýp, vi	10 viên/tuýp, 10viên/vi	Giảm sốt, hạ nhiệt	HCM-X22-171
128.	MD Biolaecym V	Bacillus subtilis	Tuýp, vi	10 viên/tuýp, 10viên/vi	Ngăn ngừa bệnh đường ruột, rối loạn tiêu hóa.	HCM-X22-172
129.	MD Bromhexine V	Bromhexine	Tuýp, vi	10 viên/tuýp, 10viên/vi	Giảm ho, long đờm, chống co thắt phế quản,	HCM-X22-173
130.	MD Electrolyte V	Sodium bicarbonate, sodium chloride, potassium chloride	Tuýp, vi	10 viên/tuýp, 10viên/vi	Ôn định chất điện giải, chống stress	HCM-X22-174
131.	MD Para V	Paracetamol, Vitamin C, Chlorpheniramine	Tuýp, vi	10 viên/tuýp, 10viên/vi	Hạ sốt, giảm đau	HCM-X22-175
132.	MD Vita-C Soluble 105 V	Vitamin C	Tuýp, vi	10 viên/tuýp, 10viên/vi	Tăng cường sức đề kháng, chống stress, chống suy nhược, kích thích tính thèm ăn	HCM-X22-176
133.	VITA MD V	Vitamin A, D3, E, K3, B12, C, Nicotinamide, Thiamine, Biotin, Folic, Pyridoxine, Calcium, Riboflavin	Tuýp, vi	10 viên/tuýp, 10viên/vi	Tăng cường vitamin và calcium, chống stress, tăng sức đề kháng	HCM-X22-177
134.	MD AD3B12	Vitamin A, D3, B12	Chai, Lọ	10; 20; 50; 100ml.	Chống suy nhược, còi cọc, bại liệt, kém ăn, thiếu máu	HCM-X22-178

135.	MD Paramin- C	Paracetamol, Vitamin C	Chai, Lọ	10; 20; 50; 100ml.	Giảm đau, hạ sốt	HCM-X22-179
136.	MD antibiotic TD	Enrofloxacin base	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin trên trâu, bò, lợn, chó	HCM-X22-181
137.	MD-Beta	Oxytetracycline	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên bê, nghé, lợn, gia cầm.	HCM-X22-182
138.	MD-Oxcine 500	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hoá trên bê, nghé, gia cầm.	HCM-X22-183
139.	MD 19	Colistin sulfate	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày-ruột trên bê, cừu, lợn, thỏ, gia cầm.	HCM-X22-184
140.	MD Toltrazil	Toltrazuril	Chai,	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên heo con do nhiễm Isospora suis	HCM-X22-185
141.	MD Midal	Sulphamethoxazol, Trimethoprim	Viên/vi/ hộp	Vi 5 viên	Trị viêm tử cung trên gia súc	HCM-X22-186
142.	MD Myco Stop	Lincomycin	Chai, Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị Mycoplasma, ly, E.Coli, CRD, viêm ruột, viêm phổi, viêm da, viêm khớp, trên heo, chó, mèo, gia cầm.	HCM-X22-187
143.	Amin	Dextrose, Calcium chloride, Potassium chloride, Magnesium sulfate, Sodium acetate, D- Panthenol, Pyridoxin HCL, Thiamin HCL, L- Cystine HCL, L- Threonine, L- Lysin, Tryptophan, DL- Methionin, Riboflavin sodium phosphate, Nicotinamide	Chai	10; 20; 50; 100ml	Điều trị hỗ trợ động vật suy nhược và tiêu chảy trên bò, ngựa, lợn.	HCM-X22-188
144.	MD Antino-Fort	Doxycyclin, Erythromycin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm vú trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm.	HCM-X22-189

145.	MD Amox 150 LA	Amoxicillin trihydrate	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị viêm ruột do E.coli, Salmonella, Clostridium, viêm khớp, viêm màng não, viêm phổi, viêm phế quản và các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn gram (-) gây ra	HCM-X22-190
146.	MD KANA	Kanamycin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu, đường sinh dục, đường tiêu hóa, viêm vú, nhiễm trùng máu, nhiễm trùng da, vết thương trên đầu, bộ, lớn, chó, mèo và gia cầm.	HCM-X22-191
147.	MD Lincospec B	Lincomycin HCL, Spectinomycin HCL	Bao, gói	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên bé, lớn, gia cầm	HCM-X22-192
148.	MD Amox 20%	Amoxycillin trihydrate	Gói, Hộp, Bao	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn da dây-ruột, hô hấp, tiết niệu trên bé, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm.	HCM-X22-193
149.	MD-Doxy 20%	Doxycycline	Gói, Hộp, Bao	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn da dây-ruột, hô hấp trên bé, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm.	HCM-X22-194
150.	MD-Colitrim	Colistin sulfate, Trimethoprim	Gói, Hộp, Bao	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn da dây-ruột, hô hấp trên bé, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm.	HCM-X22-195
151.	MD Toltracox 2.5%	Toltrazuril	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị cầu trùng trên gia cầm.	HCM-X22-196
152.	MD Tiannulin 45%	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, Hộp, Bao	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị viêm phổi, viêm phế quản, viêm phổi phức hợp, lỵ trên lợn.	HCM-X22-197
153.	MD Vitamin C 50%	Vitamin C	Gói, Hộp, Bao	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Nâng cao sức đề kháng trên gia súc, gia cầm.	HCM-X22-198
154.	MD Tylo 20%	Tylosin tartrate	Gói, Hộp, Bao	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày-ruột, hô hấp trên bé, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm.	HCM-X22-199
155.	MD HISRAMIN	Chlorpheniramin	Chai	100; 500ml; 1lit	Thuốc chống dị ứng	HCM-X22-200
156.	MD LIDOCAIN	Lidocain	Chai	100; 500ml; 1lit	Gây tê cục bộ	HCM-X22-201
157.	MD Amitraz 12.5%	Amitraz	Chai	100; 500ml; 1lit	Phòng và trị bệnh ngoại ký sinh trùng trên trâu bò, dê, cừu, heo.	HCM-X22-202

158.	MD Hemomax 150	Vitamin B12, Iron Ammonium Citrate, Riboflavin 5-phosphate sodium, Pyridoxine HCl, Niacinamide, DPanthenol, Cobalt Gluconate, Copper Gluconate, Choline Chloride, Biotin, Inositol, L-Lysine, DL- Methionine, Glycine, Benzyl Alcohol	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng trị bệnh do thiếu sắt, amino acid và vitamin nhóm B	HCM-X22-203
------	----------------	--	------	-------------------	--	-------------

68. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT THUỐC THÚ Y SAPHA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Hemolysa	Vit A, D ₃ , E, Lysin, Methionin, Zn, Cu, Fe, Mn.	Gói, bao	100; 200; 500g; 1; 5; 9; 10; 15kg	Bôi dưỡng cho heo con, heo thịt, heo nái	SAFA-1
2.	Tetrazym	Tetracycline	Gói, bao	5; 100; 200g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg, 15kg	Kháng stress và ngừa bệnh thời tiết dùng cho heo, gà	SAFA-2
3.	Viosol ADE	Vitamin A, D ₃ , E.	Gói, bao	5; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15kg	Thuốc tăng cường Vitamin ADE	SAFA-3
4.	Strepto-Tetrazym	Streptomisine, Tetracycline	Gói, bao, hộp	5; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15kg	Trị toi gà, heo, vịt	SAFA-6
5.	Safenzym	Vit A, D ₃ , E, B1, B2, B6, B12, C, K, ...	Gói, bao, hộp	100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15kg	Phòng ngừa và điều trị Gumboro ở gà, vịt, cút	SAFA-10
6.	Menben	Menbendazol	Gói, bao, hộp	5; 10; 25; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15kg	Tiêu diệt giun sán cho heo, gà, vịt, chó. Trị bướu vịt	SAFA-12
7.	Vita C	Vita C	Gói, hộp, bao	5g, 50g, 100g 500g; 1; 5; 10; 15kg	Ngừa và trị bệnh heo	SAFA-13
8.	Amdo-C	Ampiciline, Docycline	Gói, hộp, bao	5g, 10g, 50g, 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15kg	Trị bệnh hô hấp, tiêu hoá và bệnh thời tiết cho heo, gà, vịt	SAFA-16
9.	Neo-Sulfazym TCH	Neomycine Trimethoprym	Gói, hộp, bao	5; 10; 25; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15kg	Trị tiêu chảy dùng cho heo con	SAFA-17

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
10.	Trị ghê-TG	Penicilline	Lọ, chai	5; 10; 20; 25; 100; 500g; 1kg	Trị ghê, xà mầu, loét da của heo, gà, chó	SAFA-19
11.	Tecôli	Norfloxacine	Gói, hộp, bao	5g, 10g, 50g, 100g, 200g, 500g; 1; 5; 10; 15kg	Trị E.Coli heo, gà	SAFA-22
12.	Viosol ADE-Soda	Vit A, C, D ₃ , E, Sodium carbonat, Acid Citric	Gói, hộp, bao	5g, 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg 5kg	Hoà tan sủi bọt chuyên dùng nuôi gà, vịt, cút	SAFA-24
13.	Neo Sulfazym	Neomycin, Trimethoprim	Gói, hộp	5g, 100g, 500g, 1kg	Trị cầu trùng gà, vịt, cút, heo, Trị Coccidi gà, phân trắng vịt	SAFA-32
14.	Safã-Canxi	Calcium gluconate	Chai	20; 50; 100; 200ml	Trị các bệnh thiếu canxi, bảo vệ mạch máu, làm tăng tốc độ đông máu, chống xuất huyết, phù thũng.	SAFA-36
15.	Safã-AD3E	Vitamin A, D ₃ , E	Chai	20; 50; 100; 200ml	Phòng và trị bệnh thiếu Vit A, D ₃ , E,	SAFA-37
16.	Safã- C 20	Vitamin C	Chai	20; 50; 100; 200ml	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin C, bồi dưỡng thú khi bệnh.	SAFA-38
17.	Sắt- Safã	Iron (Dextrancomplex), Vitamin B12	Chai	20; 50; 100; 200ml	Phòng và trị bệnh thiếu mầu ở heo con, thiếu mầu do nhiễm trùng và ký sinh trùng hoặc do mất mầu nhiều.	SAFA-40
18.	Safã spira- 60MI	Spiramycin	Chai	20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng phổi, đường ruột, viêm vú, viêm tử cung, viêm tĩnh mạch rốn, loét móng, viêm khớp trên trâu, bò, heo.	SAFA-41
19.	Safã EN- 5	Enrofloxacin	Chai	20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên bò, heo; nhiễm trùng tiết niệu trên chó.	SAFA-42
20.	Safã ADE Beco- C	Vitamin A, D ₃ , E, B1, B2, B6, B12, C, B5, PP	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Phòng và trị bệnh thiếu Vitamin trên trâu, bò, ngựa, cừu, heo, chó, mèo.	SAFA-43
21.	Safã- Fenicol 40	Florphenicol	Chai	20; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp, tiêu chảy, viêm da, viêm kết giác mạc mắt trên bò, heo.	SAFA-44
22.	Safã- Coli 40MI	Colistin sulfate	Chai	20; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin trên bê, heo, cừu, gia cầm.	SAFA-45
23.	Safã T- Kisi	Ivermectin	Chai	20; 50; 100ml	Trị nội ngoại KST trên bò, heo, cừu.	SAFA-46

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
24.	Safa DEXA-0,2	Dexametasone	Chai	20; 50; 100ml	Trị thủ bị sốc, dị ứng, viêm, chứng máu thừa Axeton trên bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo.	SAFA-47
25.	Safa Anagin C	Analgín, Vitamin C	Chai	20; 50; 100ml	Trị cảm nắng, sốt cao, giảm đau, chướng bụng, đầy hơi trên trâu, bò, lợn, dê, chó, mèo.	SAFA-48
26.	Safa- Becozym	Vitamin B1, B2, B5, B6, PP	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200ml	Trị chứng thiếu Vitamin B1, rối loạn tăng trưởng, viêm ruột, viêm thần kinh, phòng tai biến da, niêm mạc hay tiêu hoá khi dùng kháng sinh trên trâu, bò, heo.	SAFA-49
27.	Safa-AD3E Fort	Vitamin A, D3, E	Chai	20; 50; 100; 200ml	Phòng và trị bệnh thiếu Vitamin trên bò, ngựa, cừu, heo.	SAFA-50
28.	Safa- Tiamulin	Tiamulin	Chai	20; 50; 100; 200ml	Trị viêm khớp, viêm ruột non trên heo.	SAFA-51
29.	Xiro-C	Vitamin C	Chai	20; 50; 100; 200ml	Tăng cường sức đề kháng trên bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm.	SAFA-52
30.	Safa- Sanla	Nitroxynil	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị sán lá gan, giun tròn, giun móc trên trâu, bò, dê, cừu, chó, gà.	SAFA-53
31.	Xiro-TCH Xanh	Enrofloxacin	Chai	20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hoá, hô hấp, sinh dục trên gà.	SAFA-54
32.	Xiro-TCH Vàng	Colistin sulfate	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị viêm ruột, viêm rốn, nhiễm trùng máu, viêm cục bộ trên bê, heo, cừu, gia cầm, thỏ.	SAFA-55
33.	Xiro- Coc 2	Sulfadiazin, Trimethoprim	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị cầu trùng, THT, TH, viêm dạ dày- ruột, viêm phổi trên bò, heo, cừu, gia cầm, thỏ.	SAFA-56
34.	Safa Beco- Amin	Vitamin B1, B2, B5, PP, B6, B12, H, Choline chloride, Inositol, DL- Methionine, L- Lysine, Glycine	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200ml	Trị bệnh thiếu Vitamin nhóm B và Axit amin trên bò, ngựa, heo, chó, mèo.	SAFA-57

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
35.	Safa Gluco-Lact	Sodium chloride, Sodium lactate, Potassium chloride, Calcium chloride dihydrate, Dextrose	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 500ml	Trợ giúp trong việc trị liệu khi mất nước và rối loạn chất điện giải trên trâu, bò, ngựa, heo.	SAFA-58
36.	Xiro- Specti	Spectinomycin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh hô hấp mãn tính trên gia súc, gia cầm.	SAFA-59
37.	Xiro- Coc-1	Toltrazuril	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị cầu trùng trên heo con.	SAFA-60
38.	Xiro-Milus	Ca, Mg, Na, Fe, Zn, Cu, Mn	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Bổ sung khoáng bị thiếu hụt trên bò, ngựa, dê, cừu, heo, gia cầm, thỏ.	SAFA-61
39.	SAFA-Tylan-20	Tylosin tartrate	Chai	20; 50; 100; 200ml	Trị viêm đường hô hấp, viêm móng, thối móng, viêm khớp trên trâu, bò, heo.	SAFA-63
40.	SAFA EN-10	Enrofloxacin	Chai	20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, heo dạ dày-ruột, nhiễm trùng máu, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, heo, dê, cừu.	SAFA-64
41.	Safa-Amox 15	Amoxicillin trihydrate, Aluminium	Chai	20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, dạ dày-ruột, tiết niệu, da, vết thương trên trâu bò, ngựa, bê, cừu, dê, lợn, chó, mèo.	SAFA-65
42.	Safa-Sep 24	Trimethoprim, Sulfamethoxypyridazine	Chai	20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, cừu, lợn.	SAFA-66
43.	SAFA-Penstrep	Penicillin G Procaine, Dihydrostreptomycin sulphate	Chai	20; 50; 100; 200; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng vết thương, viêm phổi, tụ huyết trùng, đầu son, leptô, viêm tử cung, viêm móng trên gia súc, gia cầm	SAFA-67
44.	SAFA-Amcoli	Ampicilline trihydrate, Colistine sulfate	Chai	20; 50; 100; 200; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, niệu, sinh dục, máu, bệnh thương hàn, viêm teo mũi truyền nhiễm, hội chứng MMA, bệnh viêm vú trên gia súc.	SAFA-68
45.	Safa dosol	Doxycycline HCL	Chai	20; 50; 100; 500ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản-phổi, tụ huyết trùng do vi khuẩn nhạy cảm với doxycycline gây ra trên trâu, bò, lợn.	SAFA-69
46.	Safa-Linco-10	Lincomycine HCL	Chai	20; 50; 100; 200ml	Trị kết lý, viêm khớp trên heo.	SAFA-70
47.	Amox -SP	Amoxicillin Trihydrate	Bao, gói	5; 10; 50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15 kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa trên gia súc, gia cầm.	SAFA-71

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
48.	Tydo-SP	Tylosin tartrate; doxycycline hyclate	Bao, gói	5; 10; 50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15 kg	Trị nhiễm trùng dạ dày-ruột, đường tiêu hóa trên gia súc, gia cầm.	SAFA-72
49.	Doxy-SP	Doxycycline HCL	Bao, gói	5; 10; 50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15 kg	Trị nhiễm trùng dạ dày-ruột, tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	SAFA-73
50.	SAFA-CE5	Ceftiofur HCl	Chai	20, 50, 100, 200, 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tụ huyết trùng, thương hàn, viêm tử cung trên heo, trâu, bò, cừu, chó, mèo	SAFA-75
51.	Amoxcoli - SP	Amoxicillin, Colistin	Bao, gói	5; 10; 100; 200; 500g; 1; 5 kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, viêm cục bộ, nhiễm trùng thứ phát trên trâu bò, cừu, gia cầm	SAFA-74
52.	Safa - diệt muỗi	Permethrin	Chai	20; 50; 100; 200; 500 ml; 1; 2 lít	Phòng và trị ve, bọ chét và xua đuổi muỗi, ruồi.	SAFA-76

TỈNH TÂY NINH

69. CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI A.S.T.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Ery 200	Erythromycine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột, thương hàn, viêm tiết niệu trên trâu, bò, lợn, cừu.	ASTA-1
2.	Spec-lin	Lincomycine HCL, Spectinomycine sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm nhiễm do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycine và Spectinomycine gây ra trên heo, bê, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm.	ASTA-2
3.	Ascor-Dipy	Analgin, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ sốt, phòng chống stress khi thay đổi môi trường trên trâu, bò, heo, gà, vịt.	ASTA-3
4.	Marbo-5	Marbofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, heo.	ASTA-4
5.	ADE Fort	Vitamin A, D3, E	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin A, D3, E trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo.	ASTA-5
6.	Genta-80	Gentamycine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng máu, bệnh đường tiêu hoá, tiết niệu, hô hấp trên trâu, bò.	ASTA-6
7.	Oxytetra 100	Oxytetracyclin HCL	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, viêm khớp, nhiễm trùng đường tiết niệu trên trâu, bò, heo, dê, cừu.	ASTA-7
8.	Tylo-200	Tylosin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, nhiễm trùng đường ruột, viêm tử cung, viêm vú trên trâu, bò, heo, gà.	ASTA-8

9.	Co-spir	Spiramycine, Colistin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, nhiễm trùng máu, tiêu chảy, viêm khớp, viêm vú trên bê, heo con, dê con, cừu con.	ASTA-9
10.	Scol-Kana	Kanamycine sulfate, Colistin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò. Nhiễm trùng tiết niệu, da trên chó, mèo.	ASTA-10
11.	Doxo 100-LA	Doxycycline	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, dê, cừu.	ASTA-11
12.	Sulfa ETS	Sulfadimethoxin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị sốt do vận chuyển, viêm phổi, bạch hầu, viêm móng trên trâu, bò.	ASTA-12
13.	Spira 20	Spiramycine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hoá, viêm khớp, viêm vú trên trâu, bò, lợn, dê, cừu.	ASTA-13
14.	Nor-1500	Norfloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu trên trâu, bò, heo, dê, cừu.	ASTA-14
15.	Butal AD	Butaphosphan, Vitamin B12	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị rối loạn trao đổi chất do thiếu dinh dưỡng, do mắc bệnh trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm.	ASTA-16
16.	Mecin	Ivermectin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, heo.	ASTA-17
17.	B12-ATP	Vitamin B12, sodium selenite, Adenosin triphosphate.	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Chống suy nhược, giúp hồi phục sức khoẻ, stress do vận chuyển trên ngựa, trâu, bò, heo, cừu, chó, mèo, gia cầm.	ASTA-19
18.	Vita complex	Vitamin B1, B2, B6, C, DL-Methionine, Nicotinamide, Caffein	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phục hồi thủ bệnh, mất sức, ngộ độc, biếng ăn. Phòng bệnh về da, rối loạn tăng trưởng.	ASTA-20
19.	PC-Tylo	Thiamphenicol, Tylosin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản, THT, viêm tử cung, đau móng, viêm vú, nhiễm trùng máu, tiêu chảy, viêm ruột trên trâu, bò, heo, dê, cừu.	ASTA-22
20.	Calbiron	Calcium gluconate, Cyanocobalamin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị thiếu can xi, hạ can xi huyết, mềm xương, còi cọc ở thú non. Bảo vệ mạch máu, chống chảy máu, xuất huyết, phù nề trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm.	ASTA-23
21.	Aseryl	Enrofloxacin	Chai	5; 10; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra trên trâu, bò, heo.	ASTA-25
22.	Sep-ro	Sulfamethoxypryridazine, Trimethoprim	Chai	5; 10; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiết niệu, tiêu hoá trên trâu, bò, heo, cừu.	ASTA-26

23.	Thiam.Sone	Thiamphenicol, Oxytetracycline	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị PTH, THT, viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy, viêm khớp, đau móng, viêm đường tiết niệu, từ cung, viêm vú trên trâu, bò, heo, cừu, chó, mèo, gia cầm.	ASTA-27
24.	Doxy-sone	Florfenicol, Doxyeycline	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị thương hàn, viêm phổi, viêm ruột, viêm từ cung, viêm vú, THT, viêm khớp, sưng phù đầu trên trâu, bò, heo, dê, cừu.	ASTA-28
25.	E.Flox 10	Enrofloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100, 200, 250, 500 ml, 1 lít	Trị CRD, nhiễm trùng máu, Tụ huyết trùng, Coryza, bạch lý, thương hàn trên gia cầm.	ASTA-29
26.	CK-Cox	Toltrazuril	Chai	5; 10; 20; 50; 100, 200, 250, 500 ml, 1 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm.	ASTA-30
27.	Pig-Cox	Toltrazuril	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250ml	Phòng và trị cầu trùng gây tiêu chảy trên heo con, bê, nghé.	ASTA-31
28.	Coli-EF	Colistin sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100, 200, 250, 500 ml, 1 lít	Trị bệnh đường tiêu hoá trên bê, heo, cừu, gia cầm.	ASTA-32
29.	Norflo-H	Norfloxacine	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hoá trên gia cầm.	ASTA-38
30.	Marbo-10	Marbofloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, phế quản, viêm từ cung, viêm vú, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, heo.	ASTA-39
31.	Calci-B6	Calcium, Boric acid, Magnesium hydrophosphate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị bệnh do thiếu canxi, magie trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, chó, mèo.	ASTA-40
32.	Florcol-LA	Florfenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bò, heo.	ASTA-41
33.	Linco Best	Lincomycin HCl	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin gây ra trên bê, nghé, heo, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm.	ASTA-42
34.	Sulfo-T	Sulfadimidin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng tiêu hoá, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, ngựa, heo, cừu, thỏ, gia cầm.	ASTA-43
35.	Trime-sul	Sulfamethazin, Trimethoprim	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, viêm phổi trên bò, ngựa, heo, dê, cừu	ASTA-44
36.	Enro-Fast	Enrofloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng tiêu hoá, hô hấp trên trâu, bò, heo, chó, mèo.	ASTA-45
37.	Nor 100	Norfloxacine	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, dạ dày-ruột, thương hàn, E.coli trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm.	ASTA-52
38.	Norflo-H 5	Norfloxacine	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, dạ dày-ruột, thương hàn, E.coli trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm.	ASTA-53

39.	C-Glumin	Vitamin C	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị bệnh do thiếu Vitamin C, tăng cường đề kháng trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo.	ASTA-54
40.	Dipyzin	Dipyron	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo.	ASTA-55
41.	Versol	Levamisole	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị giun tròn trên trâu, bò, heo, dê, cừu.	ASTA-57
42.	E.flox 2.5	Enrofloxacin	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200, 250, 500 ml, 1 lít	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu chảy trên gia cầm.	ASTA-59
43.	Tylan-100	Tylosin	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, tiêu chảy, nhiễm trùng vết thương trên bò, heo, gia cầm	ASTA-64
44.	Spec 50	Spectinomycin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250ml	Trị tiêu chảy trên heo con	ASTA-66
45.	Tylo-TMP	Tylosin, Trimethoprim	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm ruột, viêm dạ dày-ruột, nhiễm trùng vết thương, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, heo.	ASTA-67
46.	Dox-Tylo	Tylosin, Doxycycline	Túi, Lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hoá, hô hấp trên bê, nghé, heo, gia cầm	ASTA-21
47.	Coli-Prim	Colistine sulfate, Trimethoprim	Túi, Lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị viêm nhiễm do vi khuẩn nhạy cảm với Colistine và Trimethoprim gây ra trên bê, dê non, cừu non, heo, thỏ, gia cầm.	ASTA-24
48.	Sulfa plus	Sulfachloropyridazin, Trimethoprim	Túi, Lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị tiêu chảy, nhiễm trùng đường ruột, viêm phổi trên heo, gia cầm.	ASTA-33
49.	Cocci-92	Sulfachlozine sodium	Túi, Lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Phòng và trị cầu trùng, tụ huyết trùng, thương hàn trên gà.	ASTA-34
50.	HTC-791	Lincomycin HCl Spectinomycin HCL	Túi, Lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị lỵ, bệnh đường ruột, viêm phổi trên heo.	ASTA-35
51.	Specin-1000	Lincomycin HCl Spectinomycin sulfate	Túi, Lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị viêm ruột trên heo; CRD trên gà.	ASTA-37
52.	CRD-2009	Spiramycin, Trimethoprim	Túi, Lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng hô hấp trên gà.	ASTA-46

53. Oligo Layer	Oxytetracycline, Vitamin D, D3, E, K3, B2, B12, PP, Pantothenate calci, DL- Methionin, Lysine	Túi, Lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị bệnh đường tiêu hoá, hô hấp trên gia cầm.	ASTA-47
54. TrimeCin	Josamycin, Trimethoprim	Túi, Lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị bệnh hô hấp, viêm khớp trên gia cầm.	ASTA-50
55. Ri-AS	Nystatin	Túi, Lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Phòng và trị bệnh do nấm trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm.	ASTA-58
56. T- Worm	Levamisole	Túi, Lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị giun trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm.	ASTA-60
57. Spira-C	Spiramycin, Colistin	Túi, Lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị viêm ruột, viêm dạ dày ruột, tiêu chảy trên gia súc, gia cầm.	ASTA-61
58. Septryl	Sulfadimethoxin, Trimethoprim	Túi, Lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị viêm phế quản, viêm ruột, tiêu chảy trên gia cầm, heo.	ASTA-62
59. Tyl-Sul	Tylosin, Sulfametazine	Túi, Lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị viêm ruột, tiêu chảy trên gia cầm, heo.	ASTA-63
60. FCT	Florfenicol	Túi, Lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị hô hấp, tiêu hóa trên gia súc, gia cầm.	ASTA-65
61. Amox-col	Amoxicilline, Colistin	Túi, Lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị viêm phổi, thương hàn, E.coli, tụ huyết trùng trên bê, ngựa non, dê, cừu, heo, gia cầm.	ASTA-68
62. Rimaco FA	Rifamycin, Colistin sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm vú, nhiễm khuẩn đường ruột	ASTA-69
63. Cefitfur	Ceftiofur	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo.	ASTA-70
64. Cefli-DC	Ceftiofur	Chai	0,5; 1; 2; 4g	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm.	ASTA-71

65.	Co-Amox	Amoxycillin trihydrate Colistin sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, dạ dày ruột, niệu-sinh dục, nhiễm trùng kể phát bệnh do virus trên trâu, bò, heo.	ASTA-72
66.	Co-Ampi	Ampicillin, Colistin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị THT, viêm teo mũi truyền nhiễm, tiêu chảy, thương hàn, viêm vú, viêm tử cung, mất sữa(MMA).	ASTA-73
67.	Glucan Gum	Vitamin B1, B2, B6, K, C, PP, Paracetamol, Methionine, Lysine, Potassium citrate, Sodium citrate, Phenyl butazole sodium	Túi, Lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Hạ nhiệt, giảm tiêu chảy, bổ sung vitamin cho gia cầm.	ASTA-75
68.	Cefquino	Cefquinome	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, viêm khớp, viêm da trên trâu, bò, heo.	ASTA-76
69.	Sray-FD	Oxytetracyclin HCL	Chai, Bình	5; 10; 20; 50; 100; 150; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng ngoài da	ASTA-77
70.	Cef Rx	Ceftiofur	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên heo.	ASTA-78
71.	Tyngenson	Tylosin tartrate, Gentamycin sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, viêm vú, viêm móng, đóng dầu, viêm tử cung, viêm khớp, hồng lỵ, thương hàn, nhiễm trùng máu, viêm xoang, nhiễm khuẩn niệu, da, dạ dày-ruột trên trâu, bò, heo, dê, cừu.	ASTA-79
72.	Diclo dol	Paracetamol, Diclofenac sodium	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị đau, viêm cấp tính: Đau cơ, đau hậu phẫu, chấn thương.	ASTA-80
73.	Chlor-Ery	Erythromycin, Chlortetracycline	Túi, Lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị viêm phổi, nhiễm trùng đường tiêu hóa trên heo, gia cầm.	ASTA-81
74.	Dexmin	Prednisolone, Chlorpheniramin maleat	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị dị ứng, chống viêm, phù	ASTA-82
75.	Dung môi tiên	1,2 Dihydroxypropane, Phenylcarbinol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1l	Dung pha thuốc tiêm	ASTA-83
76.	Clamoxcin	Amoxycillin trihydrate, Acid clavulanic	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, mô mềm, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, heo, chó, mèo.	ASTA-84

77.	Bcom ADE	Vitamin A, D3, E, B1, B6, PP, B5, Choline chloride, Lysine, Glycine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị rối loạn tăng trưởng, sử dụng trong các trường hợp giảm ăn, ít ăn, giai đoạn phục hồi, tăng trưởng kém, năng suất sản kém.	ASTA-85
78.	Fosfocin	Fosfomycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản phổi, viêm vú, nhiễm khuẩn đường sinh dục, viêm rốn và viêm khớp do vi khuẩn trên trâu, bò, gia cầm.	ASTA-86
79.	Fluroquin	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, sinh dục và tiết niệu, nhiễm trùng da, mô mềm, nhiễm trùng tai, xương, nhiễm trùng đường ruột trên trâu, bò, heo, chó, mèo, cừu, gia cầm.	ASTA-87
80.	Doxyhex	Doxycyclin, Acid Acetylsalicylic, Bromhexin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1l	Trị Colibacillosis, CRD trên lợn, gia cầm.	ASTA-88
81.	Norsul	Norfloxacin	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị Mycoplasma, E.coli, Salmonella, Pasteurella trên gia cầm. Trị lý, viêm teo mũi, viêm phổi địa phương và viêm não do Streptococcus trên lợn.	ASTA-89
82.	Beta-Ro 20	Enrofloxacin	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng dạ dày-ruột, hô hấp và tiết niệu trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm.	ASTA-90
83.	Multi ADB	Vitamin A, D3, E, C, K3, B1, B2, B6, B12, Calcium pantothenate, Niacinamide, Biotin, Folic acid, Choline chloride, DL-Methionine, L-Lysine	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Hỗ trợ điều trị bệnh nhiễm trùng, giúp khắc phục tình trạng thiếu hụt vitamin và acid amin trên trâu, bò, gia cầm.	ASTA-91
84.	Oxystrepsol	Oxytetracycline HCL, Streptomycin sulphate, Vitamin A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, C, Calcium pantothenate, Nicotinamide, Inositol	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng dạ dày-ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm.	ASTA-92

85. Electrolyt	Potassium chloride, Sodium sulphate Sodium chloride, Magnesium sulphate, Copper sulphate, Zinc sulphate, Iron sulphate, Manganese sulphate, Citric acid	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Dùng trong trường hợp mất nước và điện giải do stress, nhiệt độ cao, nhiễm trùng và dinh dưỡng gây ra trên bê nghé, cừu non, heo con, gia cầm	ASTA-93
86. Doxygen	Doxycycline hyclate, Gentamycin sulphate	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng da dày-ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm.	ASTA-94
87. Fosfotyl	Fosfomycin, Tylosin tartrate	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị E.coli, thương hàn, viêm xoang mũi truyền nhiễm, tụ huyết trùng trên gia cầm	ASTA-95
88. Tilimicotyl	Tilimicosin phosphate	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp trên heo, gà.	ASTA-96
89. Strepto-Tetra	Oxytetracycline HCL, Streptomycin sulphate	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị viêm ruột, viêm xoang, tụ huyết trùng, CRD trên gia cầm. Trị viêm ruột, tiêu chảy, thương hàn, viêm phổi, viêm phế quản trên heo.	ASTA-97
90. Analgin C	Analgin, Vitamin C, Potassium chloride, Sodium chloride	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Hạ sốt, giảm đau, chống mất nước, mất điện giải trên gia súc, gia cầm.	ASTA-98
91. Quinocox	Diaveridine Hydrochloride, Sulphoquinoxaline	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị cầu trùng ruột non và manh tràng, bệnh tụ huyết trùng, thương hàn trên gia cầm.	ASTA-99
92. Dimicox	Sulfadimidine sodium Diaveridine Hydrochloride	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị cầu trùng manh tràng và cầu trùng ruột non trên gia cầm.	ASTA-100
93. Aspidol	Acetyl Salicylic acid, Paracetamol, Ascorbic acid, Potassium chloride, Sodium chloride	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Chống stress do thời tiết, tiêm phòng, chuyển chuồng..., chống mất nước, mất chất điện giải, sốt cao trên gia súc, gia cầm.	ASTA-101

94.	Bromhexin	Bromhexine HCL	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Giảm ho, long đờm, chống co thắt phế quản trong các bệnh viêm phế quản, viêm thanh phế quản truyền nhiễm, viêm phổi, suyễn, CRD trên gia súc, gia cầm.	ASTA-102
95.	Apravit	Apramycin sulphate	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị viêm ruột, thương hàn trên bê, ngựa, heo. Trị nhiễm trùng huyết do Escherichia coli trên gà con.	ASTA-103
96.	Devopen	Streptomycin sulfate Penicillin G Kali	Chai	100; 500ml	Trị tụ huyết trùng, lỵ, viêm ruột, tiêu chảy, thương hàn, phó thương hàn, nhiệt thân, đóng đầu, viêm phế quản-phổi, viêm vú, viêm tử cung, vết thương, vết thương có mủ trên trâu, bò, dê, cừu, ngựa, heo, gia cầm.	ASTA-104
97.	Devopen-P	Dihydrostreptomycin sulfate, Penicillin G procaine	Chai	100; 500ml	Trị nhiễm trùng đường sinh dục, viêm phổi, tụ huyết trùng, nhiệt thân, đóng đầu, viêm khớp, viêm ruột, tiêu chảy, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm.	ASTA-105

70. CÔNG TY TNHH SX-TM M.E.B.I.P.H.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	GENTAMOX 15% LA	Amoxycillin trihydrate, Gentamycin sulphate	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi, sung phù đầu, viêm ruột tiêu chảy, tụ huyết trùng, viêm khớp, đau móng, viêm vú, viêm tử cung.	MBP-1
2.	MULTIBIOTIC LA	Ampicillin Trihydrate, Colistine Sulphate	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm vú, viêm tử cung, mất sữa(MMA), tiêu chảy do E.coli trên heo	MBP-2
3.	METRIL MAX LA	Enrofloxacin	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi địa phương, viêm phổi dính sườn, tụ huyết trùng, thương hàn trên heo. Trị CRD, CCRD trên gia cầm.	MBP-3
4.	PENSTREP LA	Penicillin G Procaine, Dihydrostreptomycine Sulphate	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm khớp, đau móng, viêm đường sinh dục do Leptospira, bệnh sảy thai truyền nhiễm. Hội chứng MMA, tụ huyết trùng, đóng đầu son, viêm da, nhiễm trùng vết thương.	MBP-4
5.	OXYTETRA 200 LA	Oxytetracyclin	Chai	20ml, 100ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, bò, dê, cừu, heo.	MBP-5

6.	FLOR 400 LA	Florfenicol	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi-màng phổi, viêm phổi cấp tính, tụ huyết trùng, viêm teo mũi truyền nhiễm, viêm khớp, viêm màng não tủy, viêm thận, viêm tiết niệu, thương hàn, viêm ruột trên trâu, bò, dê, cừu heo, vịt	MBP-6
7.	MEBI – SONE	Flophenicol, Doxycycline HCl	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi, thương hàn, tụ huyết trùng và bệnh kê phát trên trâu, bò, dê, cừu, heo.	MBP-7
8.	TYLOCAN 20% INJ	Tylosine (tartrate)	Chai	20ml, 100ml	Trị CRD, CCRD, viêm xoang mũi, tiêu chảy, thương hàn, tụ huyết trùng trên gia cầm.	MBP-8
9.	LINSPEC INJ	Lincomycine, Spectinomycine	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi-màng phổi, thương hàn, tiêu chảy trên gia súc.	MBP-9
10.	MEBI-SPIRA D.C	Spiramycine, Colistine sulphate	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi, viêm ruột, tiêu chảy trên trâu, heo con	MBP-10
11.	MEBI-SULTRIM INJ	Trimethoprim, Sulphamethoxazole	Chai	20ml, 100ml	Trị tiêu chảy, thương hàn, tụ huyết trùng, nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo.	MBP-11
12.	D – MAX 25 INJ	Danofloxacin	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi, viêm phổi-màng phổi trên trâu, bò, heo.	MBP-12
13.	MEBI – GENTATYLO INJ	Tylosin tartrate, Gentamycine sulphate	Chai	20ml, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm, chó, mèo.	MBP-13
14.	KETOFEN 10% INJ	Ketoprofen	Chai	20ml, 100ml	Chống viêm, giảm đau, hạ sốt.	MBP-14
15.	MEBI – ADE INJ	Vitamin A, D, E	Chai	20ml, 100ml	Dùng để phòng và trị thiếu vitamin A, D, E.	MBP-15
16.	FENAC INJ	Diclofenac sodium	Chai	20ml, 100ml	Hạ sốt, giảm đau.	MBP-16
17.	PARA C 15% INJ	Paracetamol, Vitamin C	Chai	20ml, 100ml	Hạ sốt, giảm đau.	MBP-17
18.	DEXA – BP INJ	Dexamethasone	Chai	20ml, 100ml	Kháng viêm, kết hợp với kháng sinh trong điều trị các bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, tiết niệu, chống dị ứng.	MBP-18
19.	METOSAL 10% INJ	1-(n-Butylamino)-1 Methylethyl Phosphorous acid, Vitamin B12	Chai	20ml, 100ml	Kích thích biến dưỡng. Phục hồi các rối loạn sinh sản. Chống stress, ổn định thần kinh	MBP-19
20.	MEBI-GLUCAN INJ	Buta-phosphan, Vitamin B12	Chai	20ml, 100ml	Kích thích miễn dịch. Tăng biến dưỡng, sức đề kháng, chống stress.	MBP-20

21.	MEBI-NUCLEOTIDE INJ	Buta-phosphan, Vitamin B12	Chai	20ml, 100ml	Kích thích biến dưỡng, điều chỉnh rối loạn trao đổi, chống stress	MBP-21
22.	TĂNG LỰC NUMBER 1 INJ	Buta-phosphan, Vitamin B12	Chai	20ml, 100ml	Kích thích biến dưỡng, Phục hồi các rối loạn sinh sản, chống stress trên heo, gia cầm.	MBP-22
23.	ADE BC INJ	Vitamin A, D3, E, C, K3, B1, B6, Nicotinamide	Chai	20ml, 100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin A, D, E, C, nhóm B.	MBP-23
24.	ATP-CALCIUM INJ	Calcium Gluconate, Calcium Glucoheptonate	Chai	20ml, 100ml	Phòng và trị các bệnh thiếu calci trên trâu, bò, heo, dê, cừu	MBP-24
25.	MEBI-DEXTRAN 200 INJ	Iron Dextran, Vitamin B12	Chai	20ml, 100ml	Phòng và điều trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt ở heo con.	MBP-25
26.	MEBI-FLUM ORAL	Flumequine	Chai, Can	50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Trị tiêu chảy do vi khuẩn E.coli, Clostridium.	MBP-26
27.	MEBI – COX 5%	Toltrazuril	Chai, Can	50ml, 100ml, 200ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Phòng trị bệnh cầu trùng gây tiêu chảy trên heo con theo mẹ, bê, nghé.	MBP-27
28.	MEBI-ENROFLOX 10%	Enrofloxacin	Chai, Can	50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Phòng trị bệnh CRD, sưng phù đầu (do Coryza), thương hàn, tụ huyết trùng, tiêu chảy do E.coli, viêm xoang mũi, bệnh ghép giữa CRD và E.coli.	MBP-28
29.	MEBI-FLUMEQUINE 20%	Flumequine	Chai, Can	50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Trị tiêu chảy, thương hàn, viêm khớp, CRD, CCRD trên gia cầm.	MBP-29
30.	MEBI-FLOR 20	Flophenicol	Chai, Can	50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Trị CCRD, tụ huyết trùng, sổ mũi truyền nhiễm, tiêu chảy, viêm ruột.	MBP-30
31.	MEBI – COX 2.5%	Toltrazuril	Chai, Can	50ml, 100ml, 200ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Phòng và trị cầu trùng trên gia cầm, heo, bê, nghé, thỏ.	MBP-31
32.	METOSAL ORAL	Butaphosphan, Vitamin B12	Chai, Can	50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Kích thích biến dưỡng, điều chỉnh rối loạn trao đổi chất, mau hồi phục sau mắc bệnh, chống stress trên gia cầm.	MBP-32
33.	MEBI-OXOMIX 20%	Oxolinic acid	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị tiêu chảy, thương hàn, nhiễm trùng huyết, viêm khớp, CRD, CCRD trên gia cầm.	MBP-33

34.	MEBI – AMPICOLI	Ampicillin trihydrate, Colistin	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị viêm ruột tiêu chảy, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm rốn, nhiễm trùng máu trên gia súc, gia cầm.	MBP-34
35.	MEBI – CALCIPHOS	Phospho (P2O5), Calcium phosphate monobasic, Magnesium phosphate monobasic, Sodium phosphate monobasic, Mangense phosphate monobasic, Zinc phosphate monobasic, Cupric phosphate monobasic, Cobalt phosphate monobasic.	Chai, Can	50ml, 100ml, 200ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Cung cấp ca. P và các nguyên tố vi .	MBP-35
36.	JOSA GROW PIGS	Josamycine	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg.	Trị viêm phổi trên heo.	MBP-36
37.	TRI – ALPHA	Josamycin, Trimethoprine	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị CRD, CCRD, viêm khớp trên gia cầm.	MBP-37
38.	TYLOSULFA – DC	Tylosine Tartrate, Sulfadimidine, Vitamin C	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg.	Trị viêm phổi, viêm khớp, tụ huyết trùng, viêm ruột, tiêu chảy, viêm khớp, tụ huyết trùng, viêm ruột, tiêu chảy trên gia súc	MBP-38
39.	FLOPHENICOL	Flophenicol	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg.	Trị bệnh đường hô hấp trên gia súc	MBP-39
40.	MEBI – SPECCLIN	Lincomycine, Specinomycine	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg.	Trị bệnh đường hô hấp trên gia súc, gia cầm.	MBP-40
41.	DOXY COLI	Doxycillin, Colistin	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên gia súc, gia cầm.	MBP-41
42.	MEBI – AMOXITIN AC	Amoxillin trihydrate, Colistin	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị tụ huyết trùng, viêm ruột tiêu chảy trên gia súc. Trị CRD, CCRD, viêm khớp, viêm xoang mũi trên gà, vịt, cút.	MBP-42
43.	MEBI-TTICOSIN 20%	Tilmicosin phosphate	Bao, gói, lon	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên gia súc, gia cầm.	MBP-43
44.	TYLO 50% WS	Tylosin tartrate	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg/bao	Trị CRD, CCRD, viêm khớp trên gia cầm.	MBP-44

45.	LINSPEC 100 WS	Lincomycin HCl, Spectinomycin sulphate	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg/bao	Trị CRD, CCRD, viêm khớp trên gia cầm.	MBP-45
46.	AMPICOLI 50% WS	Ampicillin trihydrate, Colistin	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg/bao	Trị CRD, CCRD, viêm ruột, bệnh do E.coli, viêm khớp trên gà, vịt, cút.	MBP-46
47.	TRISULPHA	Trimethoprim, Sulphadimidine	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg/lon	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên heo, gia cầm.	MBP-47
48.	NYSTATIN	Nystatin	Bao, gói	10g, 20g, 25g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị nấm phổi trên gia cầm.	MBP-48
49.	CLAV – MOX LA	Amoxycillin Trihydrate, Acid Clavulanic (Potassium Clavulanate)	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi, sung phù đầu do E.coli, viêm ruột tiêu chảy, tụ huyết trùng, viêm khớp, đau móng, viêm vú, viêm tử cung.	MBP-50
50.	AMOX 15% LA	Amoxycycline	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi, sung phù đầu do E.coli, viêm ruột tiêu chảy, tụ huyết trùng, viêm khớp, đau móng, viêm vú, viêm tử cung.	MBP-51
51.	BROMHEXINE INJ	Bromhexine	Chai	20ml, 100ml	Làm loãng đàm và tan đàm.	MBP-52
52.	ĐẶC TRỊ TIÊU CHẢY INJ	Enrofloxacin	Chai	20ml, 100ml	Trị tiêu chảy do E.Coli, viêm vú, viêm tử cung, mất sữa(MMA) trên heo.	MBP-53
53.	FLORDOX INJ	Florfenicol, Doxycycline	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi, viêm phổi dính sườn, hồng lỵ, viêm ruột tiêu chảy, viêm khớp, viêm da, bệnh sảy thai truyền nhiễm, viêm vú, tụ huyết trùng, sung phù đầu.	MBP-54
54.	TIA – DC INJ	Tiamulin	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi, hồng lỵ, viêm ruột tiêu chảy trên heo	MBP-55
55.	MARBO 20	Marbofloxacin	Chai	20ml, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, heo.	MBP-56
56.	TILMI 200 INJ	Tilmicosine	Chai	20ml, 100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp.	MBP-57
57.	BUTASAL INJ	Butaphosphan, Vitamin B12	Chai	20ml, 100ml	Kích thích biến dưỡng, phục hồi các rối loạn sinh sản, chống stress.	MBP-58
58.	DEXTRAN B12 INJ	Iron Dextran, Vitamin B12	Chai	20ml, 100ml	Phòng và trị các triệu chứng thiếu máu do thiếu chất sắt.	MBP-59
59.	LINSPEC	Lincomycine, Spectinomycine	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên gia súc, gia cầm.	MBP-60
60.	TYLO-DOX WS	Tylosin, Doxycycline	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên heo, gia cầm.	MBP-61

61.	DOXY 20%	Doxycycline	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline trên bê, heo, dê, cừu, gia cầm.	MBP-62
62.	DOXY 30%	Doxycycline	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline trên bê, heo, dê, cừu, gia cầm.	MBP-63
63.	DOXY 50%	Doxycycline	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline trên bê, heo, dê, cừu, gia cầm.	MBP-64
64.	FLUMEQUINE 20	Flumequine	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị tiêu chảy, thương hàn, viêm khớp, CRD, CCRD trên gia cầm.	MBP-65
65.	AMOX AC 50%	Amoxycycline trihydrate	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên gia cầm.	MBP-66
66.	TILMI 25%	Tilmicosin	Chai, Can	50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Trị bệnh đường hô hấp trên gia cầm.	MBP-67
67.	VITRIL 10% WS	Enrofloxacin	Chai, Can	50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Trị bệnh đường hô hấp, bệnh đường ruột trên gia súc, gia cầm.	MBP-68
68.	NORFLOX 10% INJ	Norflaxacin	Chai	20ml, 100ml	Trị tụ huyết trùng, thương hàn, CRD trên gia cầm. Trị viêm phổi, thương hàn, bệnh đường ruột trên trâu, bò, heo.	MBP-69
69.	KANA 10% INJ	Kanamycin sulphate	Chai	20ml, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm, chó, mèo.	MBP-70
70.	GENTA 4% INJ	Gentamycin	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm vú, viêm tử cung, viêm phổi, tiêu chảy, nhiễm trùng huyết.	MBP-71
71.	VITAMIN C 10%	Vitamin C	Chai	20ml, 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin C, tăng cường sức đề kháng	MBP-72
72.	Sinbad SI2	Vitamin B5, B12, Destrose	Ông, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Giúp thú mau hồi phục sau khi mắc bệnh. Trị thiếu máu, thiếu dinh dưỡng, chậm lớn.	MBP-73
73.	Metril oral	Spectinomycin, Colistin	Chai, Can	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10 lít	Trị tiêu chảy, bệnh phù đầu trên heo con.	MBP-74
74.	Immuno ones	Betain, Fructose Oligosaccharide	Chai, Can	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10 lít	Kích hoạt hệ miễn dịch, nâng cao sức đề kháng.	MBP-75
75.	Bromhexine	Bromhexine, Paracetamol	Túi, Bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 25kg	Giảm ho, long đờm. Giảm phế quản, thông khí quản.	MBP-76
76.	Cefti LA	Ceftiofur	Ông, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, heo.	MBP-77

77.	Sone t.o.d	Thiamphenicol, Oxytetracycline	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm phổi, hồng lỵ, viêm ruột tiêu chảy, viêm da, bệnh sảy thai truyền nhiễm, viêm vú, tụ huyết trùng, sung phù đầu trên trâu, bò, heo, dê, cừu.	MBP-78
78.	Tylosin 200	Tylosin	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị Mycoplasma spp, tụ huyết trùng, tiêu chảy, hồng lỵ, đau son trên heo, gia cầm.	MBP-79
79.	Flunixin	Flunixin	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Giảm đau, kháng viêm, hạ sốt	MBP-80
80.	7B víp	Vitamin B1, B2, B3, B4, B5, B6, Vitamin H, Vitamin B12	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Tăng sức đề kháng, giúp thú mau hồi phục sau khi mắc bệnh.	MBP-81
81.	Multi new LA	Amoxycillin, Colistin	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm vú, viêm tử cung, mất sữa, tiêu chảy, thương hàn, tụ huyết trùng trên trâu, bò, heo	MBP-82
82.	Ivermectin	Ivermectin	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Phòng và trị nội ngoại ký sinh trùng.	MBP-83
83.	Spec oral	Spectinomycine, Colistin	Chai, Can	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10 lít	Trị tiêu chảy, bệnh phù đầu trên heo.	MBP-84
84.	Benda safety	Fenbendazol	Túi, Bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 25kg	Phòng và trị các trường hợp nhiễm giun tròn và dẹp ký sinh trong dạ dày, ruột, đường hô hấp, tiết niệu trên heo, gia cầm.	MBP-85
85.	Fenben safety	Fenbendazol	Túi, Bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 25kg	Phòng và trị các trường hợp nhiễm giun tròn và dẹp ký sinh trong dạ dày, ruột, đường hô hấp và tiết niệu của heo và gia cầm	MBP-86
86.	Igy pro one	Betain, Fructose Oligosaccharide	Chai, Can	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10 lít	Kích hoạt hệ miễn dịch, nâng cao sức đề kháng.	MBP-87
87.	Norflox 20	Norfloxacin	Chai, Can	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10 lít	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên bê, dê, gia cầm, cừu, lợn.	MBP-88

TỈNH ĐỒNG NAI

71. CÔNG TY TNHH PROMIVI VIỆT NAM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng / Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Colipur M20	Colistin	Gói, bao	50; 100; 250; 500g; 1kg; 25kg	Điều trị bệnh đường tiêu hóa trên heo	NTW-01
2.	Flumix M50	Flumequin, Paciflor	Gói, bao	50; 100; 250; 500g; 1kg; 25kg	Phòng trị hội chứng MMA	NTW-04

3.	Pacicoli	Colistin, Lincomycin, Paciflor	Gói, bao	100; 250; 500g; 1kg; 25kg	Điều trị tiêu chảy cho heo con	NTW-05
4.	Pacirespi	Lincomycin, Paciflor, Oxytetracycline	Gói, bao	100; 250; 500g; 1kg; 25kg	Điều trị bệnh đường hô hấp trên heo	NTW-06
5.	Spectomix M32	Spectinomycine, Lincomycine	Gói, bao	100; 250g; 1kg; 25kg	Điều trị viêm ruột xuất huyết trên heo	NTW-08
6.	Trisulmix M40	Trimethoprim, Sulfadimidin	Gói, bao	100; 250g; 1kg; 25kg	Điều trị bệnh đường hô hấp trên heo	NTW-09
7.	Pacifenicol	Florfenicol, Paciflor	Gói, bao	100; 250g; 1kg; 25kg	Điều trị các chứng viêm phổi trên heo	NTW-10
8.	Ivomix	Ivermectin	Gói, bao	100; 250g; 25kg	Điều trị nội ngoại ký sinh trùng ở lợn	NTW-11
9.	Pacidoxi	Doxycycline, Paciflor	Gói, bao	50; 100; 250; 500g; 1kg; 25kg	Điều trị các chứng viêm phổi trên heo	NTW-12

72. CÔNG TY TNHH VIRBAC VIỆT NAM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Alplucine Immunity	Josamycin	Gói, hộp, xô	100g; 1kg; 5kg	Phòng trị bệnh do Mycoplasma gây ra và kích thích miễn dịch	LDVV-1
2.	Oxomid 20	Oxolinic Acid	Gói, hộp	100g; 1kg	Phòng và trị các bệnh do E.coli gây ra	LDVV-2
3.	Coli-Terravet	Oxytetracyclin, Colistin, Vitamin A, D3, E, K, B12, PP	Gói	6; 8; 20; 24; 100; 200g; 1kg	Phòng và trị các bệnh do E.coli gây ra, tiêu chảy, hô hấp mãn tính.	LDVV-3
4.	Tri-Alplucine	Josamycin, Trimethoprim	Gói, hộp, xô, bao, thùng	50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Phòng và trị các bệnh hô hấp mãn tính, kích thích miễn dịch	LDVV-4
5.	Tri-Alplucine sp. Chicks	Josamycin, Trimethoprim	Gói	20g	Phòng và trị các bệnh hô hấp mãn tính, kích thích miễn dịch	LDVV-5
6.	Vitamin	Vitamin A, D3, E, C, K, B1, B6, B12, Acid amin, khoáng	Gói, hộp, xô	100g; 150g; 1kg; 5kg; 25kg	Phòng và trị các bệnh suy dinh dưỡng, thiếu vitamin, chất khoáng và acid amin	LDVV-6
7.	Vitamin Electrolytes	Vitamin A, D3, E, C, K, B1, B6, B12, acid amin, khoáng	Gói	20g	Phòng và trị các bệnh suy dinh dưỡng, thiếu vitamin, chất khoáng và acid amin	LDVV-7
8.	Oxomid sp.	Oxolinic Acid	Gói	20g	Phòng và trị các bệnh do E.coli gây ra	LDVV-8
9.	Fencare safety	Fenbendazole	Gói, hộp, xô, bao	25; 100; 200g; 1; 5; 10; 25kg	Phòng và trị bệnh giun sán	LDVV-9
10.	Diet-scour	Ampicillin, Colistin, Vitamin	Gói	100g	Phòng và trị các bệnh tiêu chảy trên heo con và bê.	LDVV-10
11.	Avicoc	Sulfadimethazine, Diaveridin	Gói, hộp	100; 200g; 1kg	Phòng và trị cầu trùng	LDVV-11

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
12.	Respicalm	Spiramycin, Oxytetracyclin	Gói, hộp, xô, bao	100g; 1;5kg; 25kg	Phòng và trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp	LDVV-12
13.	Hostop	Sulphadimidine, Trimethoprim	Gói, hộp, xô, bao	100g; 1;5kg; 25kg	Phòng và trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp	LDVV-14
14.	Terraplucine	Josamycin, Oxytetracycline	Gói, hộp, xô, bao	100g; 1;5kg; 25kg	Phòng, trị nhiễm trùng đường hô hấp.	LDVV-15
15.	Alplucine Pig Premix	Josamycin	Gói, hộp, xô, bao, thùng	100g; 1; 5; 10; 25kg	Phòng và trị bệnh viêm nhiễm đường hô hấp	LDVV-16
16.	Fencare 4%	Fenbendazole	Gói, hộp, xô, bao, thùng	100g; 1; 5kg; 25kg	Phòng và trị các trường hợp nhiễm giun tròn và sán ở gia súc, gia cầm.	LDVV-17
17.	Nephryl	Methenamin, Vitamin B1,B2,K3	Gói, hộp, xô, bao, thùng	100g; 1;5kg; 25kg	Sát trùng đường niệu, lợi tiểu, giải độc	LDVV-18
18.	Vitamin Solution	Vitamin A, D3, E, C, B1, B6, K, acid amin và khoáng chất	Chai	250; 500ml; 1; 5;10;20;100;200; 1000lít	Phòng và trị bệnh do thiếu dinh dưỡng, vitamin, khoáng và acid amin	LDVV-19
19.	Calgophos	Calci, Phospho, Mangan, Sắt, Kẽm, Đồng	Chai	500;250 ml; 1; 5;10;20; 100; 200; 1000lít	Phòng và trị bệnh do thiếu Calci, Phospho	LDVV-20
20.	Maxflor premix	Florfenicol	Gói, Hộp, Xô	100g, 1kg; 5kg;10; 25kg	Phòng và trị viêm nhiễm trên Heo do vi khẩn nhạy cảm với Florfenicol	LDVV-21
21.	Oxomid 5%	Oxolinic acid	Gói, Hộp,	100g, 1kg	Trị viêm nhiễm do vi khuẩn nhạy cảm với Oxolinic acid gây ra trên heo.	LDVV-22
22.	Suramox 50% Premix	Amoxicillin trihydrate	Gói, hộp, xô, Bao, Thùng	100g; 1kg 5;10; 25kg .	Trị viêm nhiễm do các vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin gây ra trên heo.	LDVV-23
23.	Febezol	Fenbendazol	Gói, Hộp, Bao	10;20;100;500g; 1; 5; 10; 25kg	Tẩy giun sán và ấu trùng giun sán ký sinh trên heo	LDVV-24
24.	Pulmax	Oxytetracyclin, Vitamin C	Gói, Hộp, Bao	10; 20; 100; 500g; .5;10; 25kg	Trị bệnh hô hấp trên heo	LDVV-25
25.	Cocci-Go	Trimethoprim, Sulfadimidine,	Gói, Hộp, Bao	10; 20; 100; 500g;1;5;10;25kg	Trị tiêu chảy do cầu trùng trên heo.	LDVV-26

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
26.	Colidiar	Oxytetracyclin, Vitamin A, D3, K, E, B12, B2, PP, B5	Gói, Hộp, Bao	10; 20; 100; 500g; 1,5; 10; 25kg	Trị viêm ruột, tiêu chảy trên heo	LDVV-27
27.	Maxflor 10% PSP	Flofenicol	Gói	100g	Trị CRD, bệnh do Salmonella,	LDVV-29
28.	Maxflor 2% PSP	Flofenicol	Hộp	1kg; 5; 25kg	Staphylococcus trên gia cầm	LDVV-30
29.	Amphoprim fort	Trimethoprim, Sulfadimidine	Gói Hộp	100g 1kg; 5; 25kg	Trị CRD, Salmonellosis, Staphylococcus trên gia cầm; bệnh hô hấp trên lợn.	LDVV-31
30.	Doxipure	Doxycycline hyclate, Bromhexine HCL	Gói, Hộp, Xô, Thùng	100g; 1; 5; 25kg	Trị bệnh hô hấp trên heo.	LDVV-32
31.	Maxflor Tonic	Florfenicol, Paracetamol	Gói; hộp; xô; thùng	100g; 1; 5; 25 kg	Trị bệnh đường hô hấp kèm theo sốt trên lợn	LDVV-33
32.	Sulfaprim	Sulfadiazine, Trimethoprim	Chai	200; 250ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadiazine và Trimethoprim gây ra trên gia cầm	LDVV-34
33.	Virbamax Premix	Abamectin	Gói, hộp, xô, thùng	100g, 500g; 1, 2, 5, 10, 25kg	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng trên gia súc.	LDVV-35
34.	Fortius 20% PSP	Enrofloxacin	Gói, hộp, xô, thùng	100; 500g; 1; 2; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hoá, niệu đục, nhiễm trùng máu, viêm da, viêm tuyến vú, sinh dục trên heo.	LDVV-36
35.	Virbamec premix	Ivermectin	Gói, hộp, xô, thùng	100; 500g; 1; 2; 5; 10; 25kg	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng	LDVV-37

73. CÔNG TY TNHH Y.S.P VIỆT NAM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	LICOFAT – 44 Premix Powder	Lincomycin Streptomycin	Gói, Bao	50; 100; 500g; 1; 20kg	Trị kết tụ, tiêu chảy, viêm phổi trên lợn, gia cầm.	YSPV-1
2.	Florcol Oral solution 10%	Florfenicol	Chai	100; 500ml; 1; 3; 8; 25l	Trị hô hấp, tiêu chảy, viêm ruột trên heo, gia cầm.	YSPV-2
3.	IRONWON Solution	Iron dextran, Colistin, Tylosin tartrate	Chai	100, 200, 500ml; lít	Trị thiếu máu và tiêu chảy ở heo mới sinh	YSPV-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
4.	Enflosin Oral Solution	Enrofloxacin	Chai	1l	Trị nhiễm trùng do Mycoplasma, Salmonella, CRD, CCRD, Tụ huyết trùng trên gia cầm.	YSPV-4
5.	CLON Premix Powder	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, Bao	50; 100; 500; 1; 10; 20kg	Trị lỵ, viêm phổi, viêm khớp trên heo.	YSPV-5
6.	CHEMIX soluble powder 50%	Flumequine	Gói, Bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 20kg	Trị sung phù đầu sỏ mũi(Coryza), E. coli, Salmonella, Pasteurella trên gia cầm. Trị nhiễm trùng hô hấp, đường ruột trên lợn.	YSPV-6
7.	Poly-E soluble powder	Colistin sulfate	Túi, Bao	20; 100g; 1; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm.	YSPV-7
8.	Rican premix powder	Colistin sulfate	Túi, Bao	100g; 10kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa trên heo, gia cầm.	YSPV-8
9.	Erythromycin-164 Soluble Powder	Erythromycin	Gói, Bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 20kg	Trị bệnh hô hấp, viêm màng hoạt dịch, viêm khớp trên gia cầm	YSPV-9
10.	Amoxicillin Soluble Powder	Amoxicillin	Gói, Bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 10; 20kg	Trị bệnh do nhiễm E.Coli, thương hàn, liên tụ cầu khuẩn, viêm phế quản, viêm khớp, viêm màng não, nhiễm khuẩn gây tiêu chảy trên heo, gia cầm	YSPV-10
11.	Amoxicillin 20% Soluble Powder	Amoxicillin	Gói, Bao	20; 100; 500g; 1; 20kg	Trị bệnh do nhiễm E.Coli, thương hàn, liên tụ cầu khuẩn, viêm phế quản, viêm khớp, viêm màng não, nhiễm khuẩn gây tiêu chảy trên heo, gia cầm	YSPV-11
12.	Amoxicillin 50% Soluble Powder	Amoxicillin	Gói, Bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 10; 20kg	Trị bệnh do nhiễm E.Coli, thương hàn, liên tụ cầu khuẩn, viêm phế quản, viêm khớp, viêm màng não, nhiễm khuẩn gây tiêu chảy trên heo, gia cầm	YSPV-12
13.	Amoxicillin 50% Premix Powder	Amoxicillin	Gói, Bao	100g; 1; 10; 20kg	Trị bệnh do nhiễm E.Coli, thương hàn, liên tụ cầu khuẩn, viêm phế quản, viêm khớp, viêm màng não, nhiễm khuẩn gây tiêu chảy trên heo, gia cầm	YSPV-13
14.	Cefadroxil powder	Cefadroxil	Gói, Bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 20kg	Trị bệnh do vi khuẩn Gr(-), Gr(+) gây ra.	YSPV-14

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
15.	Cephan 50 soluble powder	Cephalexin	Gói, Bao	20; 100g; 1; 10; 20kg	Trị bệnh hô hấp, tiêu hóa trên heo, gia cầm.	YSPV-15
16.	OTC-20 soluble powder	Oxytetracycline	Gói, Bao	10; 50; 100; 500g; 1; 10; 20kg	Trị viêm ruột, thương hàn, Coryza, bệnh phổi mãn tính	YSPV-16
17.	OTC-20 Premix Powder	Oxytetracycline	Gói, Bao	10; 50; 100; 500g; 1; 10; 20kg	Trị viêm ruột, thương hàn, Coryza, bệnh phổi mãn tính	YSPV-17
18.	YUCOMY-20 Premix Powder	Nystatin	Gói, Bao	100g; 1; 20kg	Trị nấm trên heo, gia cầm.	YSPV-18
19.	Sulfarim Premix Powder	Sulfamethoxine Trimethoprim	Gói, Bao	20; 100; 500g; 1; 20kg	Trị viêm phế quản, tiêu chảy, viêm ruột trên heo, gà, vịt.	YSPV-19
20.	Tylosin soluble powder	Tylosin tartrate	Gói, Bao	7.5; 15; 20; 50; 75; 100; 150; 500g; 1; 20kg	Trị lý, viêm phổi, viêm vú và sốt do chuyển chở	YSPV-20
21.	Lemison powder	Levamisole hydrochloride	Gói, Bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 20kg	Trị giun đũa, giun kết hạt, giun phổi, giun lươn, giun tròn, giun móc, sán lá và sán dây	YSPV-21
22.	Fluro Oral solution	Norflloxacin	Chai, Can	100; 200; 500ml; 1; 25l	Trị Colibacillosis, CRD, Salmonellosis, Staphylococcus trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	YSPV-22
23.	Trixine Powder	Sulfadimethoxine Trimethoprim	Gói, Bao	10; 50; 100; 500g; 1; 20kg	Trị bệnh Coryza, viêm phế quản, tiêu chảy	YSPV-23
24.	Sultrim powder	Sulfadiazine, Trimethoprim	Túi, Bao	100g; 1; 20kg	Trị viêm phế quản, viêm phổi, tiêu chảy trên heo, gà, vịt.	YSPV-24
25.	Doxy 10% Powder	Doxycycline	Gói, Bao	20; 50; 100; 150; 500g; 1; 20kg	Kiểm soát biến chứng của viêm phế quản mãn tính	YSPV-25
26.	Conquer Premix Powder	Mebendazole	Gói, Bao	12; 50; 60; 100; 120; 600g; 1; 20kg	Tẩy giun sán trên heo, gia cầm	YSPV-26
27.	Licofat-220 Premix Powder	Lincomycin, Spectinomycin	Gói, Bao	100g; 1; 20kg	Trị lý, viêm ruột do vi khuẩn, tiêu chảy và viêm phổi do Mycoplasma trên heo. Trị CRD, CCRD, viêm khớp, viêm xoang mũi trên gà, vịt.	YSPV-27

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
28.	Maxilyte Soluble Powder	Sodium Chloride, Potassium Chloride, Magnesium Sulfate, Manganese Sulfate, Sodium Citrate, Glucose Anhydrous, Sodium Bicarbonate.	Gói, Bao	100g; 1; 20kg	Cung cấp chất điện giải, khoáng chất; giảm stress; ngừa mất nước do tiêu chảy; giảm nguy cơ giảm trọng lượng; dùng sau đợt điều trị kháng sinh	YSPV-29
29.	Doxy 50% Soluble Powder	Doxycycline Hydrochloride	Gói, Bao	20; 100; 500g; 1; 20kg	Trị CRD, CCRD, nhiễm khuẩn E. Coli trên gà.	YSPV-30
30.	Neosun Powder	Neomycin	Gói, Bao	20; 100; 500g; 1; 20kg	Trị nhiễm trùng ruột, tiêu chảy do nhiễm khuẩn trên gia súc, gia cầm	YSPV-31
31.	Sultrim suspension	Sulfadiazine sodium, Trimethoprim	Chai	100; 500ml; 1; 3.8; 25 lít.	Trị viêm phổi, viêm phế quản, viêm ruột, tiêu chảy, cầu trùng, tụ huyết trùng trên heo, gia cầm.	YSPV-32
32.	Y.K. Premix Powder	8-Hydroxyquinoline of Copper	Túi, bao	100g, 1; 20; 25 kg.	Trị nấm trên gia cầm.	YSPV-33
33.	Sulfolan Premix Powder	Tylosin Tartrate, Sulfamethazine	Túi, bao	100g, 1; 20 kg.	Trị hồng ly, viêm phổi trên heo.	YSPV-34
34.	Q-Lulan Soluble Powder	Sulfachloropyrazine	Túi	20g, 180 g, 1 kg	Trị cầu trùng, thương hàn, tụ huyết trùng trên gà.	YSPV-35
35.	Kwaibo-007 Powder	Vitamin A, D ₃ , E, B ₁ , B ₂ , B ₆ , B ₁₂ , C, H, Nicotinamide, Calcium Pantothenate, Folic Acid	Túi, Bao	10; 50; 100; 500g, 1; 20kg	Ngăn ngừa hội chứng thiếu vitamin, phòng chống stress.	YSPV-36
36.	Canbisu premix powder	Ivermectin	Túi	100; 333g	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên heo.	YSPV-38

74. CÔNG TY TNHH TM&SX VIỆT THỌ

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Dona-Bromhexine	Bromhexine HCl	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25Kg	Long đờm, giảm ho, giãn phế quản trong trường hợp viêm đường hô hấp.	VVT-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2.	Doxo-Gen	Gentamycin sulfate Doxycycline hyclate	Gói, hộp	5;10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp trên trâu bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	VVT-3
3.	Tiadoxo	Doxycycline HCl Tiamuline fumarate	Gói, hộp	5;10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị viêm phế quản - phổi, viêm khớp, hô hấp mãn tính, các bệnh ghép trong hội chứng hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gà	VVT-4
4.	Tylodox	Tylosin tartrate Doxycycline hyclate	Gói, hộp	5;10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp trên trâu bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	VVT-5
5.	Dona-Viacoc	Sulphadimidine, Diaveridine HCl	Gói, hộp	5;10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị cầu trùng, ja chảy và thương hàn.	VVT-6
6.	Colistin 1200	Colistin sulfate	Gói, hộp	5;10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng dạ dày, ruột trên trâu bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	VVT-7
7.	Dona-Ery 20%	Erythromycine thiocyanate	Gói, hộp	5;10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị CRD, viêm phế quản, coryza sung mắt phù đầu, viêm phổi, thương hàn, tụ huyết trùng, tiêu chảy, viêm phế quản, viêm niệu đạo, viêm tử cung trên gia súc, gia cầm.	VVT-8
8.	Dona-Florfenicol	Florfenicol	Gói, lon nhựa, xô	5;10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị viêm phổi, viêm phế quản, viêm phổi dính sườn, <i>Mycoplasma</i> , thương hàn, tụ huyết trùng, suyễn heo, viêm teo xoang mũi truyền nhiễm, khеч vi.	VVT-9
9.	Dona-Flumesol	Flumequin	Gói, hộp	5;10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị viêm phế quản, viêm phổi, <i>E.coli</i> , thương hàn, tụ huyết trùng, viêm đường tiết niệu, viêm tử cung, tiêu chảy trên gia súc, gia cầm.	VVT-10
10.	Dona Ampic-Coli	Ampicillin trihydrate Colistin sulfate	Gói, hộp	5;10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu	VVT-11

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
11.	Neo-Colistin	Neomycin sulfate Colistin sulfate	Gói, hộp	5;10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng đường dạ dày, ruột	VVT-12
12.	ANALGIN + C	Analgin, Vitamin C	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Hạ sốt, giảm stress, tăng sức đề kháng bệnh.	VVT-13
13.	DONA-COLISTIN	Colistin sulphate	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin gây ra trên gia súc, gia cầm.	VVT-14
14.	DONA-DEXA	Dexamethasone	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Kháng viêm, chống dị ứng, chống nhiễm trùng.	VVT-15
15.	DONA LINCO 10%	Lincomycin	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, suyễn, tụ huyết trùng, đóng máu, suyễn, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, viêm da, áp-xe trên trâu, bò, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm.	VVT-16
16.	LINCOSPEC 105	Lincomycin HCl, Spectinomycin	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản, CRD, suyễn, tiêu chảy, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm xoang mũi sung phù đầu, lý trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm, chó, mèo.	VVT-17
17.	DONA-TYLAN 200	Tylosin	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, hồng lý, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn.	VVT-18
18.	DONA NORXACIN	Norfloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày-ruột trên trâu, bò, lợn, chó.	VVT-19
19.	DONA-SEPTRYL	Sulfamethoxypyridazine, Trimethoprim	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị thương hàn, tiêu chảy, viêm ruột, tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, thối móng.	VVT-20
20.	DONA VIT C 2000	Vitamin C	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Tăng cường sức đề kháng, giảm và ngăn ngừa stress, nhanh hồi phục sức khỏe sau điều trị.	VVT-21
21.	DIPYRONE 30 % INJ	Dipyrone	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Hạ sốt, giảm đau.	VVT-22
22.	DONA CALCI B ₁₂	Calcium gluconate, Vitamin B ₁₂	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng và trị các bệnh thiếu máu, thiếu calci, chứng bại liệt trước và sau khi sanh, sốt sữa, còi xương, xốp xương, co giật.	VVT-23
23.	DONAMECTIN 1%	Ivermectin	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng và trị nội ngoại do ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu, lợn.	VVT-24

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
24.	ATROPIN	Atropin sulphate	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Chống co thắt ruột, chống co giật, giải độc khí bị ngộ độc pilocarpine dipterox ...	VVT-25
25.	DONA B COMPLEX	Vitamin B1, B2, B6, B12, Calcium Pantothenate, Niacinamide	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng ngừa và điều trị bệnh thiếu máu, thiếu vitamin nhóm B. Tăng sức đề kháng, chống stress, giải độc, kích thích tiêu hóa, giúp thúc tăng trưởng nhanh, mau phục hồi sau bệnh.	VVT-26
26.	DONA CALCIUM	Calcium gluconate, Boric acid	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng và trị chứng bại liệt, sốt sưa, còi xương, xốp xương, co giật, chống xuất huyết trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo.	VVT-27
27.	DONA GENTA 10%	Gentamycin sulphate	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, dạ dày-ruột, da, mô, tiết niệu, sinh dục trên trâu, bò, lợn, gia cầm, chó, mèo.	VVT-28
28.	HEMATOL B12	Sorbitol, Methionin Vitamin B2, B6, B12	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Tăng cường chức năng giải độc gan, thận trong trường hợp thủ bị bệnh hoặc bị ngộ độc thức ăn (do có nhiều độc tố nấm mốc trong thức ăn) sử dụng kháng sinh thời gian dài. Tăng khả năng tiết mật, kích thích khả năng tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo.	VVT-29
29.	TIA – COLI	Tiamulin HF, Colistin sulfate	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, viêm phổi dính sườn, viêm khớp, Mycoplasma, viêm ruột tiêu chảy, hồng lỵ trên trâu, bò, lợn.	VVT-30
30.	DONA TIAMULIN	Tiamulin	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, Mycoplasma, viêm màng phổi, viêm khớp, hồng lỵ, viêm xoang mũi trên lợn.	VVT-31
31.	DONA ENRO 100	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn dạ dày-ruột, hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn.	VVT-32
32.	DONAPUTIL 250	Tilmicosin phosphate	Chai, can	100; 250; 500ml, 1; 2; 5; 10; 20; 25l	Trị bệnh đường hô hấp trên bê, nghé, heo, gia cầm.	VVT-33
33.	FLORENICOL 10%	Florfenicol	Chai, can	100; 250; 500ml, 1; 2; 5; 10; 20; 25l	Trị nhiễm khuẩn dạ dày-ruột, hô hấp trên lợn, gia cầm.	VVT-34
34.	HEPAMITOL	Methionine, Lysine, Betain HCl, Mangesium sulphate, Sorbitol	Chai, can	100; 250; 500ml, 1; 2; 5; 10; 20; 25l	Giúp tăng tiêu hóa các chất dinh dưỡng và đào thải nhanh chông độc tố khỏi cơ thể.	VVT-35
35.	NORFLOX 10%	Norfloxacin base	Chai, can	100; 250; 500ml, 1; 2; 5; 10; 20; 25l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, đường tiêu trên bò, dê, cừu, heo, gia cầm	VVT-36

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
36.	TOTRAZURIL 2,5 %	Totrazuril	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị cầu trùng trên gia cầm, heo con.	VVT-37
37.	DONA- SPECTOCARE	Spectinomycin	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị E.coli, tiêu chảy trên heo con.	VVT-38
38.	DONA - FLUM	Flumequine	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên heo	VVT-39
39.	DONA – COX 5%	Toltrazuril	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên heo con	VVT-40
40.	BKC 50%	Benzalkonium chloride	Chai, can	100; 250; 500ml, 1; 2; 5; 10; 20; 25l	Sát trùng chuồng trại, cơ sở chăn nuôi, vệ sinh thú y, kho hàng, sát trùng dụng cụ, trang thiết bị chăn nuôi như: máng ăn và máng uống.	VVT-41
41.	DONACIDE	Benzalkonium chloride, Glutaraldehyde	Chai, can	100; 250; 500ml, 1; 2; 5; 10; 20; 25l	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, khử trùng nước.	VVT-42
42.	DONA D.O.C	Thiamphenicol, Oxytetracycline HCl	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị phó thương hàn, tụ huyết trùng, tiêu chảy, lỵ, viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, viêm móng, sốt bỏ ăn không rõ nguyên nhân.	VVT-43
43.	DONA FLODOXY	Florfenicol, Doxycycline	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị phó thương hàn, tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy, viêm khớp, viêm tử cung, viêm vú, sung phù đầu, E.coli, bỏ ăn không rõ nguyên nhân.	VVT-44
44.	GENTATYLO	Tylosin tartra, Gentamicin sulphate	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, viêm vú, viêm tử cung.	VVT-45
45.	DONA LINCOPEN	Lincomycin HCl, Gentamycin sulphate	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản, sưng, viêm khớp, đau sưng móng, viêm da, viêm vú, viêm tử cung, tụ huyết trùng, đông máu, hồng lỵ, tiêu chảy trên trâu, bò, dê, cừu, lợn.	VVT-46
46.	DONA-TYLOCOL	Tylosin tartrate, Colistin sulphate	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm ruột, tiêu chảy, hồng lỵ, viêm phổi, viêm vú trên gia súc, gia cầm.	VVT-47
47.	DONA TYLOSPEC	Tylosin tartrate, Spectinomycin	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, viêm khớp, viêm phế quản, sưng, tụ huyết trùng, viêm khớp, viêm tử cung, đau móng, nhiễm trùng vết thương, tiêu chảy, sung phù đầu, viêm teo xoang mũi, lỵ.	VVT-48

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
48.	DONAMECTIN 27	Ivermectin	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng và trị các bệnh nội ngoại do ký sinh như: giun tròn, giun đũa, giun phổi, giun thân, cái ghẻ, chấy, rận, ve, bọ chét.	VVT-49
49.	DONA TYLO-PC	Tylosin tartrate, Thiampenicol	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm ruột tiêu chảy do E.coli, viêm, tử cung, viêm vú, nhiễm trùng vết thương, viêm khớp, viêm xoang mũi.	VVT-50
50.	ERYCOTRIM	Erythromycin thiocyanate, Colistin sulfate	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị Mycoplasma, viêm phổi, viêm phế quản, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm xoang mũi, tiêu chảy, viêm tử cung, viêm vú	VVT-51
51.	DONA-COLISPEC O.S	Spectinomycin, Colistin sulphate	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn dạ dày-ruột trên lợn con.	VVT-52
52.	DONA-GENTAMOX	Amoxycilin, Gentamycin sulfate	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, sinh dục trên trâu, bò, lợn.	VVT-53
53.	DONA-AMPICOLI D	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, niệu sinh dục và nhiễm trùng thứ cấp trên bò, bê, lợn.	VVT-54
54.	TETRA-SPRAY	Oxytetracycline HCl, Blue Methylene	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh ngoài da, nhiễm khuẩn da, phù nề, dị ứng, vết thương, vết loét.	VVT-55
55.	DICLOFENAC	Diclofenac	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Kháng viêm, giảm đau, hạ sốt nhanh.	VVT-56
56.	DONA-FENBEN 4%	Fenbendazol	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20kg	Tây giun sán ở phổi, ở đường ruột, thận trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo.	VVT-57
57.	DONA-AMOX LA 15%	Amoxycillin	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, niệu-sinh dục, viêm vú, nhiễm khuẩn kế phát trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, chó, mèo.	VVT-58
58.	DONA-ENIRO 10% Oral	Enrofloxacin	Chai, Can	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 5; 10; 20l	Trị nhiễm khuẩn dạ dày-ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, ngựa, dê, cừu, lợn, gia cầm.	VVT-59
59.	DONA-BUTASAL	Butaphosphan, Cyanocobalamin	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng, trị rối loạn chuyển hóa, trao đổi chất, dinh dưỡng kém chậm phát triển, giúp phục hồi nhanh sau khi bệnh trên gia súc, gia cầm.	VVT-60

TỈNH LONG AN
75. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THỦY - THỦY SẢN LONG AN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Flumequyl.1000	Flumequine	Gói Hộp	5; 10; 50; 100g 500g; 1; 10kg	Trị thương hàn, viêm ruột, Ecoli, hội chứng viêm ruột, tiêu chảy phân trắng, vàng, lỏng, nhớt, CRD, tụ huyết trùng cho gia súc, gia cầm, trâu, bò	LAV-32
2.	LA.Septryl 240	Trimethoprim, Sulfaquinoxalin	Gói Hộp	5; 10; 50; 100g 500g; 1; 10kg	Trị CRD, viêm xoang, Ecoli, thương hàn, cầu trùng, viêm dạ dày, viêm ruột, tiêu chảy, viêm phổi, nhiễm trùng đường tiêu .	LAV-36
3.	Anti.CRD	Doxycylin, Sulfadiazin	Gói Hộp	5; 10; 50; 100g 500g; 1; 10kg	Trị CRD, viêm xoang mũi, sung phù đầu, viêm phổi, tụ huyết trùng	LAV-37
4.	Anticoc.LA	Sulfaquinoxalin, Sulfadimedin	Gói Hộp	5; 10; 50; 100g 500g; 1; 10kg	Trị cầu trùng, viêm ruột xuất huyết, tiêu chảy phân trắng, viêm ruột hoại tử, nhiễm khuẩn Ecoli , viêm ruột ở thỏ và heo,...	LAV-38
5.	ETS Fort	Erythromycin, S.methoxyipyridazin	Gói Hộp	5; 10; 50; 100g 500g; 1; 10kg	Trị khẹt vịt, viêm phổi, tụ huyết trùng, CRD và các hội chứng do tạp khuẩn gây bệnh trên đường hô hấp.	LAV-39
6.	Amox.lium	Amoxycilin, Cao tòi (Allium)	Gói Hộp	5; 10; 50; 100g 500g; 1; 10kg	Trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp: viêm phổi, tụ huyết trùng, Ecoli; viêm khớp, sung khớp, viêm kết mạc mắt ,	LAV-40
7.	Super egglayer	Oxytetracyclin, Vitamin	Gói Hộp	5; 10; 50; 100g 500g; 1; 10kg	Phòng, chống các bệnh cho đường hô hấp: viêm phổi, tụ huyết trùng và đường tiêu hóa, viêm ruột, tiêu chảy, Ecoli ,	LAV-41
8.	Anti.Gumboro	Vitamin A,B,K,C Lysin, sorbitol	Gói Hộp	5; 10; 50; 100g 500g; 1; 10kg	Phòng, trị bệnh gumboro trên gia cầm	LAV-42
9.	Ampi.colium plus	Ampicillin, Colistin	Gói Hộp	5; 10; 50; 100g 500g; 1; 10kg	Trị: viêm rốn, viêm phổi, THT, CRD, viêm xoang, viêm khớp, viêm đường sinh dục, viêm ruột, Ecoli, thương hàn, Ecoli	LAV-43
10.	Tylo.sulfa	Tylosin, Sulfadimedin	Gói Hộp	5; 10; 50; 100g 500g; 1; 10kg	Trị viêm phổi, hen do mycoplasma, tạp khuẩn gây bệnh đường hô hấp, CRD,	LAV-44
11.	Tẩy giun.LA	Levamisol	Gói Hộp	5; 10; 50; 100g 500g; 1; 10kg	Diệt các loại giun trên đường tiêu hóa và hô hấp	LAV-45

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
12.	ENROFLOX.1000	Enrofloxacin	Gói, Hộp	5; 10; 50; 100g 500g, 1kg	Trị THT, viêm phổi, CRD, thương hàn, Ecoli, viêm ruột,	LAV-54
13.	NORFLOX.1000	Norflaxacin	Gói, Hộp	5; 10; 50; 100g 500g, 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa do tạp khuẩn, CRD, tụ huyết trùng, viêm xoang trên gia súc, gia cầm, trâu, bò, dê, cừu.	LAV-55
14.	COLISTIN.6000	Colistin	Gói, Hộp	5; 10; 50; 100g 500g, 1kg	Trị viêm ruột tiêu chảy cấp và mãn tính, viêm da dầy, ói mửa, ăn không tiêu.	LAV-57
15.	ANTI.MMA	Flumequine, Blue Methylen	Gói, Hộp	5; 10; 50; 100g 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng đường sinh dục, viêm vú, viêm đường tiêu, các bệnh nhiễm trùng đường sinh dục, đường tiết niệu	LAV-58
16.	VITAMIN C.PLUS	Vitamin C, sorbitol	Gói, Hộp	5; 10; 50; 100g 500g, 1kg, 10kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin C. Giúp giảm sốt, giải độc, mất gan, lợi mật	LAV-61
17.	ÚM GÀ VỊT. LA	Licomycin, Sulfadiazin	Gói, Hộp	5; 10; 50; 100g 500g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa và hô hấp: viêm ruột, tiêu chảy phân trắng, thương hàn, viêm xoang mũi, CRD, Ecoli	LAV-62
18.	COLIVIT.TETRA	Colistin, Oxytetracyclin	Gói, Hộp	5; 10; 50; 100g 500g, 1kg	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn gr(-) và gr(+) gây trên đường hô hấp, tiêu hóa.	LAV-63
19.	MYCO. FAC	Chlotetracyclin Erythromycin, Vit.B1	Gói, Hộp	5; 10; 50; 100g 250; 500g, 1kg	Phòng và trị hội chứng bệnh viêm phổi cấp và mãn tính,	LAV-66
20.	FEN. BEN 40	Fenbendazon, MgSO ₄	Gói, Hộp	5; 10; 50; 100g 500g, 1kg	Phòng và diệt các loại KST : giun tròn và giun dẹp ký sinh trong dạ dày, ruột, phổi,..	LAV-67
21.	Anti.Ecoli	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate, Vit A, D3, E	Gói, Hộp	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1kg 500g; 1; 10kg	Trị tiêu chảy phân trắng, nhiễm trùng ruột, viêm ruột, mất nước, tiêu chảy và suy dinh dưỡng trên heo con và bê.	LAV-86
22.	Đặc trị tiêu chảy - LA	Neomycin sulfate, Colistin sulfate,	Gói, Lon	5; 10; 50; 100; 250; 500g 1kg	Trị viêm dạ dày, ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Neomycin gây ra.	LAV-34
23.	AMPICILLIN	Ampicillin	Lọ	1; 10; 20; 40g	Trị Viêm phổi, THT, CRD, khết, viêm ruột, tiêu chảy, Ecoli, viêm vú, tử cung	LAV-76
24.	AMPI. KANA	Ampicillin, Kanamycin	Lọ	1; 10; 20; 40g	Trị viêm phổi, viêm ruột, THT, Ecoli, CRD, khết, viêm tử cung, viêm khớp	LAV-77

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
25.	AMOXI.GENTA	Amoxycillin, Gentamycin	Lọ	1; 10; 20; 40g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, khớp do vi khuẩn G ⁺ và G ⁻ .	LAV-78
26.	Penicillin	Penicillin G	Lọ	1.000.000UI, 4.000.000UI	Trị đầu son, viêm tử cung, viêm khớp, viêm phổi CRD trên trâu, bò, heo.	LAV-88
27.	Streptomycin	Streptomycin sulfate	Lọ	1; 2; 10g	Trị CRD, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm ruột, tiêu chảy trên trâu, bò, dê, heo, gà vịt.	LAV-89
28.	Peni-Strep	Penicillin G, Streptomycin sulfate	Lọ	1,62; 3,24; 16,2g	Trị CRD, thương hàn, THT, viêm ruột, tiêu chảy trên trâu, bò, dê, heo, gà vịt.	LAV-90

76. CÔNG TY CỔ PHẦN INTERPHARMA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Inter Ampicoli WS	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị CRD, số mũi truyền nhiễm, bệnh tụ cầu khuẩn trên gia cầm. Trị tiêu chảy, viêm phế quản, Salmonellosis trên gia súc.	ITP-1
2.	Inter Domalin WS	Doxycycline HCl Trimethoprim	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường dạ dày-ruột, hô hấp trên bề, ngứa, dê, cừu, heo, gia cầm.	ITP-2
3.	Inter Doxin WS	Doxycycline HCl Tylosin tartrate	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường dạ dày-ruột, hô hấp trên bề, ngứa, dê, cừu, heo, gia cầm.	ITP-3
4.	Inter Doxy WS	Doxycycline HCl	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng gây ra bởi các vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) do Anaplasma, Theileria spp., Rickettsiae và một vài Mycoplasma, Ureaplasma.	ITP-4
5.	Inter Flumesol WS	Flumequine	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine như colibacillosis, pasteurellosis, Salomonellosis trên bê, heo, gia cầm.	ITP-5
6.	Inter Macrolan WS	Tylosin tartrate	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị CRD, cầu trùng, viêm xoang mũi trên gia cầm. Trị lý, tiêu chảy trên heo.	ITP-6
7.	Inter Tiamulin WS	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị xoắn khuẩn Treponema hyodysenteriae nhiễm trùng do Clostridia, xoắn khuẩn Leptospira (pyrogens, canida), nhiễm trùng do Streptococcal, Acti.pleuropneumoniae trên heo. Nhiễm trùng do Mycoplasma spp., Staphylococcus aureus, Treponema spp trên gia cầm.	ITP-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
8.	Inter Colexin	Colistin sulfate Trimethoprim	Ông, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng dạ dày-ruột gây ỉa chảy, bạch ỉa, hồng ỉa, tụ huyết trùng, thương hàn, phó thương hàn, CRD... trên bê, dê non, cừu non, heo, gia cầm, thỏ.	ITP-8
9.	Inter Dexason	Colistin sulfate	Ông, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường tiêu hóa, các hội chứng tiêu chảy ở bê, nghé, heo con, bệnh cầu trùng trên gà.	ITP-9
10.	Inter Coli 2400	Dexamethasone	Ông, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn, dị ứng, chấn thương và các tác nhân khác trên bê, cừu, heo, dê, ngựa, chó, mèo.	ITP-10
11.	Inter Enroflox	Enrofloxacin	Ông, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, tiêu chảy trên bê, nghé. Trị tiêu chảy, tiêu chảy, viêm ruột, hội chứng MMA trên heo. Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, da trên chó.	ITP-11
12.	Inter Fer-B12	Iron Vitamin B12	Ông, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Phòng, trị thiếu sắt, thiếu nu, bệnh tiêu chảy do thiếu sắt, trị bệnh còi cọc trên heo con, bê, nghé.	ITP-12
13.	Inter Florfenicol	Florfenicol	Ông, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp trên ngựa, trâu, bò, cừu, dê, heo, chó, mèo, thỏ và gia cầm.	ITP-13
14.	Inter Flumesol-200	Flumequine	Ông, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường dạ dày- ruột, đường hô hấp và đường tiết niệu trên heo, gia cầm.	ITP-14
15.	Inter Gentamox	Gentamycin, Amoxycillin	Ông, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh tụ huyết trùng, tiêu chảy, viêm phổi, viêm tử cung, viêm khớp trên trâu, bò, cừu, ngựa, heo, gà, vịt	ITP-15
16.	Interflox	Enrofloxacin	Ông, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, nhiễm trùng máu, bệnh đường tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục, viêm vú trên bê, nghé, cừu.	ITP-16
17.	Interspectin	Spectinomycin Lincomycin	Ông, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường dạ dày-ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm, gà tây, chó, mèo.	ITP-17
18.	Inter Ivermectin	Ivermectine	Ông, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị giun da dày ruột, giun phổi, rận, ghẻ... trên gia bê, nghé, dê, cừu, heo.	ITP-18
19.	Inter Kanamycin	Kanamycin	Ông, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị các bệnh do E.coli, Salmonella, nhiễm trùng máu, bệnh đường hô hấp, tiết niệu-sinh dục, viêm khớp, viêm cơ trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo.	ITP-19

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
20.	Inter Levamisol	Levamisol HCl	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Tây các loại giun sán đường phổi và đường ruột trên heo, bò, gia cầm	ITP-20
21.	Inter Limoxin	Oxytetracyclin	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml, 1 lít	Trị nhiễm trùng đường dạ dày-ruột, đường hô hấp, viêm khớp trên bê, nghé, gia súc, dê, cừu, heo.	ITP-21
22.	Inter Neopennicillin	Procaine penicilline G, Neomycin	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với penicillin, Neomycin, gây ra.	ITP-22
23.	Inter Norflox	Norfloxacin	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục ở gia súc, gia cầm.	ITP-23
24.	Inter Norfloxcoli	Norfloxacin	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục trên gia súc, gia cầm.	ITP-24
25.	Inter O.T.C 20% LA	Oxytetracyclin HCl	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng hô hấp, viêm cuống phổi, viêm ruột, nhiễm trùng đường tiểu, mắt, viêm tử cung, viêm vú, viêm tuyến tiền liệt, viêm mủ da trên trâu, bò, heo.	ITP-25
26.	Inter Penstrep-400	Procain penicillin G Dihydrostreptomycin sulfate	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị viêm khớp, viêm vú, nhiễm trùng đường dạ dày-ruột, đường hô hấp, đường sinh dục trên trâu, bò, dê, cừu, heo.	ITP-26
27.	Inter Spectylo	Spectinomycin Tylosin tartrate	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị viêm tử cung, viêm phổi, viêm cuống phổi, nhiễm trùng sau phẫu thuật, tiêu chảy trên trâu, bò, heo, gà, chó, mèo.	ITP-27
28.	Inter Stress Vitamin	Vitamin A, D3, E, B1, B6, PP, B5, Cholin chloride, Lysin HCl, Glycin	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị rối loạn tăng trưởng, tăng trưởng kém, năng suất sinh sản kém, giai đoạn phục hồi.	ITP-28
29.	Inter Sulfadine 333	Sulfadimidin sodium	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên trâu, bì, heo, cừu, dê, gia cầm.	ITP-29
30.	Inter Tiamulin	Tiamulin	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh về đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm.	ITP-30
31.	Inter Tylan	Tylosin tartrate	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin trên gia súc, gia cầm.	ITP-31
32.	Inter Vitamin E-Selen	Vitamin E Sodium selenite	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Phòng trị bệnh thiếu vitamin E trên gia súc, gia cầm; chống khô thai, đẻ non và ngăn ngừa sự ngộ độc sắt trên heo con.	ITP-32

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
33.	Inter Amoxcoli WS	Colistin sulfate Amoxycillin trihydrate	Gói, lon, hộp	5, 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị tụ huyết trùng, tiêu chảy, hồng lỵ, thương hàn, phó thương hàn, viêm phổi, viêm dạ dày-ruột, ỉa chảy do E.coli và Salmonella, CRD...	ITP-33
34.	Inter Colixin WS	Colistin sulfate Trimethoprim	Gói, lon, hộp	5, 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị viêm, nhiễm trùng dạ dày ruột gây ỉa chảy, bạch lỵ, hồng lỵ, tụ huyết trùng, thương hàn, phó thương hàn, CRD...trên bê, dê non, cừu non, heo, gia cầm.	ITP-34
35.	Inter Enroflox WS	Enrofloxacin	Gói, lon, hộp	5, 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày -ruột, đường hô hấp, đường sinh dục trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm.	ITP-35
36.	Inter Levazol WS	Levamisol	Gói, lon, hộp	5, 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Tẩy giun sán trên heo, bò, gà, vịt, ngan, ngỗng, chó, mèo, chim.	ITP-36
37.	Inter Spirasultim	Spirameyin adipat Trimethoprim	Gói, lon, hộp	5, 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh CRD cho gia cầm, thỏ, heo con, bê, cừu non, dê con.	ITP-37
38.	Inter Analgin C	Analgin Vitamin C	Ông, chai, lọ	5, 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Hạ nhiệt, giảm đau. Phối hợp với kháng sinh để điều trị các bệnh nhiễm trùng ở gia súc, gia cầm.	ITP-38
39.	Inter Amox C.D	Colistin sulfate, Amoxycillin trihydrate	Ông, chai, lọ	5, 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị tụ huyết trùng, tiêu chảy, hồng lỵ, thương hàn, phó thương hàn, viêm phổi, viêm dạ dày-ruột, ỉa chảy do E.Coli, Salmonella, CRD trên gai súc, gia cầm.	ITP-39
40.	Inter Amoxin	Amoxycillin, Bromhexin HCl	Gói, lon, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường tiết niệu-sinh dục, đường tiêu.	ITP-40
41.	Inter Coli WS	Colistin sulfate	Gói, lon, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng đường dạ dày-ruột trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	ITP-41
42.	Intercox WS	Sulfaguinoxaline sodium	Gói, lon, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị cầu trùng trên gia cầm, thỏ	ITP-42
43.	Inter Norflox WS	Norfloxacine	Gói, lon, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng đường dạ dày-ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, dê, cừu, heo, gia cầm.	ITP-43
44.	Inter Biomycin	Amoxycillin trihydrate Neomycin sulfate	Ông, chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 500ml, 1 lít	Trị viêm vú gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với amoxycilline và neomycin như: Corynebacterium, E.Coli, Staphylococcus và Streptococcus	ITP-44